

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – TÍN CHỈ
NGÀNH: DƯỢC HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
HỆ: CHÍNH QUY**

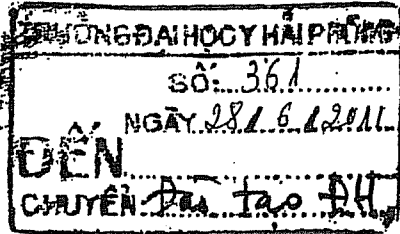
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-YDHP
ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

HẢI PHÒNG - NĂM 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 232/QĐ - BGDDT

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2011



QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Trường Đại học Y Hải Phòng
đào tạo trình độ đại học ngành Dược học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

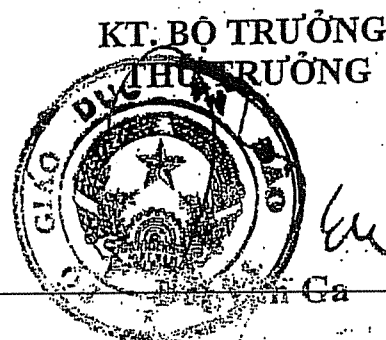
Điều 1. Cho phép Trường Đại học Y Hải Phòng đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Dược học. Chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình khung hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của ngành học nêu trên nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh hệ chính quy do trường đề xuất trên cơ sở các điều kiện đảm bảo chất lượng được cơ quan quản lý cấp trên xác nhận.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Vụ trưởng các Vụ có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, Vụ GDDH.



Số: 223/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 27/02/2015 của Hội đồng Khoa học – Giáo dục Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đối với các ngành sau:

- Y Đa khoa hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Răng hàm mặt hệ Chính quy;
- Y học dự phòng hệ Chính quy;
- Y học cổ truyền hệ Chính quy;
- Dược sĩ đại học hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Cử nhân Điều dưỡng hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học;
- Cử nhân Xét nghiệm y học hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học.

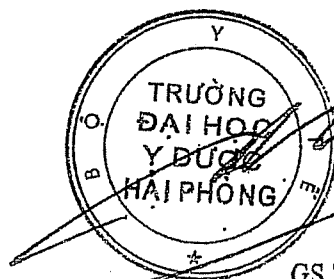
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ; Đào tạo Đại học; Tài chính kế toán; Hành chính tổng hợp; Công tác chính trị; Trưởng các Khoa và Bộ môn trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu HC; ĐTDH;



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 34 Tín chỉ (29 LT- 5TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	TS TC	Phân bố TC	
			LT	TH
Các môn chung				
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-ênin	5	5	0
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.	Đường lối Cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0
4.	Ngoại ngữ	6	6	0
5.	Tin học Đại cương và ứng dụng	3	2	1
6.	Giáo dục thể chất*	3*	1*	2*
7.	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	7*	0	7*
Tổng cộng		19	17	1
Các môn cơ sở khối ngành				
8.	Toán - Thống kê Y dược	3	2	1
9.	Vật lý	3	2	1
10.	Hoá đại cương vô cơ	3	2	1
11.	Sinh học- di truyền	3	2	1
12.	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0
13.	Truyền thông và giáo dục sức khoẻ	2	2	0
Tổng cộng		16	12	4

* Chưa tính môn học/học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh

7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

7.2.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành: 36 Tín chỉ (22 LT – 14 TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	Tổng số TC	Phân bố TC	
			LT	TH
1.	Bệnh học	4	3	1
2.	Giải phẫu	3	2	1
3.	Hóa hữu cơ 1	2	1	1
4.	Hóa hữu cơ 2	2	1	1
5.	Hóa lý dược	2	1	1
6.	Hóa phân tích 1	2	1	1
7.	Hóa phân tích 2	3	2	1
8.	Hóa sinh 1	2	1	1
9.	Hóa sinh 2	2	1	1
10.	Ký sinh trùng	2	1	1
11.	Sinh lý	3	2	1
12.	Sinh lý bệnh miễn dịch	3	2	1
13.	Thực vật dược	3	2	1
14.	Vi sinh	3	2	1
Tổng cộng		36	22	14

16.	Thực hành Dược khoa 2	5	0	5
17.	Thực hành Dược khoa 3	5	0	5
18.	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	10	5	5
	Tổng cộng	54	31	23

HIỆU TRƯỞNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã số:
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Số tiết học: 45 tiết Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0
- Số giờ tự học: 90 tiết Lý thuyết: 90 tiết
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT
- Học phần tiên quyết. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giáo viên giảng dạy: Ths. Nguyễn Tiến Trường, Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh, Ths. Nguyễn Mỹ Chinh, Ths. Nguyễn Thị Nga

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương 1: Sự ra đời của Đảng CSVN và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945); chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); chương 4: Đường lối công nghiệp hóa; chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; chương 6: Đường lối xây dựng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã số:
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Số tiết học: 45 tiết Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0
- Số giờ tự học: 90 tiết Lý thuyết: 90 tiết
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT
- Học phần tiên quyết. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giáo viên giảng dạy: Ths. Nguyễn Tiến Trường, Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh, Ths. Nguyễn Mỹ Chinh, Ths. Nguyễn Thị Nga

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương 1: Sự ra đời của Đảng CSVN và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945); chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); chương 4: Đường lối công nghiệp hóa; chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; chương 6: Đường lối xây dựng

hệ thống chính trị; chương 7: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương 8: Đường lối đối ngoại.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: Sinh viên có hiểu biết về những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình bày được nội dung đường lối của Đảng từ khi Đảng ta ra đời, nhất là đường lối thời kỳ Đổi mới.

- Về thái độ: Xây dựng cho sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

- Về hành động: Sinh viên biết vận dụng kiến đã học để tiếp tục học tập, rèn luyện và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn của mình.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	3		6
	I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học			
2	Chương I: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG	4		8
	I. Hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng			
3	Chương II: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH	4		8

	CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)			
	I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1936 đến năm 1939 II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945			
	Chương III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)	4		8
4	I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1945) II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954 - 1975)			
	Chương IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		8
5	I. Công nghiệp hóa trước thời kỳ đổi mới II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới			
	Chương V: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	4		8
6	I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.			
	Chương VI: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	4		8
7	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1986) II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới			
	Chương VII: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	4		8
8	I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và			

	CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)			
	I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1936 đến năm 1939 II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945			
	Chương III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)	4		8
4	I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1945) II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954 - 1975)			
	Chương IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		8
5	I. Công nghiệp hóa trước thời kỳ đổi mới II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới			
	Chương V: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	4		8
6	I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.			
	Chương VI: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	4		8
7	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1986) II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới			
	Chương VII: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	4		8
8	I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và			

	CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)			
	I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1936 đến năm 1939 II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945			
	Chương III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)	4		8
4	I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1945) II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954 - 1975)			
	Chương IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		8
5	I. Công nghiệp hóa trước thời kỳ đổi mới II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới			
	Chương V: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	4		8
6	I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.			
	Chương VI: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	4		8
7	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1986) II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới			
	Chương VII: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	4		8
8	I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và			

	phát triển nền văn hóa			
	II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội			
	Chương VIII: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI	4		8
9	I. Đường lối đối ngoại trước thời kỳ đổi mới (1975 - 1985)			
	II. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới			
	Tổng số	45		90

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia thảo luận, thuyết trình, làm bài tập theo yêu cầu của môn học.

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

- Bộ môn Lý luận Chính trị: *Tập bài giảng Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*

6.1. Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học

- **Đánh giá quá trình:** Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- **Đánh giá cuối kỳ:** Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phân bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

BỘ MÔN

Nguyễn Tiên Trường

- Tổng số tín chỉ: 3 Thực hành: 3
- Số tiết học: 135 Thực hành: 135
- Số lần thi: 3 (Lý thuyết: 0, Thực hành: 3)
- Đối tượng: Sinh viên Đại học hệ chính quy.
- Giảng viên giảng dạy:

- Trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện các tố chất thể lực và trang bị kỹ thuật một số môn thể thao để giúp sinh viên lựa chọn cho mình môn thể thao phù hợp và yêu thích từ đó sinh viên tập luyện thường xuyên để có sức khỏe tốt phục vụ học tập và công tác.

- Sinh viên có ý thức tổ chức kỷ luật và có thái độ học tập tự giác, tích cực trong học tập và tập luyện thể dục thể thao.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC:

STT	Tên Bài	Số tiết LT	Số tiết TH
Tín chỉ 1: Điền Kinh			
	* Chạy cự ly ngắn 100m:		
1	- Bài tập khởi động và bài tập bổ trợ .		4
2	- Kỹ thuật xuất phát, kỹ thuật chạy lao sau xuất phát		4
3	- Kỹ thuật chạy giữa quãng, kỹ thuật về đích.		4
4	- Các bài tập phát triển sức nhanh		4
5	- Hoàn thiện kỹ thuật		6
	* Chạy cự ly trung bình:		
6	- Kỹ thuật xuất phát cao và kỹ thuật chạy giữa quãng.		4
7	- bước chạy và hít thở trong chạy cự ly trung bình.		4
8	- Kỹ thuật chạy đường thẳng, đường vòng và kỹ thuật về đích.		4
9	- Các bài tập phát triển sức bền tốc độ.		4
10	- Hoàn thiện cự ly		7
Tín chỉ 2: Bóng chuyền			
11	- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.		12
12	- Kỹ thuật đệm bóng.		12
13	- Kỹ thuật phát bóng.		12
14	- Thi đấu bóng chuyền		9

Tín chỉ 3: Bóng rổ			
15	- Kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật bắt bóng và kỹ thuật chuyền bóng.		12
16	- Kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên vai		12
17	- Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai		12
18	- Thi đấu bóng rổ		9

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC:

- + Phương pháp trực quan.
- + Phương pháp nguyên vẹn.
- + Phương pháp phân chia hợp nhất.
- + Phương pháp chia nhóm
- + Phương pháp trò chơi, thi đấu.

6. LƯỢNG GIÁ:

Nội dung thi tín chỉ:

- Tín chỉ 1: Thi chạy ngắn 100m(tính giây) và chạy cự ly trung bình 800m với nữ và 1500m với nam(tính phút).
- Tín chỉ 2 : Thi chuyền bóng, đệm bóng, và phát bóng (mỗi nội dung thực hiện 5 quả. Chấm thành tích và kỹ thuật động tác)
- Tín chỉ 3: Thi tại chỗ ném rổ một tay trên vai và tại chỗ ném rổ một tay trên cao(mỗi nội dung thực hiện 5 quả. Chấm hiệu quả và kỹ thuật động tác)
- Cách tính điểm: Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên = 30%

Điểm thi kết thúc = 70%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

7.1. Tài liệu dạy học:

- Giáo trình giảng dạy lý thuyết (Bộ môn GDTC trường Đại học Y Hải Phòng năm 2013).
- Giáo trình giảng dạy thực hành (Bộ môn GDTC trường Đại học Y Hải Phòng năm 2013).

7.2: Tài liệu tham khảo

- Giáo trình giảng dạy Điền kinh cho khối các Trường ĐH&CD không chuyên.
- Giáo trình Bóng chuyền. Nhà XB TDTT năm 2004
- Giáo trình bóng rổ: Dùng cho sinh viên trường Đại học TDTTBắc Ninh năm 2006
- Giáo trình Y học TDTT của trường Đại học TDTT Bắc Ninh Năm 2004

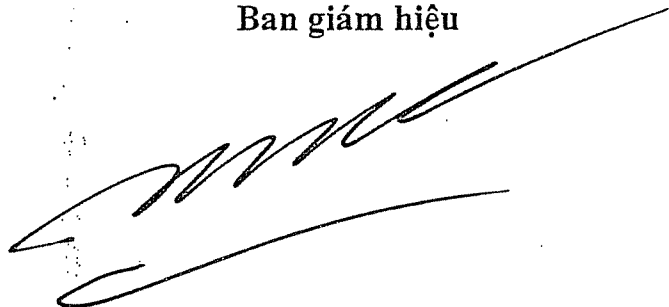
8. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Lý thuyết: Giảng dạy tại giảng đường có trang bị máy chiếu.
- Thực hành:
 - + Sân bãi: Sân Điền kinh, sân bóng chuyền, sân bóng rổ.
 - + Dụng cụ: Còi, đồng hồ bấm giờ, số đeo, bóng chuyền, bóng rổ(Bóng chuyền, bóng rổ đảm bảo tối thiểu 2 sinh viên có một quả bóng.)
 - + Địa điểm: Tại Trường Đại học Y Hải Phòng, Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam và Trường Cao Đẳng Hàng Hải,

Hải phòng, ngày 5 tháng 8 năm 2015

Ban giám hiệu

Phó trưởng bộ môn




Nguyễn Khánh Hưng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGOẠI NGỮ 1 – NGÀNH DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN1

Tổng số tín chỉ: 2 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 30 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ nhất

Học phần tiên quyết: không có

Học phần học trước: không có

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
- GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
- GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
- GV Ths. Phạm Bích Ngọc
- GV Ths. Đỗ Phương Linh Chi
- GV Cn. Nguyễn Thị Hải Yến
- GV Cn. Nguyễn Thành Trung
- GV Cn. Nguyễn Thu Hiền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN1 là học phần mở đầu của môn học ngoại ngữ, nhằm củng cố kiến thức ngữ pháp cơ bản và bước đầu giới thiệu cho sinh viên tiếp cận với những từ vựng đơn giản thuộc chuyên ngành.

Điều kiện tham gia học phần NN1: Sinh viên phải thi đạt bài kiểm tra trình độ ngoại ngữ A2 của Bộ môn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được ngữ pháp cơ bản và từ vựng đơn giản thuộc chuyên ngành.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.
- Về thái độ: sinh viên nhận biết được vai trò của Tiếng Anh trong chương trình học và trong chuyên ngành.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	1B. Introducing yourself and hospital staff (p.5-10)	3		6
2	1C. Hospital personnel Health Care Workers (p.12-14)	3		6
3	1D. Wards and departments in a hospital (p.15-18)	3		6
4	1D. Continued (19-21)	3		6
5	1E. Present Simple Tense (p.22-28)	3		6
6	1F. The Anatomical Position and Body parts (p.29-33)	3		6
7	Revision + Mini-test + Cross-check	3		6
8	1G. Toiletries (p.35-40)	3		6
9	1H. Machines, Instruments and other gadgets (p.41-43)	3		6
10	1I. Days of the week, months and seasons (p.45-47) Revision	3		6
		30		60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận....

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phần, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình “English for Nursing and Health Care”; Robin A. Bradley, Nhà xuất bản McGraw – Hill.

7.2. Tài liệu tham khảo

- “Essential Grammar in Use”, Raymond Murphy, Cambridge University Press
- “English Grammar in Use”, Raymond Murphy, Cambridge University Press.
- “English in Medicine”- The third edition, Cambridge University Press.

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Khảo sát trình độ ngoại ngữ đầu khóa học bằng một bài kiểm tra viết-đọc-ngữ pháp tương đương trình độ A2.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi vấn đáp: Sinh viên thi nói về một số chủ đề đã học.
- Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi trắc nghiệm 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

$$TKHP = (\text{Thi Viết} \times 2 + \text{Thi Nói}) / 3$$

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2. Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

$$TKHP \text{ lần 2} = (\text{Thi Viết lần 2} \times 2 + \text{Thi Nói}) / 3$$

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Nguyễn Thu Hiền

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGOẠI NGỮ 2 – NGÀNH DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN2

Tổng số tín chỉ: 2 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 30 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ hai

Học phần tiên quyết: NN1

Học phần học trước: NN1

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
- GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
- GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
- GV Ths. Phạm Bích Ngọc
- GV Ths. Đỗ Phương Linh Chi
- GV Cn. Nguyễn Thị Hải Yến
- GV Cn. Nguyễn Thành Trung
- GV Cn. Nguyễn Thu Hiền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN2 là học phần tiếp theo của học phần NN1. Học phần NN2 nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp và từ vựng cơ bản được sử dụng trong bối cảnh và tình huống giao tiếp thường gặp ở bệnh viện.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được ngữ pháp cơ bản và một số nguyên tắc cấu tạo từ vựng chuyên ngành.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành
- Về thái độ: sinh viên củng cố, nâng cao nhận thức về vai trò của Tiếng Anh trong chương trình học và trong chuyên ngành.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	1J. Shift workers, time and numbers (p.48-51)	3		6
2	1K. Daily routines (p.52-57)	3		6
3	1L. Activities of daily living (p.58-60)	3		6
4	1L. Continued (61-65)	3		6
5	1M. Taking risks (p.66-69)	3		6
6	Revision + Mini-test + Cross-check	3		6
7	1N. Health and diseases (p.70-73)	3		6
8	1N. Continued (p.74-75)	3		6
9	1O. Observation (p.77-80)	3		6
10	1P. Medical Terminology (p.81-84) Revision	3		6
		30		60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận....

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình “English for Nursing and Health Care”; Robin A. Bradley, Nhà xuất bản McGraw – Hill.

7.2. Tài liệu tham khảo

- “Essential Grammar in Use”, Raymond Murphy, Cambridge University Press
- “English Grammar in Use”, Raymond Murphy, Cambridge University Press.
- “English in Medicine”- The third edition, Cambridge University Press.

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi vấn đáp: Sinh viên thi nói về một số chủ đề đã học.
- Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi trắc nghiệm 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

$$TKHP = (\text{Thi Viết} \times 2 + \text{Thi Nói}) / 3$$

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2. Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

$$TKHP \text{ lần 2} = (\text{Thi Viết lần 2} \times 2 + \text{Thi Nói}) / 3$$

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

Nguyễn Thị Huyền

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
' NGOẠI NGỮ 3 – NGÀNH DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN3

Tổng số tín chỉ: 2 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: **30 tiết** (lý thuyết)

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ hai

Học phần tiên quyết: NN1, NN2

Học phần học trước: NN2

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
- GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
- GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
- GV Ths. Phạm Bích Ngọc
- GV Ths. Đỗ Phương Linh Chi
- GV Cn. Nguyễn Thị Hải Yến
- GV Cn. Nguyễn Thành Trung
- GV Cn. Nguyễn Thu Hiền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN3 là học phần cuối cùng trong chương trình học Ngoại ngữ, nhằm đi sâu cung cấp vốn từ vựng chuyên ngành Y về cấu trúc cơ thể người và một số chức năng cụ thể.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được vốn từ vựng mô tả cấu trúc và chức năng của cơ thể con người
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng đọc, viết với các chủ đề về cấu trúc và chức năng cơ thể con người.
- Về thái độ: sinh viên củng cố, nâng cao nhận thức về vai trò của Tiếng Anh trong chương trình học và trong chuyên ngành.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	3A. Levels of Organization (p.124-125)	3		6
2	3B. The structure and function of body systems (p.126-128)	3		6
3	3B. Continued (p.129-131)	3		6
4	3C. Directional terms (p.132-133)	3		6
5	3C. Continued (p.134-135)	3		6
6	3D. The skeletal system (p.136-138)	3		6
7	3E. Joints and Fractures (p.139-141)	3		6
8	3F. Movement, Posture, and Lifting (p.142-143) + Mini-test	3		6
9	3G. Disease (p.144-145) + Review of Mini-test	3		6
10	3G. Continued (p.146-148) Revision	3		6
		30		60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận....

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình “English for Nursing and Health Care”; Robin A.Bradley, Nhà xuất bản McGraw – Hill.

7.2. Tài liệu tham khảo

- “Essential Grammar in Use”, Raymond Murphy, Cambridge University Press
- “English Grammar in Use”, Raymond Murphy, Cambridge University Press.
- “English in Medicine”- The third edition, Cambridge University Press.

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luậnm 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

$$\text{TKHP} = \text{Thi Viết}$$

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2.

$$\text{TKHP lần 2} = \text{Thi Viết lần 2}$$

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

Nguyễn Thu Hiền

7.2. Tài liệu tham khảo

- “Essential Grammar in Use”, Raymond Murphy, Cambridge University Press
- “English Grammar in Use”, Raymond Murphy, Cambridge University Press.
- “English in Medicine”- The third edition, Cambridge University Press.

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luậnm 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

$$\text{TKHP} = \text{Thi Viết}$$

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2.

$$\text{TKHP lần 2} = \text{Thi Viết lần 2}$$

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

Nguyễn Thu' Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần 1)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN 3, 2, 3,2

- Mã số học phần:
- Tên học phần: **Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1.**
- Tổng số tín chỉ: 2 (2/0) Lý thuyết: 2
- Phân bố thời gian Lý thuyết: 30
- Tự học: Lý thuyết: 60
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YHCT, YHDP
- Học phần tiên quyết:
- Học phần trước:
- Học phần song hành:
- Bộ môn phụ trách: Lý luận chính trị
- Giảng viên: Ths Hoàng Thị Minh Hương, Ths. Trịnh Thị Thủy, Ths. Trần Thị Thanh Loan, Ths. Trương Thị Nga

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 1, bao gồm các chương:

- Chương mở đầu: Nhập môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương II: Phép biện chứng duy vật
- Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- **Về kiến thức:** Sau khi học xong, sinh viên cần nắm và trình bày được những nội dung cơ bản về Triết học Mác - Lênin; làm cơ sở để xây dựng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng.

- **Về kỹ năng:** Vận dụng được những nguyên lý của Triết học Mác - Lênin vào nhận thức và hoạt động thực tiễn.

- **Về thái độ:** Giúp cho sinh viên nâng cao niềm tin vào quá trình đổi mới ở nước ta, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	NỘI DUNG	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Chương mở đầu: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN	2		4
	I. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học “Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin”			
2	Chương I: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	3		6
	I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng II. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức			
3	Chương II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	12		24
	I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật II. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng			
4	Chương III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	13		26

	I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. IV. Hình thái kinh tế xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội. V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp. VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.			
--	--	--	--	--

5. Phương pháp dạy - học

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận, kiểm tra theo yêu cầu của môn học
- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. Tài liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Bộ môn Lý luận chính trị: *Tập bài giảng Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- **Đánh giá ban đầu**

- + Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học

- **Đánh giá quá trình:** Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

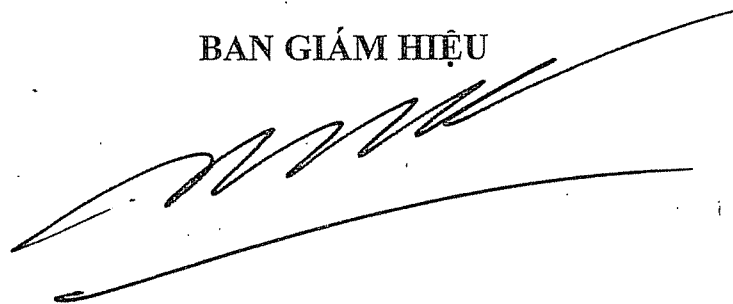
Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- **Đánh giá cuối kỳ:** Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

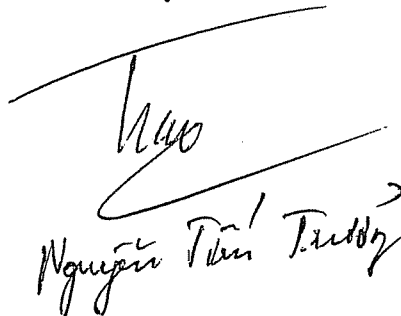
BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

BỘ MÔN



Nguyễn Tấn Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần 2)

1. Thông tin chung về học phần

- Mã số:
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Số tiết học: 45 Tiết Lý thuyết: 45 tiết; Thực hành: 0
- Số tiết tự học: 90 tiết Lý thuyết 90 tiết
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT
- Học phần tiên quyết: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1**
- Học phần học trước:
- Học phần song hành
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giảng viên: Ths Hoàng Thị Minh Hương, Ths. Trịnh Thị Thủy, Ths. Trần Thị Thanh Loan, Ths. Trương Thị Nga

2. Mô tả học phần:

Phần 1: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa:

Chương IV: Học thuyết giá trị.

Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư.

Chương VI: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Phần 2: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội:

Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3. Mục tiêu của học phần:

* *Về kiến thức*: Sau khi học, sinh viên cần hiểu và trình bày được những nội dung cơ bản về học thuyết kinh tế- chính trị và lý luận về chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin.

* *Về kỹ năng*: Vận dụng các kiến thức đã học để nâng cao nhận thức và hoạt động thực tiễn.

* *Về thái độ*: Xây dựng ý thức và bản lĩnh chính trị đúng đắn cho sinh viên, củng cố niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn..

4. Nội dung chi tiết học phần:

NỘI DUNG	SỐ TIẾT		
	LT	TH	Tự học
Học phần thứ hai: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa	25		50
Chương 4: Học thuyết giá trị	7		14
4.1 Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá			
4.2 Hàng hoá			
4.3 Tiền tệ			
4.4 Quy luật giá trị			
Chương 5 : Học thuyết giá trị thặng dư	8		16
5.1 Sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản			
5.2 Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản			
5.3 Tiền công trong chủ nghĩa tư bản			
5.4 Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản			

5.5	Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư			
5.6	Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.			
Chương 6: Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước		5		10
6.1	Chủ nghĩa tư bản độc quyền			
6.2	Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước			
6.3	Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại			
6.4	Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB			
Phần thứ ba: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội		20		40
Chương 7: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa		8		16
7.1	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân			
7.2	Cách mạng xã hội chủ nghĩa			
7.3	Hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa			
Chương 8: Những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.		7		14
8.1	Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa			
8.2	Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa			
8.3	Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo			
Chương 9: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng		5		10
9.1	Chủ nghĩa xã hội hiện thực			
9.2	Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội			

xô viết và nguyên nhân của nó			
9.3 Triển vọng của chủ nghĩa xã hội			
Tổng cộng	45		90

5. Phương pháp dạy - học

5.1 Phương pháp dạy: Phương pháp thuyết trình, Phương pháp vấn đáp, Phương pháp nêu vấn đề, Phương pháp thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. Tài liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn: *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Tập bài giảng: *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Bộ môn Lý luận chính trị biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình các môn học: Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học do Hội đồng lý luận trung ương; Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Hội đồng lý luận trung ương: *Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 2015.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- **Đánh giá ban đầu**

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học

- **Đánh giá quá trình:** Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp.

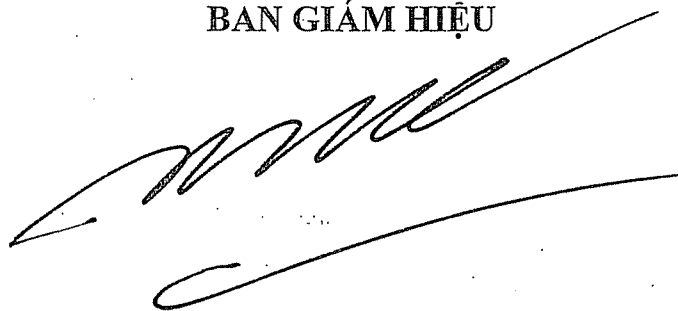
Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- **Đánh giá cuối kỳ:** Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

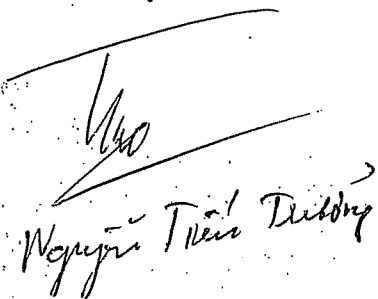
8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

BỘ MÔN



Nguyễn Tiến Dũng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TIN HỌC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG & ỨNG DỤNG
(2015 - 2016)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 02 Thực hành: 01

Phân bổ thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng sinh viên: (năm thứ nhất): Dược sĩ

Học phần tiên quyết: Toán xác suất thống kê

Học phần học trước: không

Học phần song hành: không

Giáo viên giảng dạy: Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Chăm, Trịnh Anh Tuấn, Lương Thanh Nhạn, Đoàn Văn Thành, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Văn Trọng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần tin học đại cương và ứng dụng bao gồm 3 tín chỉ: 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường có máy chiếu (projector). Các buổi thảo luận và bài tập được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng máy, sinh viên thực hiện các thao tác trên máy tính dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Kiến thức:

+ Có kiến thức tin học cơ bản làm nền tảng cho việc áp dụng các kiến thức về công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng tin học trong y học.

+ Nắm được các kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành, các thao tác trên văn bản, nhập và phân tích số liệu cơ bản của phần mềm thống kê SPSS.

- Kỹ năng:

Vận dụng các kiến thức lý thuyết đã được trang bị để thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành:

+ Thực hiện được các thao tác về soạn thảo văn bản Word như tạo tài liệu, định dạng tài liệu, làm việc với bảng biểu, trộn văn bản, định dạng trang văn bản và in ấn.

+ Thiết kế cấu trúc bảng số liệu, nhập, mã hóa, phân tích và thống kê số liệu.

+ Phiên giải các kết quả thống kê, lập các báo cáo số liệu.

- Thái độ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TIN HỌC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG & ỨNG DỤNG
(2015 - 2016)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 02 Thực hành: 01

Phân bổ thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng sinh viên: (năm thứ nhất): Dược sĩ

Học phần tiên quyết: Toán xác suất thống kê

Học phần học trước: không

Học phần song hành: không

Giáo viên giảng dạy: Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Chăm, Trịnh Anh Tuấn, Lương Thanh Nhạn, Đoàn Văn Thành, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Văn Trọng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần tin học đại cương và ứng dụng bao gồm 3 tín chỉ: 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường có máy chiếu (projector). Các buổi thảo luận và bài tập được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng máy, sinh viên thực hiện các thao tác trên máy tính dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Kiến thức:

+ Có kiến thức tin học cơ bản làm nền tảng cho việc áp dụng các kiến thức về công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng tin học trong y học.

+ Nắm được các kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành, các thao tác trên văn bản, nhập và phân tích số liệu cơ bản của phần mềm thống kê SPSS.

- Kỹ năng:

Vận dụng các kiến thức lý thuyết đã được trang bị để thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành:

+ Thực hiện được các thao tác về soạn thảo văn bản Word như tạo tài liệu, định dạng tài liệu, làm việc với bảng biểu, trộn văn bản, định dạng trang văn bản và in ấn.

+ Thiết kế cấu trúc bảng số liệu, nhập, mã hóa, phân tích và thống kê số liệu.

+ Phiên giải các kết quả thống kê, lập các báo cáo số liệu.

- Thái độ:

Sinh viên tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu, thảo luận; sáng tạo trong thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành,... nghiêm túc chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	TỰ HỌC
1	Phần 1. Đại cương về tin học			
	1. Thông tin, mã hóa thông tin, đơn vị đo thông tin	1	1	15
	2. Cấu trúc máy tính: cấu tạo và chức năng từng thành phần máy tính.	1	1	
	3. Quản lý thông tin trên máy tính	1	1	
2	4. Hệ điều hành Windows	2	2	
	Phần 2. Microsoft Word			
	1. Tổng quan về Microsoft Word	1	1	30
	2. Các thao tác cơ bản trên Word	1	1	
	3. Định dạng văn bản	2	2	
	4. Chèn các đối tượng vào văn bản	2	2	
	5. Thao tác với bảng biểu	2	2	
	6. In tài liệu Word	1	1	
	7. Một số thao tác nâng cao	1	1	
3	Phần 3. Phần mềm thống kê			
	1. Thiết kế và nhập dữ liệu	2	2	45
	2. Các thao tác với biến	2	2	
	3. Trình bày dữ liệu	2	2	
	4. So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập	3	3	
	5. Kiểm định phân phối chuẩn và kiểm định trung bình	3	3	
	6. Tương quan và hồi quy tuyến tính	3	3	
Cộng		30	30	90

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: Giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo, ... trên cơ sở lấy người học là trung tâm của quá trình dạy học, giáo viên là người nêu vấn đề và tổng kết.

- Thực hành: Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, nêu tình huống, thảo luận cách giải quyết, sinh viên thực hiện trên máy tính dưới sự giám sát, hỗ trợ của giảng viên, kỹ thuật viên.

5.2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên học: lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận nhóm, kiểm tra và thực hành tại phòng máy tính.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Giáo trình chính

[1]. Bộ môn Tin học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, *Giáo trình Tin học* 2015.

6.2 Tài liệu tham khảo

[1]. Microsoft, *Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word 2010*, 2010.

[2]. Microsoft, *Microsoft Word 2010 Step by Step*, 2010.

[3]. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng – Phần thống kê cơ bản*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2009.

[4]. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng – Phần phân tích số liệu*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2009.

[5]. Nguyễn Ngọc Rạng, *Thiết kế nghiên cứu và thống kê y học*, Nhà xuất bản Y học TP Hồ Chí Minh, 2012.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu:

Vấn đáp sinh viên về kiến thức đã được học.

Kiểm tra – đánh giá quá trình:

Đánh giá nhận xét sinh viên sau các bài thực hành (mức độ hoàn thành, chất lượng, ý thức học tập...)

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ

- Điều kiện dự thi hết học phần:

+ Sinh viên phải có mặt 90% giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành.

+ Điểm thi thực hành từ 5.0 trở lên.

- Thi kết thúc học phần: thi viết hoặc vấn đáp.

- Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: $TKHP = (THI \times 2 + TH)/3$

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- 02 phòng thực hành: mỗi phòng có 30 máy tính được nối mạng Internet.

- Máy chiếu, máy in.

Hải Phòng, ngày..... tháng năm 20....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chiến*

Trần Thanh Vân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2 Tín chỉ; Lý thuyết: 2 tín chỉ; Thực hành: 0

Phân bổ thời gian: 30 tiết Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0

Tự học: 60 tiết Lý thuyết: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT

Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần trước đó: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị

Giảng viên: Ths Nguyễn Tiến Trường, Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh, Ths. Đinh Thị Mai Hương, Cn. Đoàn Thị Nguyệt

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sau khi học tập, sinh viên cần hiểu và trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Về thái độ, sinh viên có lập trường, quan điểm trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Về kỹ năng, sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	NỘI DUNG	SỐ TIẾT		Tự học
		LT	TH	
1	Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	2		4
	I. Đối tượng nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên			
2	Chương I: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	4		8
	I. Cơ hình thành TTHCM II. Quá trình hình thành và phát triển TTHCM			
3	Chương II: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC	4		8
	I. TTHCM về vấn đề dân tộc II. TTHCM về cách mạng giải phóng dân tộc			
4	Chương III: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	4		8
	I. TTHCM về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam II. TTHCM về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam			
5	Chương IV: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	4		8

	I. Quan điểm của HCM về bản chất, vai trò của ĐCSVN II. TTHCM về xây dựng ĐCSVN trong sạch, vững mạnh			
6	Chương V: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	4		8
	I. TTHCM về đại đoàn kết dân tộc II. TTCHM về đoàn kết quốc tế			
	Chương VI: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN	4		8
7	I. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước II. Quan điểm của HCM về sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân III. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ IV. Xây dựng Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả			
	Chương VII: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI	4		8
8	I. Những quan điểm cơ bản của HCM về văn hóa II. TTHCM về đạo đức III. TTHCM về xây dựng con người mới			
Tổng số		30		60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận, trình chiếu

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận, làm bài tập theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu dạy

- Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia

- Tập bài giảng: *Tư tưởng Hồ Chí Minh* do Bộ môn biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Hội đồng Lý luận Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh -Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội (2000)

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- *Đánh giá ban đầu*

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học

- *Đánh giá quá trình*: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- *Đánh giá cuối kỳ*: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU

BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Nguyễn Đức Thuận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: hóa đại cương – vô cơ
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 3(2/1)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học Dược Chính Quy
- Loại môn học:
 - Bắt buộc: ☒
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này): không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 6 tiết
 - Thảo luận : 4 tiết
 - Thực hành, thực tập : 30 tiết
 - Tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: Hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

Sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về đại cương và vô cơ để có khả năng:

Trình bày được cấu tạo hoá học của các hệ vật chất nhờ thừa nhận nguyên lý cơ học lượng tử.

Giải thích được cơ chế, điều kiện phản ứng nhờ áp dụng các định luật của quá trình hóa học.

Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá đại cương vô cơ trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm 2 phần, 12 chương.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

1/ Bộ môn Hóa học, Giáo trình Hoá học, (Lưu hành nội bộ).

2/ Bộ môn Hóa học, Thực hành Hóa học, (Lưu hành nội bộ).

- Tài liệu tham khảo:

3/ Lê Thành Phước, Thực tập hóa đại cương - vô cơ, (2004) NXB Đại học Dược Hà Nội

4/ Lê Thành Phước, Lý thuyết Hóa Đại cương - Vô cơ, (2005), Giáo trình dùng cho Sinh viên Dược hệ chính quy (Quyển I) - NXB Đại học Dược Hà Nội.

5/ Lê Thành Phước, Lý thuyết Hóa Đại cương - Vô cơ, (2006) - Giáo trình dùng cho sinh viên Dược hệ chính quy (Quyển II) - NXB Đại học Dược Hà Nội.

6/ Lê Thành Phước, Lý thuyết Hóa Đại cương - Vô cơ, (2006) - Giáo trình dùng cho sinh viên Dược hệ chính quy (Quyển III) - NXB Đại học Dược Hà Nội.

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Tên chương – Bài học	Số tiết
1	Cấu tạo nguyên tử - Định luật tuần hoàn	4
2	Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học	4
3	Phức chất	8
4	Động học	4
5	Nhiệt động học	4
6	Các nguyên tố kim loại và phi kim	6
	Cộng	30

5.2 Thực hành

STT	Nội dung thực hành	Số tiết
1	Bài 1: Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong PTN.	4
2	Bài 2: Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học	4
3	Bài 3: Phức chất	4
4	Bài 4: Phản ứng oxi hóa khử	4
5	Bài 5: Kim loại nhóm A	4
6	Bài 6: Kim loại nhóm B	5
7	Bài 7: Phi kim	5
Tổng		30

5.3 Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần 1: Từ:.... Đến...	Chương 1: Các định luật hóa học cơ bản Chương 2: Cấu tạo nguyên tử	2 2					Đọc quyển ..., trang... Chuẩn bị câu hỏi ...	
Tuần 2: Từ:.... Đến...	Chương 3: Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học	3	1		2			
Tuần 3: Từ:.... Đến...	Chương 4: Phức chất	3	1	1	4			
Tuần 4: Từ:.... Đến...	Chương 5: Nhiệt động học	3	1	1	4			
Tuần 5: Từ:.... Đến...	Chương 6: Động hóa học	3	1	1	4			
Tuần 6: Từ:.... Đến...	Chương 7: Dung dịch	4	1	1	8			
Tuần 7: Từ:.... Đến...	Chương 8: Kim loại và phi kim	4		2	8			

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: $ĐTB = (LT \times 2 + TH) / 3$

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

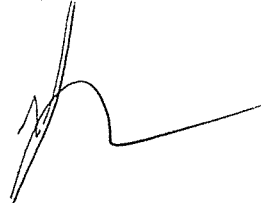
- ThS. Nguyễn Thị Hương

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu



Trưởng Bộ môn



Vũ Thị Kim Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Châu*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Mã số môn học: Sinh học đại cương
2. Đối tượng: Dược sỹ đại học
3. Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
4. Số tiết học: Lý thuyết: 15 tiết Thực hành: 30
5. Số lần thi: Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
6. Số giờ tự học: 30
7. Mục tiêu:
 - 1) Trình bày được cấu trúc, chức năng của tế bào và các hoạt động sống cơ bản của cơ thể sống.
 - 2) Trình bày được cơ sở di truyền trong tế bào và các qui luật di truyền cơ bản ở sinh vật.
 - 3) Trình bày được quá trình phát triển cá thể ở động vật.
 - 4) Trình bày được phân loại đột biến và cơ chế phát sinh đột biến.

8. Nội dung chi tiết

LÝ THUYẾT

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Tự học
1	<u>Sinh học tế bào</u> - Các phương pháp nghiên cứu tế bào. - Cấu trúc và chức năng màng, các bào quan và nhân tế bào. - Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào. - Sự phân chia của tế bào, sự tạo tinh và tạo trứng ở người. - Sự vận động của tế bào.	04	08
2	<u>Di truyền học</u> I. Cơ sở vật chất di truyền: ADN, ARN, tổng hợp Protein và cơ chế điều hoà hoạt động của gen. II. Các cơ chế di truyền cơ bản ở sinh vật: di truyền đơn gen, đa gen đa nhân tố, các tính trạng bị hạn chế bởi giới và bị ảnh hưởng bởi giới tính.	03	06
3	<u>Sinh học phát triển các thể:</u> - Các phương thức sinh sản ở sinh vật. - Các giai đoạn phát triển cá thể và phát triển phôi. - Các cơ chế điều khiển quá trình phát triển cá thể. - Sự tái sinh ở sinh vật.	04	08

4	<u>Đột biến:</u> - Phân loại đột biến. - Cơ chế đột biến đa bội, lệch bội. - Cơ chế đột biến cấu trúc NST. - Đột biến gen.	04	08
	Tổng số giờ:	15	30

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Sử dụng kính hiển vi quang học	4
2	Hình dạng tế bào, nhân tế bào.	4
3	Trao đổi chất qua màng tế bào, sự vận động của tế bào	4
4	Cấu trúc hiển vi và siêu hiển vi của màng, bào quan và nhân của tế bào	4
5	Nhiễm sắc thể của một số loài	4
6	Phân bào nguyên nhiễm ở tế bào động – thực vật	4
7	Phân bào giảm nhiễm – các tế bào sinh dục - sự phát triển phôi.	4
8	Ôn tập	2
	Tổng số	30

9. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

10. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
 - Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
 - Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời tự luận

Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.

- ✓ Kết quả môn học: $= (\text{điểm lý thuyết} \times 2 + \text{điểm thực hành}) / 3$

4	<u>Đột biến:</u>		
	- Phân loại đột biến.		
	- Cơ chế đột biến đa bội, lệch bội.		
	- Cơ chế đột biến cấu trúc NST.		
	- Đột biến gen.		
	Tổng số giờ:	04	08
		15	30

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Sử dụng kính hiển vi quang học	4
2	Hình dạng tế bào, nhân tế bào.	4
3	Trao đổi chất qua màng tế bào, sự vận động của tế bào	4
4	Cấu trúc hiển vi và siêu hiển vi của màng, bào quan và nhân của tế bào	4
5	Nhiễm sắc thể của một số loài	4
6	Phân bào nguyên nhiễm ở tế bào động – thực vật	4
7	Phân bào giảm nhiễm – các tế bào sinh dục - sự phát triển phôi.	4
8	Ôn tập	2
	Tổng số	30

9. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

10. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
 - Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
 - Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời tự luận
Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.
- ✓ Kết quả môn học: $= (\text{điểm lý thuyết} \times 2 + \text{điểm thực hành}) / 3$

11. Cơ sở vật chất:

- ✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu
- ✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

12. Giảng viên tham gia giảng dạy: Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Nguyễn Thị Tươi, Nguyễn Thị Hải, Lê Thị Thu Huyền, Phạm Thị Hồng Thúy, Lê Hiền Giang

13. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Cao Văn Thu và cs. (2008), *Sinh học đại cương*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2015), *Thực tập Sinh học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

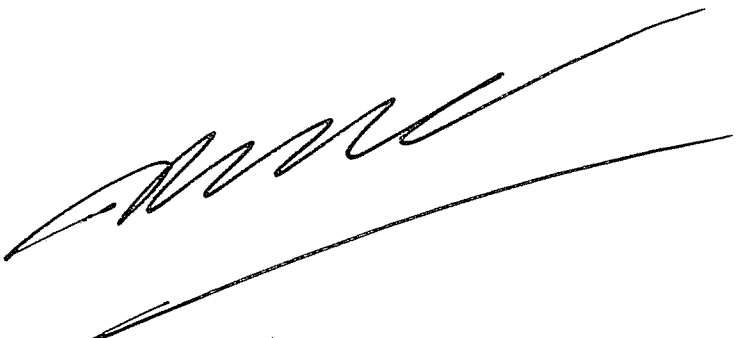
Tài liệu tham khảo:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Sinh học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Thị Hồng Nhung và cs. (2017), *Sinh học tế bào và Di truyền học*, Nhà xuất bản Y học.
4. Neil A. Campbell và cs. (2008), *Sinh học*, Pearson Benjamin Cummings, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
5. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
6. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 2)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2015
Trưởng bộ môn



TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

11. Cơ sở vật chất:

- ✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu
- ✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

12. Giảng viên tham gia giảng dạy: Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Nguyễn Thị Tươi, Nguyễn Thị Hải, Lê Thị Thu Huyền, Phạm Thị Hồng Thúy, Lê Hiền Giang

13. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Cao Văn Thu và cs. (2008), *Sinh học đại cương*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2015), *Thực tập Sinh học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

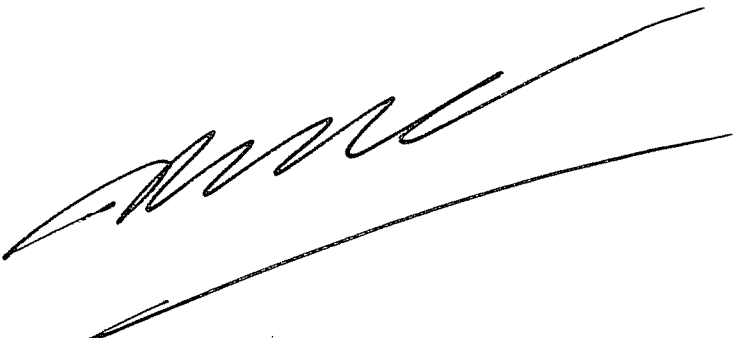
Tài liệu tham khảo:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Sinh học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Thị Hồng Nhung và cs. (2017), *Sinh học tế bào và Di truyền học*, Nhà xuất bản Y học.
4. Neil A. Campbell và cs. (2008), *Sinh học*, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
5. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
6. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 2)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2015
Trưởng bộ môn



TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 02

Lý thuyết: 02 tín chỉ

Phân bố thời gian: 30 tiết

Lý thuyết: 30 tiết

Số giờ tự học: 60 giờ

Đối tượng sinh viên: **DƯỢC CHÍNH QUY**

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tâm lý – Đạo đức y học

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Phần tâm lý y học: Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về tâm lý học y học: tâm lý học đại cương, tâm lý người bệnh và tâm lý người thầy thuốc, giao tiếp trong y học và một số liệu pháp tâm lý được sử dụng trong y học.

Phần đạo đức y học: Nội dung bao gồm một số vấn đề cơ bản của đạo đức y học, các nguyên tắc y đức cơ bản, các mối quan hệ về mặt y đức giữa nhân viên y tế với nhau, với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Phần Tâm lý:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa của tâm lý học y học là môn học cần thiết cho mối quan hệ giữa nhân viên y tế với người bệnh và người nhà bệnh nhân.
2. Trình bày được một số đặc điểm cơ bản về tâm lý người bệnh, tâm lý người thầy thuốc.
3. Nêu được diễn biến tâm lý của người bệnh khi đến khám và nằm viện.
4. Bước đầu hiểu tâm lý người bệnh, biết cách tác động đến tâm lý người bệnh, người nhà bệnh nhân.
5. Vận dụng được kiến thức đã học vào việc học tập, thực hành và nghiên cứu y dược học.

Phần Đạo đức

1. Trình bày được một số vấn đề cơ bản của Đạo đức y học
2. Trình bày được các nguyên tắc đạo đức y học

3. Vận dụng được các nguyên tắc đạo đức trong các mối quan hệ đồng nghiệp, cộng đồng, bệnh nhân và sinh viên và trong nghiên cứu y sinh học

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Phần Tâm lý

STT	Nội dung	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Tâm lý học y học	01	02	Ths. Thiện
2	Tâm lý học nhân cách	01	02	Ths. Thành
3	Gia đình – Xã hội – Stress tâm lý	02	04	Ths. Thành
4	Giao tiếp, giao tiếp trong y học	03	06	Ths. Thiện
5	Stress tâm lý – Tâm lý lứa tuổi	02	04	Ths. Mai Anh
6	Liệu pháp tâm lý	02	04	Ths. Mai Anh
7	Tâm lý bệnh nhân đến khám bệnh	02	04	Ths. Duyên
8	Tâm lý bệnh nhân nằm trong bệnh viện	02	04	Ths. Duyên
	Tổng	15	30	

Phần Đạo đức

STT	Nội dung	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Lịch sử phát triển và các tấm gương đạo đức y học thế giới và Việt Nam	02	04	Gs Thúc
2	Một số vấn đề cơ bản về đạo đức học	04	08	Ths. Thiện
3	Các nguyên tắc đạo đức y học	02	04	Gs Thúc
4	Quan hệ giữa bệnh nhân và thầy thuốc	03	06	Ths. Hiếu
5	Quan hệ giữa thầy thuốc với đồng nghiệp và với cộng đồng	02	04	Ths. Hiếu
6	Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	02	04	BS. Linh
	Tổng	15	30	

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Giảng lý thuyết trên lớp, Xermina, DH dự án

5.2. Phương pháp học:

- Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: tự học theo giáo trình và sách tham khảo mà bộ môn giới thiệu. Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.
- Tham gia nhóm học tập, diễn đàn

VI. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy:

- Bài giảng Đạo đức y học – ĐHY Dược Hải Phòng, NXB Y học, 2014
- Bài giảng Tâm lý đạo đức y học do bộ môn biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Tâm lý y học, Nguyễn Văn Nhận – NXB Y học 2006
- Những bậc thầy nổi danh về y đức – NXB Y học, 2013
- Những chỉ dẫn quốc tế về đạo đức cho các nghiên cứu y sinh có đối tượng nghiên cứu liên quan đến con người – NXB thống kê 2010

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên
- Kiểm tra – đánh giá trong quá trình: Theo dõi sĩ số, thái độ học tập
- Kiểm tra - đánh giá kết thúc học phần : Thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Công thức tính điểm tổng kết học phần: $TKHP = LT$

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TM. BỘ MÔN

Ths. Phùng Chí Thiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TOÁN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TOÁN - THỐNG KÊ Y DƯỢC

Năm học: 2015 - 2016

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- Số tiết: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Số tiết tự học: 75
- Đối tượng: **Dược sĩ đại học.**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán, Đại học Y Dược Hải Phòng.

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- ThS. Đào Thu Hằng
- ThS. Nguyễn Ngọc Tú
- ThS. Nguyễn Thị Hương Thảo
- ThS. Nguyễn Thị Huệ

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Học phần Toán – Thống kê Y dược dành cho đối tượng Dược sĩ hệ đại học gồm 3 tín chỉ (2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành). Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: SV tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm.
- Mô tả vắn tắt nội dung học phần:
 - + Định nghĩa xác suất và các công thức tính xác suất.
 - + Đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất và các số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên. Một số quy luật phân phối xác suất thường gặp.
 - + Mẫu và các đặc trưng mẫu.
 - + Ước lượng tham số.

- + Kiểm định giả thiết thống kê.
- + Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến, đa biến.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

Hiểu được các kiến thức xác suất thống kê cơ bản: Xác suất; Đại lượng ngẫu nhiên và luật phân phối; Mẫu và các đặc trưng mẫu; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thiết thống kê; Phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến, đa biến.

- Kỹ năng:

Giải được các bài tập xác suất, thống kê cơ bản.

- Thái độ:

- + Nhận thức được ứng dụng của Xác suất thống kê trong nghiên cứu y dược.
- + Đi học đầy đủ, nghiêm túc; làm bài tập về nhà đầy đủ và có ý thức tham gia vào bài giảng trên lớp.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Hiện tượng ngẫu nhiên và xác suất của hiện tượng ngẫu nhiên: phép thử ngẫu nhiên, không gian mẫu, hiện tượng ngẫu nhiên, mối quan hệ giữa các hiện tượng ngẫu nhiên, định nghĩa xác suất (định nghĩa cổ điển, định nghĩa theo tần suất, định nghĩa theo hình học), tính chất của xác suất.	3		6
2	Các công thức xác suất: công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ và Bayes, công thức Bernoulli. Các tham số xét nghiệm: xác suất chẩn đoán đúng, giá trị tiên đoán dương tính, giá trị tiên đoán âm tính, độ nhạy, độ đặc hiệu.	3		8
3	Đại lượng ngẫu nhiên: định nghĩa, phân loại, bảng phân bố xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên.	3		6
4	Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Định lý giới hạn và ứng dụng (tính gần đúng các xác suất	4		5

	liên quan đến phân phối nhị thức).			
5	Mẫu và các đặc trưng mẫu: mẫu, các cách chọn mẫu, các đặc trưng mẫu, các phương pháp trình bày mẫu.	3	2	5
6	Ước lượng tham số: ước lượng điểm (định nghĩa ước lượng điểm, ước lượng không chệch, ước lượng vững, ước lượng hiệu quả; ước lượng điểm cho kỳ vọng, phương sai và xác suất), ước lượng khoảng (định nghĩa khoảng tin cậy; ước lượng khoảng cho kỳ vọng, phương sai và xác suất; độ chính xác của ước lượng và cỡ mẫu cần thiết).	3	4	8
7	Kiểm định giả thiết thống kê: nguyên lý chung, kiểm định giả thiết về giá trị trung bình, kiểm định giả thiết về tỷ lệ, so sánh hai trung bình, so sánh hai phương sai.	4	8	25
8	So sánh hai tỷ lệ, so sánh nhiều tỷ lệ và kiểm định giả thiết về tính độc lập. Kiểm định giả thiết về luật phân phối. Các chỉ số thường dùng trong Y dược: nguy cơ tương đối, tỷ suất chênh.	4	9	2
9	Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến, đa biến: hệ số tương quan mẫu và cách đánh giá mức độ tương quan tuyến tính, hệ số tương quan riêng phần, phương trình hồi quy tuyến tính một biến, hai biến.	3	7	10
TỔNG		30	30	75

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Lý thuyết:

Phối hợp các phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, SV tự nghiên cứu tài liệu, động não, dạy học dựa trên vấn đề.

- Thực hành: SV tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm, thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu học tập:

1. Giáo trình thống kê Y học, Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.

2. Bài tập Xác suất thống kê Y Dược, Bộ môn Toán học – Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Đức Hậu, *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục, 2010.
2. Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
3. Đặng Hùng Thắng, *Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2009.
4. Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2009.
5. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

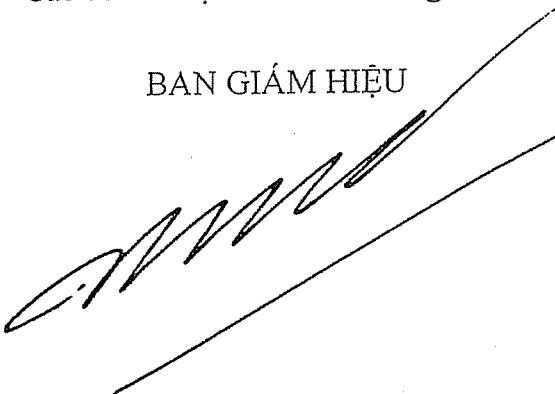
Giảng đường có bảng, phấn; đảm bảo đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế phù hợp với số lượng học viên.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** Đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức về tổ hợp, xác suất và thống kê của SV ở phổ thông.
- **Đánh giá quá trình:** Thái độ học tập, chuẩn bị bài, tham gia bài giảng trên lớp, làm bài tập trong các giờ thực hành (01 điểm hệ số 1).
- **Đánh giá cuối học phần:** 01 bài thi tự luận 60 phút (hệ số 2).

Điều kiện để được dự thi hết học phần: Điểm đánh giá quá trình đạt 5.0 trở lên.
Các điểm được tính theo thang điểm 10.

BAN GIÁM HIỆU



TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Tiến Thắng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chiến*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/0)
- Số chứng chỉ: 1 Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: Bác sỹ đa khoa (6 năm) năm 4; Bác sỹ đa khoa (4 năm) năm 2; BS Răng hàm mặt năm 2; Dược sỹ(5 năm) năm 2; Dược sỹ (4 năm) năm 2; Bác sỹ y học cổ truyền năm 2.
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này bao gồm 2 đơn vị học trình lý thuyết. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại giảng đường. Tham gia học học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng về khoa học hành vi, về truyền thông – giáo dục sức khỏe. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Phân tích được yếu tố ảnh hưởng và các bước của quá trình thay đổi hành vi SK
2. Mô tả được mục đích, vị trí, vai trò và nguyên tắc của truyền thông giáo dục SK
3. Trình bày được các bước trong lập kế hoạch và các nguyên tắc chính để lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe.
4. Trình bày được cách tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết			Người giảng
		LT	TH	TH	
1.	Khái niệm, vị trí, vai trò của TT-GDSK và nâng cao sức khỏe	4	0	8	Ths. Trần Thị Bích Hồi
2.	Hành vi sức khỏe & quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	4	0	8	Ths. Trần Thị Bích Hồi

3.	Một số nguyên tắc trong TT-GDSK	4	0	8	Ths. Lê Trần Tuấn Anh
4.	Nội dung TT-GDSK	4		8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
5.	Các phương pháp và phương tiện truyền thông GDSK	4	0	8	Ths. Lê Trần Tuấn Anh
6.	Kỹ năng truyền thông GDSK	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7.	Lập kế hoạch truyền thông GDSK và quản lý hoạt động GDSK	6	0	12	Ths. Trần Thị Bích Hôi
TỔNG SỐ		30	0	60	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2007), Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học.
- Đàm Khải Hoàn (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

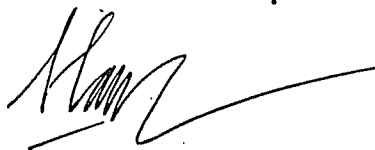
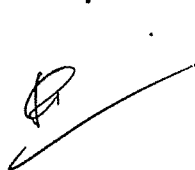
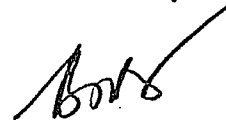
- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU

LÃNH ĐẠO KHOA

LÃNH ĐẠO BM

PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN

NGUYỄN BÁ DŨNG

TRẦN THỊ BÍCH HÔI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HẢI PHÒNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

VẬT LÝ

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1. Mã học phần:
2. Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
3. Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành : 30
4. Số giờ tự học (tiết): 90
5. Đối tượng sinh viên : Dược chính quy
6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y Vật Lý.

II. MÔ TẢ VỀ HỌC PHẦN

Học phần Vật lý đại cương chia làm hai phần: Vật lý 1 và Vật lý 2. Mỗi phần bao gồm 2 tín chỉ: 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường với hình thức thuyết trình có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết kiến thức trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài thực hành thông qua các bài kiểm tra lượng giá (trắc nghiệm hoặc vấn đáp,...).

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày một số kiến thức cơ bản của Vật lý đại cương: cơ học, nhiệt học, điện từ, quang học và vật lý hạt nhân.
- Trình bày các nguyên lý của nhiệt động lực học, điện học và quang học.

- Trình bày được cấu tạo và chuyển động của các trạng thái vật chất: khí, lỏng.
- Trình bày được nguyên tắc vật lý trong các máy móc, dụng cụ phân tích dùng trong ngành dược.
- Biết cách xác định một số hằng số vật lý và một số phương pháp định tính, định lượng ứng dụng trong ngành dược.
- Giải thích các hiện tượng trong tự nhiên, trong kỹ thuật, một số hiện tượng Lý – Sinh ở cơ thể người và ứng dụng trong chẩn đoán, chữa bệnh

IV. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

- Th.S Nguyễn Phú Nghĩa
- Th.S Phạm Thị Vân
- Th.S Nguyễn Thị Hiền
- Th.S Hà Minh Tâm
- Th.S Mai Thị Là
- Th.S Đào Việt Phương

V. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
VẬT LÝ I				
	Phần thứ nhất: CƠ HỌC		5	5
1	Bài mở đầu: CÁC KHÁI NIỆM ĐẠI CƯƠNG	1		2
2	Chương 1: DAO ĐỘNG VÀ SÓNG 1.1 Chuyển động dao động 1.2 Chuyển động sóng 1.3 Sóng âm 1.4 Hiệu ứng Doppler và ứng dụng	2		3
3	Chương 2: CƠ HỌC CHẤT LƯU 2.1 Đặc điểm của chất lưu. 2.2 Tĩnh học chất lưu. 2.3 Động học chất lưu lý tưởng. 2.4 Hiện tượng nhớt và ứng dụng.	2		3
	Phần thứ hai: NHIỆT HỌC		5	5

4	Mở đầu: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	1		1
5	Chương 3: CÁC Đ.LUẬT THỰC NGHIỆM VỀ CHẤT KHÍ 3.1 Thuyết động học chất khí và khí lý tưởng 3.2 Phương trình trạng thái của khí lý tưởng.	2		3
6	Chương 4: CHẤT LỎNG 4.1 Cấu tạo và chuyển động phân tử của chất lỏng 4.2 Các hiện tượng mặt ngoài của chất lỏng. 4.3 Hiện tượng mao dẫn. 4.4 Hiện tượng sôi và hiện tượng bay hơi	1		4
	Phần thứ ba: ĐIỆN TỪ		5	5
7	Chương 5: TỈNH ĐIỆN 5.1 Khái niệm mở đầu. 5.2 Định luật Coulomb. 5.3 Điện trường của các điện tích điểm. 5.4 Điện thế. Hiệu điện thế.	1		4
8	Chương 6: DÒNG ĐIỆN KHÔNG ĐỔI 6.1 Các khái niệm mở đầu. 6.2 Các đại lượng đặc trưng của dòng điện.	2		3
9	Chương 7: TỪ TRƯỜNG CỦA DÒNG ĐIỆN KHÔNG ĐỔI 7.1 Thí nghiệm về tương tác từ của dòng điện. 7.2 Định luật Ampere về tương tác từ của dòng điện. 7.3 Vectơ cảm ứng từ. Vectơ cường độ từ trường	2		3
10	Chương 8: CẢM ỨNG ĐIỆN TỪ 8.1 Thí nghiệm về hiện tượng cảm ứng điện từ. 8.2 Các định luật cơ bản của cảm ứng điện từ. 8.3 Một số trường hợp đặc biệt của cảm ứng điện từ.	1		4
VẬT LÝ II				

	Phần thứ tư: QUANG HỌC		15	15
11	Chương 9: CƠ SỞ CỦA QUANG HÌNH HỌC – DỤNG CỤ QUANG HỌC 9.1 Các định luật cơ bản của quang hình học. 9.2 Dụng cụ quang học 9.3 Mắt và dụng cụ hỗ trợ	3		6
12	Chương 10: BẢN CHẤT CỦA ÁNH SÁNG 10.1 Thuyết sóng điện từ về bản chất của ánh sáng. 10.2 Hiện tượng giao thoa ánh sáng 10.3 Hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng 10.4 Hiện tượng phân cực ánh sáng. 10.5 Thuyết lượng tử về bản chất của ánh sáng.	3		6
13	Chương 11: HIỆN TƯỢNG HẤP THỤ ÁNH SÁNG 11.1 Định luật hấp thụ ánh sáng. 11.2 Ứng dụng quang phổ hấp thụ phân tử. 11.3 Cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng. 11.4 Sự di chuyển năng lượng trong hệ sinh vật.	3		6
14	Chương 12: LASER VÀ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC 12.1 Khái niệm về Laser. 12.2 Nguồn gốc của tia Laser. 12.3 Nguyên lý cấu tạo và hoạt động của máy phát tia Laser. 12.4 Phân loại Laser. 12.5. Tính chất của chùm Laser. 12.6 Ứng dụng của Laser trong Y học.	3		6
	Phần thứ năm: VẬT LÝ HẠT NHÂN			
15	Chương 13: PHÓNG XẠ HẠT NHÂN	3		6

	13.1 Hiện tượng phóng xạ. 13.2 Các phương pháp khi đo phóng xạ. 13.3 Tương tác của tia phóng xạ với vật chất. 13.4 Các hiện tượng sinh học của phóng xạ. 13.5 An toàn phóng xạ			
	Tổng	30	30	90

VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học:

Truyết trình, trình chiếu, hoạt động nhóm.

2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài giảng.

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do bộ môn biên soạn.

2. Tài liệu tham khảo

Lý sinh Y học – Trường đại học Y Hà Nội 1998, 2005, 2015

Vật lý đại cương - Trường đại học Dược Hà Nội 2008

Lý sinh cử nhân điều dưỡng - Phan Sỹ An, 2012

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1 Kiểm tra, đánh giá ban đầu: Giảng viên thăm hỏi sinh viên bằng những câu hỏi nhỏ.

2. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình:

- *Chuyên cần*: sinh viên tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bộ môn đầy đủ, tích cực.
- *Kiểm tra thường xuyên*: sinh viên hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên đã giao.

(ĐG ban đầu và ĐG quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần)

3 Kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần:

- Dựa trên kết quả thi kết thúc học phần: tự luận

Công thức điểm = (LTX2 + TH)/3

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. *Học phần lý thuyết*: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên
2. *Học phần thực hành*: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chừ*

ThS Nguyễn Phú Nghĩa

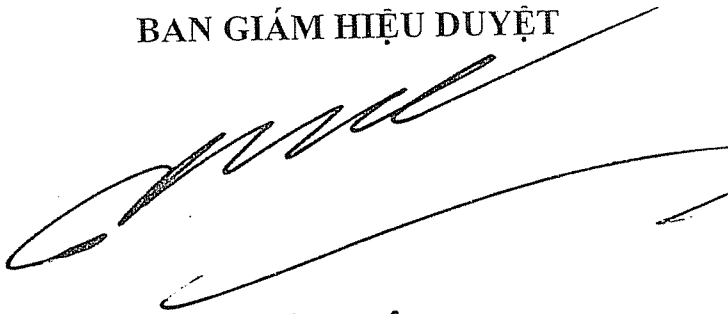
Công thức điểm = (LTX2 + TH)/3

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. *Học phần lý thuyết*: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên
2. *Học phần thực hành*: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN




ThS Nguyễn Phú Nghĩa

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BỆNH HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 45 Thực hành: 45

Số giờ tự học: 120 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Sinh lý bệnh – Miễn dịch

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên tham gia giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Trưởng Khoa Dược
2	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Trưởng BM Nhi
3	ThS.BS. Phạm Thị Vân Anh	Phó trưởng BM Truyền nhiễm
4	TS.BS. Vũ Mạnh Tân	Phó trưởng BM Nội
5	ThS.BS. Nguyễn Thuý Hiếu	Giảng viên BM Y học gia đình
6	ThS.BS. Nguyễn Văn Thành	Giảng viên BM Y học gia đình
7	ThS.BS. Nguyễn Thùy Linh	Giảng viên BM Y học gia đình
8	ThS.BS. Phạm Thuý Hằng	Giảng viên BM Dược lý
9	ThS.BS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm
10	BS. Nguyễn Minh Thảo	Giảng viên BM Dược lý

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh phổ biến.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức: sinh viên sau khi học xong môn học có thể biết được các tiêu chuẩn chẩn đoán, nguyên nhân gây bệnh.

Về kỹ năng: sinh viên hình thành kỹ năng phân tích và giao tiếp với bệnh nhân, kỹ năng làm việc nhóm.

Về thái độ: sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong làm việc nhóm và thực hành, tôn trọng và hết lòng với bệnh nhân.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	LT	TH	Tự học
1	Đại cương	4	0	
2	Bệnh học Máu và cơ quan tạo máu	4	3	8
3	Bệnh lý chuyển hóa: Đái tháo đường; Gout & tăng lipid	4	4	8
4	Bệnh lý hô hấp: Viêm phổi; Hen phế quản; COPD	8	8	15
5	Bệnh lý thận-tiết niệu: Nhiễm khuẩn tiết niệu; Suy thận; Hội chứng thận hư	8	4	15
6	Bệnh học nhi khoa: Viêm đường hô hấp; Tiêu chảy; Thận-tiết niệu-sinh dục	4	8	10
7	Bệnh lý cơ-xương-khớp: Viêm khớp dạng thấp	4	3	8
8	Bệnh truyền nhiễm: Một số bệnh truyền nhiễm thường gặp	4	2	10
9	Bệnh lý tim mạch: Suy tim; Tăng huyết áp	8	4	15
10	Bệnh lý tiêu hóa: Viêm, loét dạ dày-tá tràng; Nhiễm khuẩn tiêu hóa	4	4	10
11	Bệnh lý thần kinh: Động kinh; Parkinson; Alzheimer	4	3	8
12	Dị ứng – Miễn dịch- bệnh hệ thống	4	2	8

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình; làm việc nhóm.
- Thực hành: Thảo luận ca bệnh, bình bệnh án.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên ở lớp: nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: đọc và tra cứu tài liệu; chuẩn bị bài theo nhóm.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Bệnh học – BM Dược Lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Triệu chứng học Nội khoa tập 1,2 (2017), NXB Y học
- Nhi khoa tập 1,2 (2015), NXB Y học
- Triệu chứng học Ngoại khoa (2017), NXB Y học
- Hướng dẫn điều trị và sử dụng thuốc : Dùng cho bác sỹ và dược sỹ tuyến cơ sở (2000), NXB Y học
- Tài liệu tập huấn sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị: Tài liệu dùng cho đào tạo liên tục bác sỹ, dược sỹ bệnh viện (2005), NXB Hà Nội
- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng - Những nguyên lý sử dụng thuốc trong điều trị tập 1, NXB Y học.
- Drug therapy 2000 : Milo Gibaldi Ph.D. - New york : McGraw – Hill
- Barbara G. Wells et al (2014), Pharmacotherapy hand book 9th, McGraw-Hill.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**
 - + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp, thực tập (đi học đầy đủ).
 - + Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.
- **Đánh giá kết thúc học phần:**
 - + Thi kết thúc học phần: thi lý thuyết
- **Trọng số các điểm:**
 - + Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
 - + Điểm tổng kết học phần = Điểm lý thuyết

BAN GIÁM HIỆU

KHOA DƯỢC

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Hùng
PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Bệnh học – BM Dược Lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Triệu chứng học Nội khoa tập 1,2 (2017), NXB Y học
- Nhi khoa tập 1,2 (2015), NXB Y học
- Triệu chứng học Ngoại khoa (2017), NXB Y học
- Hướng dẫn điều trị và sử dụng thuốc : Dùng cho bác sỹ và dược sỹ tuyến cơ sở (2000), NXB Y học
- Tài liệu tập huấn sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị: Tài liệu dùng cho đào tạo liên tục bác sỹ, dược sỹ bệnh viện (2005), NXB Hà Nội
- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng - Những nguyên lý sử dụng thuốc trong điều trị tập 1, NXB Y học.
- Drug therapy 2000 : Milo Gibaldi Ph.D. - New york : McGraw – Hill
- Barbara G. Wells et al (2014), Pharmacotherapy hand book 9th, McGraw-Hill.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**
 - + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp, thực tập (đi học đầy đủ).
 - + Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.
- **Đánh giá kết thúc học phần:**
 - + Thi kết thúc học phần: thi lý thuyết
- **Trọng số các điểm:**
 - + Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
 - + Điểm tổng kết học phần = Điểm lý thuyết

BAN GIÁM HIỆU

KHOA DƯỢC

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

Hùng
PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GIẢI PHẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU
(Năm học 2015-2016)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60

Lý thuyết: 30

Thực hành: 30

Số giờ tự học: 75

Đối tượng sinh viên: Được chính quy

Học phần song hành: Sinh lý

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân

ThS Phạm Thành Nguyên

BS Hoàng Sơn Lâm

BS Trần Xuân Bách

BS Trần Thị Xen

BS Lê Thị Yến

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản nhất về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp với chuyên ngành học.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe
2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.
3. Vận dụng được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập các môn học của chuyên ngành.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GIẢI PHẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU (Năm học 2015-2016)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số tín chỉ: 3	Lý thuyết: 2	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 60	Lý thuyết: 30	Thực hành: 30
Số giờ tự học: 75		

Đối tượng sinh viên: Dược chính quy

Học phần song hành: Sinh lý

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân

ThS Phạm Thành Nguyên

BS Hoàng Sơn Lâm

BS Trần Xuân Bách

BS Trần Thị Xen

BS Lê Thị Yến

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản nhất về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp với chuyên ngành học.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe
2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.
3. Vận dụng được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập các môn học của chuyên ngành.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

5.1 Lý thuyết

Stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Mở đầu. Đại cương cơ, xương, khớp.	1	2
2	Cơ - mạch - thần kinh chi trên	3	6
3	Cơ - mạch - thần kinh chi dưới	3	6
4	Cân cơ đầu mặt cổ. Cơ thân mình, ống bẹn	2	4
5	Động mạch, tĩnh mạch vùng đầu mặt cổ. Tai, mắt	3	6
6	ĐC tuần hoàn, tim. Các ĐM, TM lớn ngực bụng	2	4
7	Khí quản, phổi, màng phổi	2	4
8	Miệng, răng, lưỡi, hầu, thực quản,	1	2
9	Phúc mạc, dạ dày, tiểu tràng, đại tràng	2	4
10	Gan, cuống gan. Tá tràng, tụy, lách	2	4
11	Tiết niệu – Hệ sinh dục nam nữ	2	6
12	ĐC hệ TK, tuỷ sống. Thân não, tiểu não, gian não	3	4
13	Bán cầu đại não. Đường dẫn truyền thần kinh. Hệ thống não thất	2	4
14	Các dây thần kinh sọ. Hệ TK tự chủ. Màng, mạch não	2	4
Tổng		30	60

5.2 Thực tập:

Stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Cơ, mạch, thần kinh chi trên	4	2
2	Cơ, mạch, thần kinh chi dưới	4	2
3	Cân cơ đầu mặt cổ, cơ thân mình, ống bẹn	2	1
4	Đ/c tuần hoàn, tim, mạch máu lớn ở cổ, ngực, bụng	4	2
5	Cơ quan hô hấp	4	2
6	Hệ tiêu hóa và các tuyến phụ thuộc	4	2
7	Hệ tiết niệu, sinh dục	4	2

8	Thần kinh sọ não, thực vật, các tuyến nội tiết	4	2
Tổng		30	15

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

6.1 Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: - Giảng lý thuyết trên lớp
- Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm

Thực hành: - Hướng dẫn trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

6.2 Phương pháp học:

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, atlas giải phẫu.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

7.1 Tài liệu giảng dạy:

Giải phẫu hệ thống chi - Nguyễn Hữu Chính - NXB Y học

Giải phẫu thần kinh – Nguyễn Hữu Chính – NXB Y học

Tài liệu do Bộ môn biên soạn

7.2 Tài liệu tham khảo:

Giải phẫu người - Nguyễn Văn Huy - NXB Y học

Giải phẫu người tập 1, 2, 3 - Trịnh Văn Minh - NXB Y học

Bài giảng Giải phẫu học tập 1,2 – Học viện Quân Y...

Atlas GP Fank H. Netter

Gray's Anatomy - 40th Edition, 2008 - Elsevier Inc (bản mềm)

Gray's Anatomy for Students - 2007 - Elsevier Inc. (bản mềm)

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi Sinh viên, phỏng vấn....

Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận
- Kiểm tra thường xuyên: Hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn

Đánh giá kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: Hình thức chạy trạm
- Thi kết thúc học phần: Thi tự luận

Trọng số (%) các điểm:

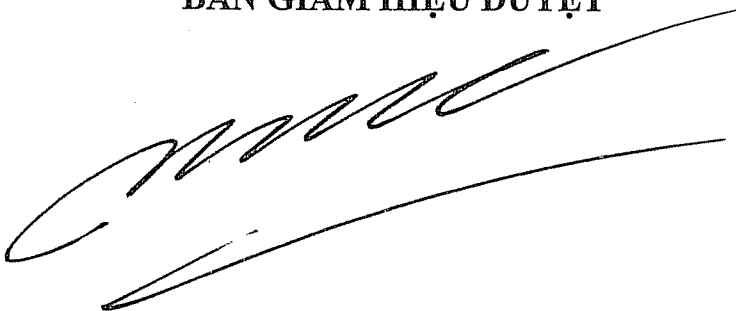
Đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: 1/3
- Thi kết thúc học phần: 2/3

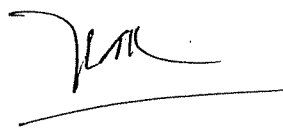
9. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Học phần lý thuyết: Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Phòng thực hành có đầy đủ mô hình, tranh, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT


HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức***TRƯỞNG BỘ MÔN**

Nguyễn Bảo Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa Hữu cơ 1
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 2 (1LT/1TH)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học Dược Chính Quy
- Loại môn học:
 - Bắt buộc: ☒
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này): không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 10 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 4 tiết
 - Thảo luận : 1 tiết
 - Thực hành, thực tập : 30 tiết
 - Tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: Hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

Sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ để có khả năng:

1. Trình bày được cấu tạo các hợp chất hữu cơ, hiệu ứng điện tử, đồng phân, các loại phản ứng hóa học, các phương pháp xác định cấu trúc.
2. Trình bày được danh pháp, phương pháp điều chế chính, tính chất hóa học cơ bản của hydrocarbon và các hợp chất nhóm chức.
3. Vận dụng trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

Về kỹ năng

- Biết cách sử dụng các dụng cụ đơn giản để tiến hành thí nghiệm định tính chứng minh tính chất hóa học của các hợp chất hữu cơ.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Phần Lý thuyết Hóa học: gồm 13 chương và 1 bài thi kết thúc phần lý thuyết

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

1/ Bộ môn Hóa học, Giáo trình Hoá học Hữu cơ, (Lưu hành nội bộ).

2/ Giáo trình Hoá học Hữu cơ, Đại Học Dược Hà Nội.

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết
1	Cấu tạo các hợp chất hữu cơ	1
2	Các hiệu ứng điện tử trong hóa hữu cơ	1
3	Đồng phân	1
4	Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ	1
5	Các phương pháp xác định cấu trúc các hợp chất hữu cơ	1
6	Hydrocarbon mạch hở	1
7	Hydrocarbon cyclanic và dẫn chất	1
8	Hydrocarbon terpenic và dẫn chất	1
9	Hydrocarbon thơm	1

10	Dẫn xuất halogen và hợp chất cơ kim	1
11	Dẫn xuất sulfon và nitro hóa của hydrocacbon	1
12	Alcol, phenol, thioalcol, ether	2
13	Andehyd, ceton, quinon	2
Tổng		15

5.2. Thực hành

STT	Nội dung thực hành	Số tiết
1	Bài 1: Hidrocarbon bài 1	4
2	Bài 2: Hidrocarbon bài 2	4
3	Bài 3: Hợp chất chứa oxi – bài 1	4
4	Bài 4: Hợp chất chứa oxi – bài 2	4
5	Bài 5: Hợp chất chứa Nitơ – bài 1	4
6	Bài 6: Hợp chất chứa Nitơ – bài 2	5
7	Bài 7: Hợp chất cao phân tử	5
Tổng		30

5.3. Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần1:	Chương 1-5	2	1	1		12	Đọc trước giáo trình Hóa Hữu Cơ 1 trang 19 - 112, Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần2:	Chương 6-8	2	1	0		12	Đọc trước giáo trình Hóa Hữu Cơ 1 trang 131 - 208, Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần3:	Chương 9-11	3	1	0		20	Đọc trước giáo trình Hóa Hữu Cơ 1 trang 210 - 285, Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần4:	Chương 12,13	3	1	0		16	Đọc trước giáo trình Hóa Hữu Cơ 1 trang 287 - 374, Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = $(LT \times 2 + TH) / 3$

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- Th.S Ngô Thanh Hoàng

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Trưởng Bộ môn

Vũ Thị Kim Loan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa Hữu cơ 2
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 2 (1LT/1TH)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học Dược Chính Quy
- Loại môn học:
 - Bắt buộc: ☒
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này): không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 12 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 2 tiết
 - Thảo luận : 1 tiết
 - Thực hành, thực tập : 30 tiết
 - Tự học : 30 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có ý thức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất, bước đầu có khả năng nghiên cứu, tổng hợp chất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa Hữu cơ 2
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 2 (1LT/1TH)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học Dược Chính Quy
- Loại môn học:
 - Bắt buộc: ☒
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này): không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 12 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 2 tiết
 - Thảo luận : 1 tiết
 - Thực hành, thực tập : 30 tiết
 - Tự học : 30 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất, bước đầu có khả năng nghiên cứu, tổng hợp chất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

Sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ để có khả năng:

1. Trình bày được danh pháp, phương pháp điều chế chính, tính chất hóa học cơ bản của acid cacboxylic và dẫn chất, amin, hợp chất diazoic và azoic, lipid, hydrat cacbon...
2. Sử dụng thành thạo các thiết bị thiết yếu, dụng cụ trong tổng hợp, điều chế một số chất thuốc cơ bản có gốc hữu cơ.
3. Vận dụng trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm 2 phần lý thuyết và thực hành.

+ Phần lý thuyết gồm tên gọi, điều chế, tính chất chính của các chất hữu cơ. Cuối chương trình học viên phải làm bài kiểm tra kết thúc học phần.

+ Phần thực hành học song song với phần lý thuyết.

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

- 1/ Bộ môn Hóa học, Giáo trình Hoá học, (Lưu hành nội bộ).
- 2/ Bộ môn Hóa học, Thực hành Hóa học, (Lưu hành nội bộ).
- 3/ Hóa Đại cương, ĐH Y Hà Nội

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Tên chương trình – Bài học	Số tiết
1	Acid cacboxylic và dẫn chất (clorid acid, anhydrid acid, amid, este..)	3
2	Acid cacboxylic hỗn chức (hydroxyl acid, phenolacid, andehydacid, cetonic acid)	2
3	Dẫn chất của acid cacbonic (acid carbamid, ure, ureid, thioure)	2
4	Amin	2
5	Hợp chất diazoic, azoic	2
6	Các hợp chất màu	1
7	Lipid	2

8	Hydrat cacbon (polysaccharide)	2
9	Aminoacid, peptid, protein	2
10	Hợp chất dị vòng	2
	Cộng	20

5.2 Thực hành

STT	Tên chương trình – Bài học	Số tiết
1	Nội quy, dụng cụ thí nghiệm. Xác định nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy	5
2	Phản ứng oxy hóa – Điều chế acid benzoic	5
3	Phản ứng nitro hóa – Điều chế Nitrobenzen	5
4	Phản ứng ester hóa – Điều chế ethyl acetate	5
5	Tổng hợp một số thuốc thử điển hình – Điều chế Aspirin	5
7	Phản ứng halogen hóa – Điều chế ethyl bromid	5
	Cộng	30

5.3 Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

STT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Acid cacboxylic và dẫn chất (clorid acid, anhydrid acid, amid, este..)	3		1	10	6	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 15 Chuẩn bị câu hỏi trong bài</i>	
2	Acid cacboxylic hỗn chức (hydroxyl acid, phenolacid, andehydacid, cetonacid)	2		1	10	4	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 74 Chuẩn bị câu hỏi trong bài</i>	
3	Dẫn chất của acidcacbonic (acid carbamid,	2		1	10	4	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 96 Chuẩn bị câu hỏi trong bài</i>	

	ure, ureid, thioure)							
4	Amin	2		1		4	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 103 Chuẩn bị câu hỏi trong bài</i>	
5	Hợp chất diazotic, azoic	2				4	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 130.</i>	
6	Các hợp chất màu	1				2	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 141 Chuẩn bị câu hỏi trong bài</i>	
7	Lipid	2		1		4	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 156. Chuẩn bị câu hỏi trong bài</i>	
8	Hydrat cacbon (polysaccharide)	2		1		4	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 168. Chuẩn bị câu hỏi trong bài</i>	
9	Aminoacid, peptid, protein	2		1		4	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 203. Chuẩn bị câu hỏi trong bài</i>	
10	Hợp chất dị vòng	2		1		4	<i>Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 232. Chuẩn bị câu hỏi trong bài</i>	

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

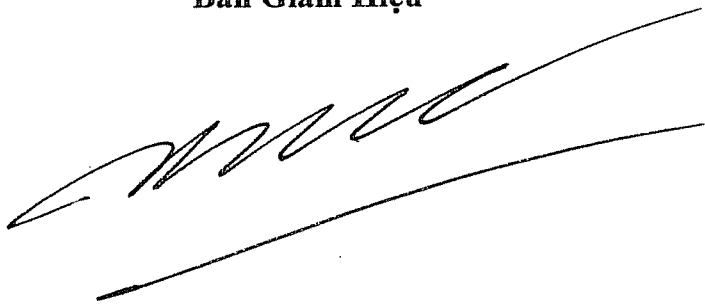
Cách tính điểm: $ĐTB = (LT \times 2 + TH) / 3$

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- TS. Bùi Ngọc Tân

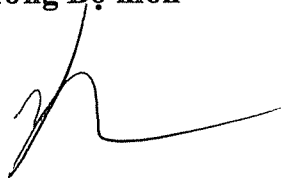
11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

Trưởng Bộ môn



Vũ Thị Kim Loan

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

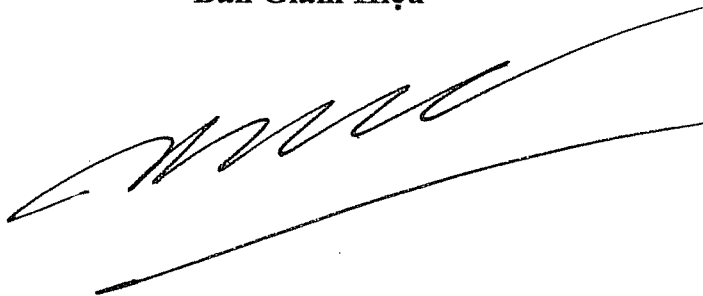
Cách tính điểm: $DTB = (LT \times 2 + TH) / 3$

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- TS. Bùi Ngọc Tân

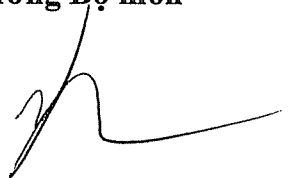
11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Trưởng Bộ môn



Vũ Thị Kim Loan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa Lý Dược
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 2 (1/1)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học Dược Chính Quy
- Loại môn học:
 - Bắt buộc: ☒
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này): không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 12 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 2 tiết
 - Thảo luận : 1 tiết
 - Thực hành, thực tập : 30 tiết
 - Tự học : 30 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

Sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa lý được để có khả năng:

1. Hiểu biết được đặc điểm vật lý và hóa học của các hệ phân tán.
2. Nắm được tính chất cũng như cách điều chế các hệ phân tán, đặc biệt là hệ keo.
3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá lý được trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm 2 phần lí thuyết và thực hành, tổng cộng 7 chương.

+ Sau khi học xong phần lí thuyết gồm, cuối chương trình học viên phải làm bài kiểm tra kết thúc học phần.

+ Phần thực hành học song song với phần lí thuyết.

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

1/ Giáo trình Hoá Lý Dược – Đỗ Minh Quang, nxb Y học năm 2011

2/ Bộ môn Hóa học, Thực hành Hóa học, (Lưu hành nội bộ).

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Tên chương – Bài học	Lý thuyết
1	Nhiệt động học	3
2	Cân bằng pha	3
3	Động hóa học	3
4	Điện hóa học	3
5	Hấp phụ, chất hoạt động bề mặt	3
6	Dung dịch keo	3
7	Cao phân tử	2
	Cộng	20

5.2 Thực hành

STT	Tên chương trình – Bài học	Số tiết
-----	----------------------------	---------

1	Điều chế nhũ tương 1	6
2	Điều chế nhũ tương 2	6
3	Xác định đường đẳng nhiệt hấp phụ của than hoạt tính	6
4	Điều chế và xác định các tính chất của hệ keo	6
5	Xác định ngưỡng keo tụ	6
6	Động học phản ứng xà phòng hóa natriacetat	6
	Cộng	30

5.3 Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần 1: Từ:.... Đến...	Nhiệt động học	2	0,5	0,5		4h	<i>Đọc quyển ..., trang... Chuẩn bị câu hỏi ...</i>	
Tuần 2: Từ:.... Đến...	Cân bằng pha	2	0,5	0,5	5	4h		
Tuần 3: Từ:.... Đến...	Động hóa học	2	0,5	0,5	5	4h		
Tuần 4: Từ:.... Đến...	Điện hóa học	2	0,5	0,5	5	6h		
Tuần 5: Từ:.... Đến...	Hấp phụ, chất hoạt động bề mặt	2	1	1	5	4h		
Tuần 6: Từ:.... Đến...	Dung dịch keo	1	0,5	0,5	5	4h		
Tuần 7: Từ:.... Đến...	Cao phân tử	2	0,5	0,5	5	4h		

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: $DTB = (LT \times 2 + TH) / 3$

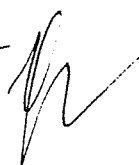
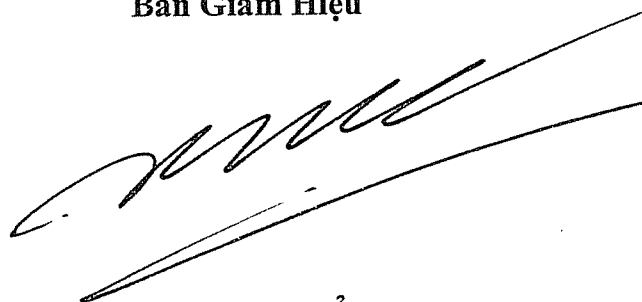
10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- TS. Nguyễn Văn Dưỡng

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu

Trưởng Bộ môn



Vũ Thị Kim Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa phân tích 1
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 2(1/1)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học Dược chính quy
- Loại môn học:
 - Bắt buộc: ☒
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa vô cơ
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa dược
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 12 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 2 tiết
 - Thảo luận : 1 tiết
 - Thực hành, thực tập : 30 tiết
 - Tự học : 30 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có ý thức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa học để có khả năng:

Trình bày được nguyên tắc của phương pháp phân tích hóa học: axit – bazo, tạo phức chất, oxy hóa khử, kết tủa và phương pháp khối lượng.

Thực hiện đúng các thao tác định lượng: đo thể tích, đo khối lượng, xử lý được số liệu thực nghiệm và trình bày kết quả phân tích

Vận dụng trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm 10 chương.

+ Sau khi học xong phần lí thuyết gồm, cuối chương trình học viên phải làm bài kiểm tra kết thúc học phần.

+ Phần thực hành học song song với phần lý thuyết.

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

Hóa phân tích 1, ĐH Dược Hà Nội

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá học - ĐHYHP

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Tên chương – Bài học	Lý thuyết	Thực hành
1	Đại cương về hóa phân tích; Các cách biểu diễn nồng độ và xử lý số liệu thực nghiệm trong hóa học phân tích	2	4
2	Phân tích khối lượng	2	4
3	Phân tích thể tích	2	0
4	Chuẩn độ axit - bazo	2	4
5	Chuẩn độ tạo phức	2	5
6	Chuẩn độ kết tủa	3	5
7	Chuẩn độ oxy hóa khử	2	8
	Cộng	15	30

5.2 Thực hành

STT	Nội dung thực hành	Số tiết
1	Bài 1: Dụng cụ và động tác định lượng thể tích. Hiệu chỉnh dụng cụ	4
2	Bài 2: Phương pháp khối lượng	4
3	Bài 3: Phương pháp acid - base	4
4	Bài 4: Phương pháp định lượng bằng pemanganat	4
5	Bài 5: Phương pháp định lượng bằng iod	4
6	Bài 6: Phương pháp định lượng bằng bạc	5
7	Bài 7: Phương pháp định lượng bằng complexon	5
Tổng		30

5.3 Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần 1	Chương 1: Đại cương về hóa học phân tích Chương 2: Nồng độ dung dịch Chương 3: xử lý số liệu thực nghiệm trong hóa học phân tích	1,5	0	0,5	4	5	Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 17-27, 27-32, 35-44. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 1	Chương 6: Phân tích khối lượng	1,5	0, 5	0,5	4	4	Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 130 -144. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 2	Chương 7: Đại cương về phân tích thể tích	1,5	0,5	0,5	0	4	Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 145 -155. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 2	Chương 4: Cân bằng hóa học trong dung dịch Chương 8: chuẩn độ axit bazo	1,5	0,5	0,5	4	6	Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 54 -79, 157 - 185. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 3	Chương 4: Cân bằng hóa học trong dung dịch Chương 9: Chuẩn độ tạo phức	1,5	0,5	0,5	5	6	Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 79 -92, 185 - 202. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 3	Chương 5: Cân bằng hòa tan kết tủa Chương 9: Chuẩn độ kết tủa	2,5	0,5	0,5	5	6	Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 112-127; 203 - 216. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 4	Chương 5: Cân bằng hóa học	1,5	0,5	0,5	8	6	Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 92 - 112; 216 - 235.	

	trong dung dịch Chương 9: Chuẩn độ oxi hóa khử						Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
--	--	--	--	--	--	--	------------------------------	--

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = (LTx2+TH)/3

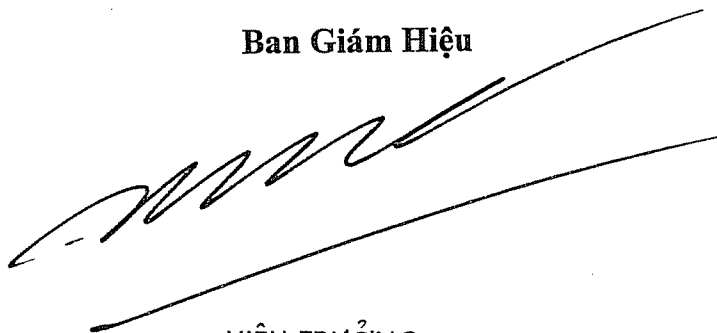
10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- PGS TS. Vũ Thị Kim Loan

- ThS. Nguyễn Thị Cúc

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

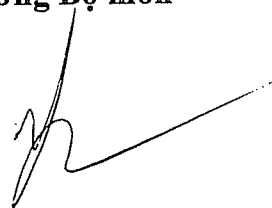
Ban Giám Hiệu



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Trưởng Bộ môn



Vũ Thị Kim Loan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa phân tích 2
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 3(2/1)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học
- Loại môn học:
 - Bắt buộc: ☒
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này): hóa hữu cơ, hóa lý được, hóa vô cơ, hóa phân tích 1
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa được
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 25 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 3 tiết
 - Thảo luận : 2 tiết
 - Thực hành, thực tập : 30 tiết
 - Tự học : 30 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có ý thức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa học để có khả năng:

Giải thích được nguyên tắc, cấu tạo của thiết bị và ứng dụng của: quang phổ, khối phổ, điện hóa và sắc ký

Trình bày được nguyên tắc kỹ thuật xử lý mẫu

Vận dụng trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm 10 chương.

+ Sau khi học xong phần lý thuyết gồm, cuối chương trình học viên phải làm bài kiểm tra kết thúc học phần.

+ Phần thực hành học song song với phần lý thuyết.

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

Hóa phân tích 2, ĐH Dược Hà Nội

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá học - ĐHYHP

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Tên chương – Bài học	Lý thuyết	Thực hành
1	Đại cương về Phân tích công cụ	3	0
2	Đại cương về Phân tích quang học	3	0
3	Quang phổ hấp thụ phân tử	3	18
4	Quang phổ hấp thụ và phát xạ nguyên tử	3	0
5	Phân tích khối phổ	3	0
6	Đại cương về sắc ký	3	0
7	Sắc ký khí	3	0
8	Sắc ký lỏng	3	8
9	Phân tích đo điện thế	3	4
10	Kỹ thuật xử lý mẫu	3	0
	Cộng	30	30

5.2 Thực hành

STT	Nội dung thực hành	Số tiết
1	Bài 1: Sắc ký lớp mỏng	4
2	Bài 2: Sắc ký trao đổi ion	4
3	Bài 3: Đo pH và chuẩn độ đo thế	4
4	Bài 4: Phương pháp đo quang	4
5	Bài 5: Định tính một chất bằng phương pháp đo phổ UV - VIS	4
6	Bài 6: Định lượng bằng phương pháp đo quang theo phương pháp thêm	5
7	Bài 7: Phương pháp chiết đo quang	5
Tổng		30

5.3 Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần 1	Chương 1: Đại cương về Phân tích công cụ	2,5	0	0,5	0	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 2, trang 17-24. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 1	Chương 2: Đại cương về Phân tích công cụ	2,5	0	0,5	0	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 2, trang 26-43. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 2	Chương 3: Quang phổ hấp thụ phân tử	2,5	0,5	0,5	12	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 1, trang 43 -72. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 2	Chương 4: Quang phổ hấp thụ và phát xạ nguyên tử	2,5	0	0,5	0	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 2, trang 72 -84. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 3	Chương 5: Phân tích khối phổ	2,5	0,5	0,5	0	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 2, trang 107-123. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 3	Chương 6: Đại cương về sắc ký	2,5	0,5	0,5	0	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 2, trang 123-146. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 4	Chương 7: Sắc ký khí	2,5	0,5	0,5	0	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 2, trang 146-166. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 4	Chương 8: Sắc ký lỏng	2,5	0,5	0,5	12	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 2, trang 168- 215. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 5	Chương 9: Phân tích đo điện thế	2,5	0,5	0,5	6	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 2, trang 137 - 264. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	
Tuần 5	Chương 10: Kỹ thuật xử lý mẫu	2,5	0,5	0,5	0	6	Đọc quyền: Hóa phân tích 2, trang 295 - 319. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài	

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: $ĐTB = (LT \times 2 + TH) / 3$

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- PGS.TS. Vũ Thị Kim Loan

- ThS. Nguyễn Thị Cúc

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

Trưởng Bộ môn

Vũ Thị Kim Loan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HẢI PHÒNG

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BỘ MÔN HOÁ SINH

April 2007 April 2006 March 2006 February 2006 January 2006 December 2005 November 2005 October 2005 September 2005 August 2005 July 2005 June 2005 May 2005 April 2005

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH

ĐỐI TƯỢNG: DƯỢC CQ

1. Mã số môn học: HS
2. Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2; Thực hành: 2
3. Số tiết học: Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 60 tiết
4. Số lần thi: 4 Lý thuyết: 2, thực hành: 2
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:
 1. Trình bày được cấu tạo hoá học và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống,
 2. Trình bày được các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hoá sinh lâm sàng.
 3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học
6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết		Thực hành	
		Số giờ	GV	Số giờ	GV
HỌC PHẦN I: CẤU TẠO VÀ CHUYỂN HOÁ					
1	Hóa học Protid, Enzyme	2	GS Lý	4	ThS Mai
2	Năng lượng sinh học, CH aa	2	Ths Mai	8	ThS Thảo
3	Hóa học, CH Glucid	2	Ths Thảo	4	BS Giang

4	Hóa học, CH Lipid	1	BS Giang	4	KTV Thương
5	Liên quan 3 chuyển hoá	Tự đọc		0	KTV Bình
6	Hoá sinh màng	Tự đọc		0	KTV Hạnh
	Cộng	15		30	
HỌC PHẦN II: HOÁ SINH MÔ VÀ CƠ QUAN					
1	Hormon, CHMN	4	PGS Lý	4	ThS Mai
2	HS thận- NT, AB	4	ThS Mai	8	ThS Thảo
3	Hb, HS gan	4	ThS Thảo	4	BS Giang
4	HS máu	3	ThS Mai	14	KTV Bình
	Cộng	15		30	

*** Mục tiêu chi tiết cho học phần 1**

- Lý thuyết

Bài 1: Bài mở đầu và hoá học protid

* Bài mở đầu: yêu cầu sinh viên phải trình bày được:

1. Khái niệm, mục tiêu học môn hoá sinh
2. Đơn vị dùng trong hoá sinh
3. Một số danh pháp sử dụng trong hóa sinh

* **Hoá học protid:** sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được khái niệm protid
2. Định nghĩa acid amin, công thức tổng quát
3. Phân loại acid amin theo cấu tạo mạch, nhu cầu cơ thể
4. Mô tả tính chất của acid amin, ứng dụng
5. Trình bày vai trò của acid amin

6. Trình bày khái niệm peptid, một số peptid sinh học
7. Trình bày khái niệm protein, cấu trúc bậc, phân loại protein, ví dụ minh hoạ;
8. Mô tả tính chất của protein, ứng dụng
9. Mô tả vai trò của protein

Bài 2: Enzym: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày khái niệm enzyme, vai trò sinh học của enzyme
2. Phân loại enzyme theo qui ước quốc tế, cho ví dụ minh hoạ
3. Mô tả thành phần cấu tạo của enzyme; động học enzyme
4. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzyme
5. Phân loại coenzyme. Mối liên quan giữa vitamin và coenzyme

Bài 3: Năng lượng sinh học: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Trình bày được khái niệm sự hô hấp tế bào
2. Mô tả được các thành phần tham gia CHHTB
3. Vẽ được sơ đồ vận chuyển điện tử (tạo H_2O), kết quả
4. Trình bày được sự phosphoryl-oxy hoá, cho ví dụ minh hoạ
5. Kể tên các liên kết giàu năng lượng, cho ví dụ minh hoạ
6. Trình bày các giai đoạn của chu trình Krebs.
7. Trình bày được vị trí, bản chất, kết quả, ý nghĩa chu trình Krebs.

Bài 5: Chuyển hoá acid amin, a nucleic: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được sự tiêu hoá protein, peptid
2. Mô tả sự thoái hoá nhóm amin theo con đường trao đổi amin: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa.
3. Mô tả thoái hoá nhóm amin theo con đường khử amin oxy hoá: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa
4. Trình bày số phận NH_3 , chu trình ure: nguyên liệu, các phản ứng, kết quả
5. Mô tả thoái hoá nhóm carboxyl, kết quả, ý nghĩa
6. Mô tả thoái hoá khung carbon
7. Trình bày được thành phần cấu tạo của mononucleotide
8. Mô tả vai trò của mononucleotide
9. Vẽ được sơ đồ thoái hoá base nito nhân purin

Bài 4: hoá học glucid: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Trình bày khái niệm, vai trò, phân loại glucid
2. Định nghĩa monosaccarid, cách gọi tên, cấu tạo mạch
3. Mô tả tính chất của monosaccarid, ứng dụng
4. Trình bày tên, công thức cấu tạo, tính chất, vai trò của một số disaccarid thường gặp
5. Phân loại, cấu tạo, và vai trò của polysaccarid

Bài 6: Chuyển hoá glucid: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được quá trình tiêu hoá glucid
2. Trình bày được sự phân ly glycogen (phosphoryl phân)
3. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường hexodiphosphat (con đường đường phân) trong điều kiện hiếu khí và yếm khí: vị trí, các giai đoạn, phản ứng, kết quả, ý nghĩa
4. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường hexomonophosphate (chu trình pentose phosphate): vị trí, sơ đồ tổng quát, kết quả, ý nghĩa
5. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường uronic
6. Trình bày nguyên liệu, các con đường tổng hợp glucose
7. Trình bày nguyên liệu, các con đường tổng hợp glycogen
8. Trình bày một số rối loạn chuyển hoá glucid

Bài 7: hoá học lipid: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày định nghĩa, vai trò của lipid
2. Phân loại acid béo, alcol
3. Phân loại lipid thuần, cho ví dụ, vai trò từng loại
4. Mô tả tính chất của triglycerid, ứng dụng
5. Phân loại lipid tạp, cho ví dụ, vai trò từng loại
6. Trình bày thành phần cấu tạo, cấu trúc, vai trò của lipoprotein

Bài 8: Chuyển hoá lipid: sau 2 tiết học, sinh viên phải

1. Trình bày được sự tiêu hoá lipid
2. Trình bày được sự thoái hoá glycerol
3. Trình bày được sự thoái hoá acid béo: vị trí, các bước, các giai đoạn của quá trình beta oxy hoá, kết quả
4. Mô tả sự hình thành thể ceton và thoái hoá

5. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở bào tương: các enzyme, nguyên liệu, sơ đồ tổng hợp, kết quả
6. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở ty thể: nguyên liệu, các phản ứng.
7. Trình bày quá trình tổng hợp glycerol, leucithin, cephalin
8. Điều hoà tổng hợp cholesterol

Bài 10: Mối liên quan giữa 3 chuyển hoá (tự đọc):

1. Vẽ được sơ đồ về sự liên quan giữa 3 chuyển hoá G, L, P
2. Mô tả được các yếu tố điều hoà chuyển hoá

Bài 11: Hoá sinh màng: (tự học):

1. Mô tả cấu tạo màng tế bào
2. Trình bày các cơ chế vận chuyển các chất qua màng
3. Trình bày một số bệnh liên quan đến màng tế bào

- Thực hành

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được *nguyên tắc, tiến hành đúng phản ứng* và *giải thích được kết quả* và *ứng dụng* từng phản ứng cụ thể trong từng bài:

Bài 1: Hoá học glucid:

1. Phản ứng xác định tính khử của monosaccarid (Phản ứng Fehling)
2. Phản ứng đóng vòng của các cetose (Selivanoff)
3. Phản ứng xác định tính khử của disaccarid

Bài 2: Hóa học glucid (tiếp)

4. Phản ứng thủy phân disaccarid
5. Phản ứng thủy phân tinh bột
6. Xác định acid lactic trong cơ

Bài 3: Hoá học lipid

1. Nhũ tương hoá dầu lạc
2. Chiết xuất leucithin
3. Xà phòng hoá dầu lạc

Bài 4+5: Hoá học protid

1. Phản ứng Ninhydrin

5. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở bào tương: các enzyme, nguyên liệu, sơ đồ tổng hợp, kết quả
6. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở ty thể: nguyên liệu, các phản ứng.
7. Trình bày quá trình tổng hợp glycerol, leucithin, cephalin
8. Điều hoà tổng hợp cholesterol

Bài 10: Mối liên quan giữa 3 chuyển hoá (tự đọc):

1. Vẽ được sơ đồ về sự liên quan giữa 3 chuyển hoá G, L, P
2. Mô tả được các yếu tố điều hoà chuyển hoá

Bài 11: Hoá sinh màng: (tự học):

1. Mô tả cấu tạo màng tế bào
2. Trình bày các cơ chế vận chuyển các chất qua màng
3. Trình bày một số bệnh liên quan đến màng tế bào

- Thực hành

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được *nguyên tắc, tiến hành đúng phản ứng* và *giải thích được kết quả* và *ứng dụng* từng phản ứng cụ thể trong từng bài:

Bài 1: Hoá học glucid:

1. Phản ứng xác định tính khử của monosaccarid (Phản ứng Fehling)
2. Phản ứng đóng vòng của các cetose (Selivanoff)
3. Phản ứng xác định tính khử của disaccarid

Bài 2: Hóa học glucid (tiếp)

4. Phản ứng thuỷ phân disaccarid
5. Phản ứng thuỷ phân tinh bột
6. Xác định acid lactic trong cơ

Bài 3: Hoá học lipid

1. Nhũ tương hoá dầu lạc
2. Chiết xuất leucithin
3. Xà phòng hoá dầu lạc

Bài 4+5: Hoá học protid

1. Phản ứng Ninhydrin

2. Phản ứng biure
3. Tủa protein bằng nhiệt độ
4. Tủa protein bằng acid hữu cơ
5. Tủa protein bằng acid vô cơ
6. Tủa protein bằng dung môi hữu cơ
7. Tủa protein bằng muối kim loại nặng
8. Xác định điểm đẳng điện của albumin trứng
9. Phân đoạn albumin bằng phương pháp diêm tích

Bài 6+7: Enzym

1. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới hoạt động của enzyme
2. Ảnh hưởng của pH đến hoạt động của enzyme
3. Ảnh hưởng của chất ức chế, chất hoạt hoá tới hoạt động của enzyme
4. Xác định hoạt động của enzyme amylase
5. Xác định hoạt động của enzyme transaminase
6. Xác định hoạt động của enzyme lipase
7. Xác định hoạt động của enzyme catalase

* Mục tiêu chi tiết cho học phần 2:

- Lý thuyết

Bài 1: Chuyển hoá muối nước: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được vai trò của nước và một số chất điện giải trong cơ thể
2. Mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sự vận chuyển nước giữa gian bào và lòng mạch
3. Vẽ sơ đồ trao đổi nước giữa gian bào và lòng mạch.
4. Vẽ sơ đồ trao đổi muối giữa tế bào và gian bào
5. Mô tả các loại rối loạn chuyển hoá muối nước

Bài 2: Hormon: sau 2 tiết, sinh viên phải

1. Định nghĩa, phân loại hormone, mỗi loại cho một ví dụ
2. Trình bày được nguyên tắc tác dụng của hormone.
3. Trình bày được cơ chế tác dụng của hormone tan trong nước (adrenalin), hormone steroid.

4. Trình bày các chất truyền tin thứ 2 (truyền tin nội bào)
5. Trình bày các phản ứng tổng hợp, thoái hoá của catecholamine

Bài 3: Hoá sinh thận- nước tiểu: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được chức năng lọc và bài tiết nước tiểu của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng lọc và bài tiết nước tiểu
2. Trình bày được chức năng nội tiết của thận, bệnh lý liên quan
3. Trình bày được chức năng thăng bằng acid- base của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng thăng bằng acid, base
4. Mô tả tính chất lý, hoá học, thành phần của nước tiểu bình thường
5. Kể tên các chất bất thường trong nước tiểu và một số bệnh lý liên quan
6. Mô tả cơ chế xuất hiện glucose, protein, ceton, sắc tố mật trong nước tiểu

Bài 4: Thăng bằng acid-base: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày định nghĩa hệ đệm, các hệ đệm trong huyết tương và huyết cầu
2. Trình bày cơ chế đệm của hệ đệm bicarbonate, Hb
3. Trình bày vai trò điều hoà thăng bằng acid - base bởi phổi và thận
4. Mô tả các xét nghiệm đánh giá thăng bằng acid base
5. Mô tả các loại rối loạn thăng bằng acid-base

Bài 5: Hb: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được vai trò của Hb
2. Mô tả cấu tạo của Hb, các loại Hb ở người trưởng thành
3. Mô tả được tính chất của Hb, ứng dụng
4. Trình bày được nguyên liệu, vị trí, các rối loạn tổng hợp Hb
5. Vẽ sơ đồ thoái hoá Hb tạo sắc tố mật
6. Trình bày rối loạn thoái hoá Hb

Bài 6: Hoá sinh gan: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày chức năng chuyển hoá của gan, các xét nghiệm hoá sinh đánh giá suy chức năng chuyển hoá
2. Trình bày chức năng tạo và bài tiết mật của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng tạo mật
3. Trình bày chức năng khử độc của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng khử độc

4. Trình bày một số xét nghiệm hoá sinh đánh giá tổn thương gan.

Bài 7: Hoá sinh máu: sau 3 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được nồng độ bình thường, bất thường của một số chất điện giải và các bệnh lý liên quan
2. Trình bày được: nguồn gốc, nồng độ bình thường, bất thường của một số chất hữu cơ không enzyme trong máu, các bệnh lý thường gặp
3. Trình bày được: nguồn gốc, hoạt độ bình thường, bất thường của một số enzyme huyết thanh, các bệnh lý liên quan
4. Trình bày được nồng độ một số hormone thường gặp, bệnh lý liên quan
5. Trình bày một số chỉ dấu khối u, giá trị bình thường, bệnh lý liên quan

- Thực hành

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được *nguyên tắc, tiến hành đúng phản ứng* và *nhận định được kết quả* từng xét nghiệm cụ thể trong từng bài:

Bài 1: Sau khi học xong, sinh viên phải

1. Trình bày được định luật Lambert-Beer, ứng dụng
2. Mô tả một số tham số cần cài đặt cho máy hóa sinh
3. Cách lấy bệnh phẩm

Bài 2: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng định lượng protein, albumin, calci huyết thanh, phản ứng rivalta và tìm protein niệu

Bài 3: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng định lượng glucose, cholesterol, triglyceride, HDL-C huyết thanh, và tìm glucose, cetone niệu

Bài 4: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng định lượng ure, creatinin huyết thanh, và tổng phân tích nước tiểu

Bài 5: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên tắc, tiến hành được phản ứng và nhận định được kết quả định lượng bilirubin trong huyết thanh và tìm sắc tố mật, muối mật trong nước tiểu

Bài 6: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng đo hoạt độ AST, ALT, GGT và amylase huyết thanh

Bài 7: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng đo hoạt độ CK, CK-MB, LDH, ALP huyết thanh

Bài 8: Phân tích phiếu xét nghiệm. Sau khi học xong, sinh viên phải:

1. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý gan điển hình
2. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý tim-mạch điển hình
3. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý thận điển hình
4. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý chuyển hoá điển hình

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phân bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ, làm bài tập nhỏ

8. Lượng giá:

- Ban đầu: Phỏng vấn nhanh

- Trong khi học: kiểm tra bài cũ

- Cuối kỳ: thi hết môn

Trình bày được nguyên tắc, tiến hành được phản ứng và nhận định được kết quả định lượng bilirubin trong huyết thanh và tìm sắc tố mật, muối mật trong nước tiểu

Bài 6: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng đo hoạt độ AST, ALT, GGT và amylase huyết thanh

Bài 7: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng đo hoạt độ CK, CK-MB, LDH, ALP huyết thanh

Bài 8: Phân tích phiếu xét nghiệm. Sau khi học xong, sinh viên phải:

1. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý gan điển hình
2. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý tim-mạch điển hình
3. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý thận điển hình
4. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý chuyển hoá điển hình

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ, làm bài tập nhỏ

8. Lượng giá:

- Ban đầu: Phỏng vấn nhanh
- Trong khi học: kiểm tra bài cũ
- Cuối kỳ: thi hết môn

- Điều kiện được dự thi:

+ Lý thuyết: - Không được vắng quá 10% số giờ lý thuyết

- Điểm thực hành: ≥ 5

+ Thực hành: học đủ các bài thực hành

- Thi kết thúc học phần I:

Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính

Thực hành: trình bày nguyên tắc, tiến hành, nhận định kết quả và ứng dụng y học của 1 thí nghiệm

- Thi kết thúc học phần II:

Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính

Thực hành: thi vấn đáp: chỉ định xét nghiệm cần thiết cho 1 tình huống lâm sàng, trình bày nguyên tắc, tiến hành một kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản, biện luận kết quả vừa đo được.

- Điểm học phần 1 = (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3

- Điểm học phần 2 = (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3

9. Tài liệu học tập:

Bài giảng hoá sinh, ĐHYHN dành cho BSĐK, 2001

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYDHP

10. Tài liệu tham khảo

Hoá sinh: Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, Nghiêm Xuân Luật, 2007

Thực tập hoá sinh, Trường Đại học Y Hà Nội, 2005

Hóa sinh lâm sàng, Tạ Thành Văn, Nxb Y học, 2013

Hóa sinh, Nxb Y học, 2007

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành

- Dụng cụ:

+ Giá ống thí nghiệm, ống thí nghiệm, nồi cách thủy, pipet thủy tinh, quả bóp cao su, hóa chất phục vụ thí nghiệm

+ Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

12. Kế hoạch giảng dạy

Học phần I: học kỳ I năm 2.

Môn học tiên quyết: hoá học, sinh học, giải phẫu học

Môn học song hành: mô phôi, sinh lý

Học phần II: học kỳ I năm 2

Môn học tiên quyết: hoá sinh I

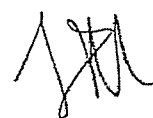
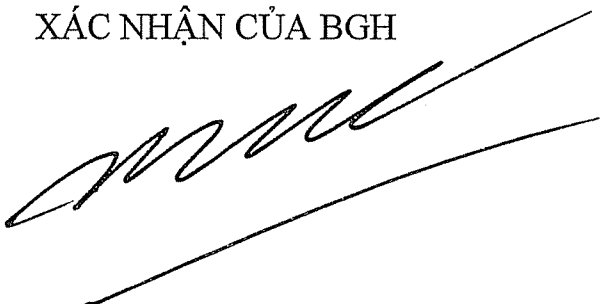
Giảng viên hỗ trợ học tập: Phụ trách bộ môn ThS Nguyễn Thị Phương Mai

SĐT: 0983731209

E-mail: ntpmai@hpmu.edu.vn

XÁC NHẬN CỦA BGH

Phó trưởng phụ trách bộ môn



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ThS Nguyễn Thị Phương Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 08

Đối tượng sinh viên: **Dược sỹ chính quy**

Học phần tiên quyết: Sinh học, Sinh lý

Học phần học trước

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ký sinh trùng

Giảng viên giảng dạy:

- BS. Nguyễn Đức Thành
- TS. Đinh Thị Thanh Mai
- TS. Vũ Văn Thái
- Ths. Võ Thị Thanh Hiền
- KTV. Lại Thị Thanh Thủy
- KTV. Nguyễn Thị Mùi
- CN. Bùi Thị Hồng Ánh
- CN. Trịnh Văn Khương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần ký sinh trùng cho phép sinh viên hiểu rõ đặc điểm sinh học, chu kỳ, đường lây, đặc điểm dịch tễ học, bệnh học, hiểu được các biểu hiện bệnh lý lâm sàng, các phương pháp và kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh ký sinh trùng, nguyên tắc và phác đồ điều trị cũng như nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng thường gặp và ít gặp trên người Việt Nam để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày những kiến thức cơ bản về chu kỳ, dịch tễ, cách phòng chống bệnh ký sinh trùng.
- Trình bày đặc điểm hình thái, chu kỳ phát triển, đường lây nhiễm và tác hại của một số loài ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam.
- Trình bày được các biểu hiện bệnh lý do giun sán gây ra, các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.
- Trình bày được các nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1.	Đại cương ký sinh trùng y học	1		1
2.	- Đại cương giun ký sinh - Giun đũa - Giun tóc	1		1
3.	- Giun kim - Giun móc/giun mỡ - Giun chỉ bạch huyết	2		1
4.	- Đại cương sán lá ký sinh - Sán lá ký sinh (Sán lá gan nhỏ - Sán lá ruột - Sán lá phổi) - Đại cương sán dây ký sinh - Sán dây ký sinh (Sán dây lợn - Sán dây bò) - Giun sán hiếm gặp	3		1
5.	- Đại cương đơn bào - Amip gây bệnh (<i>Entamoeba histolytica</i>) - Trùng roi - Trùng lông - Trùng hình cung	2,5		1
6.	- Ký sinh trùng sốt rét (Đặc điểm sinh học) - Ký sinh trùng sốt rét (Bệnh học - Dịch tễ học)	2		1
7.	- Ký sinh trùng sốt rét (Dịch tễ học - Phòng chống sốt rét)	1		
8.	- Đại cương tiết túc ký sinh	1,5		1

TI
Đ/
Y
HÀ

	- Lớp nhện - Lớp côn trùng			
9.	- Năm ký sinh - Tổng kết	1		1
11.	Hình thể trứng và ấu trùng giun sán thường gặp		4	
12.	- Hình thể giun sán trưởng thành - Phương pháp lấy máu và làm tiêu bản		2 2	
13.	- Hình thể đơn bào - Phương pháp nhuộm tiêu bản máu		2 2	
14.	Phương pháp xét nghiệm phân		4	
15.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Lý thuyết – xem tiêu bản mẫu)		4	
16.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tự soi)		4	
17.	- Hình thể tiết túc - Mỏ muỗi		2 2	
18.	- Hình thể và phương pháp xét nghiệm nấm trực tiếp		2	
19.	Thi thực hành			

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống và công cụ hỗ trợ (máy chiếu).

- Thực hành: + Thảo luận nhóm.

+ Thực tập tại phòng xét nghiệm của bộ môn, hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với nhận định và phân tích tình huống, soi kính hiển vi.

6. Tài liệu dạy và học

6.1. Tài liệu dạy học

- Bài giảng ký sinh trùng y học (Trường Đại học Y Hà Nội), năm 2012.
- Tài liệu bài giảng thực hành ký sinh trùng (Trường Đại học Y Hải Phòng)
- Thực hành ký sinh trùng (Đại học Y Dược Hải Phòng), năm 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang phòng chống bệnh sốt rét, năm 2011.

	- Lớp nhện - Lớp côn trùng			
9.	- Năm ký sinh - Tổng kết	1		1
11.	Hình thể trứng và ấu trùng giun sán thường gặp		4	
12.	- Hình thể giun sán trưởng thành - Phương pháp lấy máu và làm tiêu bản		2 2	
13.	- Hình thể đơn bào - Phương pháp nhuộm tiêu bản máu		2 2	
14.	Phương pháp xét nghiệm phân		4	
15.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Lý thuyết – xem tiêu bản mẫu)		4	
16.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tự soi)		4	
17.	- Hình thể tiết túc - Mỏ muỗi		2 2	
18.	- Hình thể và phương pháp xét nghiệm nấm trực tiếp		2	
19.	Thi thực hành			

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống và công cụ hỗ trợ (máy chiếu).

- Thực hành: + Thảo luận nhóm.

+ Thực tập tại phòng xét nghiệm của bộ môn, hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với nhận định và phân tích tình huống, soi kính hiển vi.

6. Tài liệu dạy và học

6.1. Tài liệu dạy học

- Bài giảng ký sinh trùng y học (Trường Đại học Y Hà Nội), năm 2012.
- Tài liệu bài giảng thực hành ký sinh trùng (Trường Đại học Y Hải Phòng)
- Thực hành ký sinh trùng (Đại học Y Dược Hải Phòng), năm 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang phòng chống bệnh sốt rét, năm 2011.

- Kỹ thuật ký sinh trùng y học.
- Cẩm nang xét nghiệm chẩn đoán giun sán.
- Cẩm nang phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người, năm 2010.

7. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu: Phát vấn đầu giờ giảng, đặt tình huống...
- Đánh giá quá trình: Tham gia đủ các buổi học, tích cực hoạt động nhóm...
- Đánh giá kết thúc học phần:
 - + Kiểm tra thực hành: soi tiêu bản và thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.
 - + Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy.

=> Sử dụng kỹ thuật đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình làm điều kiện tham gia thi kết thúc học phần.

- Chuyên cần: tham gia học tập đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành.
- Kiểm tra thường xuyên: chấm điểm sau mỗi buổi thực hành.

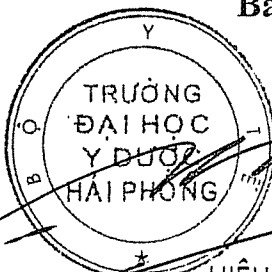
8. Cơ sở vật chất:

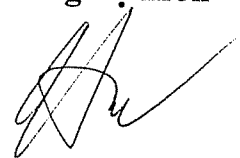
- Lý thuyết : phòng học, máy chiếu, máy tính.
- Thực hành: 2 phòng thực hành, kính hiển vi, hóa chất...

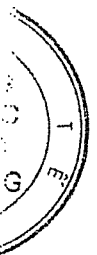
Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Ban giám hiệu

Trưởng bộ môn


 HIỆU TRƯỞNG
 GS.TS. *Phạm Văn Chức*


Đinh Thị Thanh Mai



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO TÍN CHỈ SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý*

3. Số tín chỉ: 3 . Lý thuyết: 2. Thực hành: 1
Số tiết lý thuyết: 30. Thực hành 30.
Số giờ tự học: 60

4. Chuyên ngành đào tạo: Dược sỹ chính quy và Dược sỹ liên thông.

5. Năm học: năm thứ 1.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi.

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi
2. ThS. Đào Thu Hồng
3. ThS. Vũ Thành Đông
4. ThS. Phạm Thị Nguyên
5. ThS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

*** Về kiến thức:**

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng, điều hòa chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan và toàn cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

*** Về kỹ năng:**

- Thao tác đúng các bước tiến hành và phân tích, diễn giải một số kỹ thuật xét nghiệm huyết học và thăm dò chức năng cơ bản (Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu; bắt mạch, đo huyết áp, ghi điện tim, đo chức năng thông khí phổi, chẩn đoán thai sớm).
- Có kỹ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.

*** Về thái độ:**

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kỹ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp, thực hành những kỹ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

Sinh lý học là môn học gồm:

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý đại cương đề cập đến các nội dung về Đặc điểm cơ thể sống và nội môi; Sinh lý tế bào; Sinh lý máu và dịch thể; Chuyển hóa năng lượng;

Quá trình điều nhiệt trong cơ thể; Sinh lý hệ cơ quan tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, sinh sản, thần kinh).

- Phần thực hành gồm: một số các kỹ thuật xét nghiệm máu, thăm dò chức năng, một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 16 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

*** Điều kiện:**

- Môn học tiên quyết: các môn học cơ bản (Sinh học, Di truyền...), môn y học cơ sở (Giải phẫu, Mô học).

- Môn học song hành: các môn y học Cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

*** Yêu cầu:**

- Thao tác đúng quy trình kỹ thuật: Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu, bất mạch, đo huyết áp, ghi điện tim, đo chức năng thông khí phổi, chẩn đoán thai sớm.

- Nhận định được kết quả xét nghiệm công thức máu. Nhận định, giải thích được kết quả một số thực nghiệm đánh giá chức năng, điều hòa hoạt động chức năng tuần hoàn, nội tiết, sinh sản, thần kinh.

*** Chỉ tiêu:**

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.

- Chỉ tiêu bài kiểm tra:

+ Một bài thi thực hành x 33%

+ Một bài thi hết học phần lý thuyết x 67%.

12. Nội dung học phần

*** Lý thuyết:**

Bài 1. Đại cương cơ thể sống và hằng tính nội môi

1. Đặc điểm của sự sống

2. Nội môi và hằng tính nội môi

2.1. Nội môi

2.2. Hằng tính nội môi và hệ thống ổn định hằng tính nội môi

3. Điều hòa chức năng

3.1. Điều hòa bằng đường thần kinh

3.2. Điều hòa bằng đường thể dịch

3.3. Cơ chế điều hòa ngược

Bài 2: Sinh lý học tế bào

1. Đặc điểm cấu trúc chức năng của màng tế bào

2. Quá trình vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.1. Quá trình khuếch tán

2.2. Quá trình vận chuyển tích cực

Bài 3: Điện thế màng và điện thế hoạt động

1. Cơ sở vật lý của điện thế màng

2. Điện thế nghỉ

3. Điện thế hoạt động

Bài 4: Sinh lý máu

1. Những tính chất và chức năng chung của máu

- 1.1. Tính chất của máu
- 1.2. Chức năng chung của máu

2. Hồng cầu

- 2.1. Hình thái và số lượng hồng cầu
- 2.2. Chức năng của hồng cầu
- 2.3. Điều hòa số lượng hồng cầu

3. Nhóm máu và truyền máu

- 3.1. Hệ thống nhóm máu ABO
- 3.2. Hệ thống nhóm máu Rh

4. Bạch cầu

- 4.1. Chức năng của các loại bạch cầu
- 4.2. Số lượng và công thức bạch cầu

5. Tiểu cầu

- 5.1. Cấu trúc, đặc tính của tiểu cầu
- 5.2. Chức năng của tiểu cầu

6. Quá trình cầm máu

- 6.1. Giai đoạn thành mạch
- 6.2. Giai đoạn tạo nút tiểu cầu
- 6.3. Giai đoạn tạo cục máu đông
- 6.4. Giai đoạn co và tan cục máu đông
- 6.5. Những chất gây đông và chất chống đông sử dụng trong lâm sàng

Bài 5: Chuyển hóa năng lượng

1. Các dạng năng lượng trong cơ thể

2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng

- 2.1. Tiêu hao năng lượng cho tồn tại và duy trì sự sống
- 2.2. Tiêu hao năng lượng cho phát triển cơ thể
- 2.3. Tiêu hao năng lượng cho sinh sản

3. Nguyên tắc của các phương pháp đo tiêu hao năng lượng

4. Điều hòa chuyển hóa năng lượng

- 4.1. Ở mức tế bào
- 4.2. Ở mức cơ thể

Bài 6: Điều hòa thân nhiệt

1. Thân nhiệt và các yếu tố ảnh hưởng tới thân nhiệt
2. Quá trình sinh nhiệt
3. Quá trình tỏa nhiệt
4. Cơ chế điều nhiệt
- 4.1. Cơ chế chống nóng
- 4.2. Cơ chế chống lạnh
- 4.3. Các biện pháp điều nhiệt riêng của loài người

5. Sốt, tăng thân nhiệt, hạ thân nhiệt

Bài 7. Sinh lý hệ tiết niệu

1. Quá trình lọc ở cầu thận
2. Quá trình tái hấp thu ở ống lượn gần, quai Henle
3. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống lượn xa và ống góp
4. Nguyên lý của một số phương pháp thăm dò chức năng thận.

Bài 8: Sinh lý hệ thần kinh

1. Sinh lý hệ thần kinh trung ương
 - 1.1. Vai trò của hệ thần kinh trung ương
 - 1.2. Cơ chế hoạt động của hệ thần kinh trung ương
2. Chức năng của các đơn vị cấu trúc hệ thần kinh trung ương
 - 2.1. Chức năng của neuron
 - 2.2. Các synap thần kinh
3. Chức năng các cấu trúc thuộc hệ thần kinh trung ương
 - 3.1. Tủy sống
 - 3.2. Hành não
 - 3.3. Não giữa
 - 3.4. Thở lưới
 - 3.5. Tiểu não
 - 3.6. Não trước và vỏ não
4. Hệ thần kinh thực vật
 - 4.1. Thần kinh giao cảm
 - 4.2. Thần kinh phó giao cảm
5. Thần kinh cấp cao

Bài 9: Sinh lý tuần hoàn

1. Sinh lý tim
 - 1.1. Các đặc tính sinh lý cơ tim
 - 1.2. Chu kỳ tim
 - 1.3. Điều hòa hoạt động tim
2. Sinh lý tuần hoàn động mạch
 - 2.1. Các loại huyết áp động mạch
 - 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp động mạch
 - 2.3. Điều hòa tuần hoàn động mạch
3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch
4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

Bài 10: Sinh lý hô hấp

1. Chức năng thông khí
2. Chức năng vận chuyển khí
 - 2.1. Máu vận chuyển oxy
 - 2.2. Máu vận chuyển CO₂
3. Quá trình trao đổi khí
4. Điều hòa hô hấp

- 4.1. Vai trò của các trung tâm hô hấp
- 4.2. Vai trò của một số yếu tố và cấu trúc thần kinh khác
- 4.3. Vai trò của một số yếu tố thể dịch

Bài 11: Sinh lý tiêu hóa

1. *Tiêu hóa ở miệng*
 - 1.1. Hoạt động cơ học
 - 1.2. Hoạt động bài tiết nước bọt
2. *Tiêu hóa ở dạ dày*
 - 2.1. Hoạt động cơ học
 - 2.2. Hoạt động bài tiết dịch vị
3. *Tiêu hóa ở ruột non*
 - 3.1. Hoạt động cơ học
 - 3.2. Hoạt động bài tiết dịch tụy
 - 3.3. Hoạt động bài tiết dịch mật
 - 3.4. Hoạt động bài tiết dịch ruột non
4. *Tiêu hóa ở ruột già*

Bài 12: Sinh lý nội tiết

1. *Đại cương về các tuyến nội tiết và hormon*
2. *Chức năng nội tiết vùng dưới đồi*
3. *Chức năng nội tiết tuyến yên*
4. *Chức năng nội tiết tuyến giáp, tuyến cận giáp*
5. *Chức năng nội tiết tuyến thượng thận*
6. *Chức năng nội tiết tuyến tụy*

Bài 13: Sinh lý sinh sản

1. *Sinh lý sinh sản nam*
 - 1.1. Chức năng ngoại tiết của tinh hoàn
 - 1.2. Chức năng nội tiết của tinh hoàn
 - 1.3. dậy thì và suy giảm chức năng sinh dục nam
 - 1.4. Rối loạn hoạt động chức năng sinh dục nam
2. *Sinh lý sinh sản nữ*
 - 2.1. Chức năng ngoại tiết của buồng trứng
 - 2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng
 - 2.3. Chu kỳ kinh nguyệt
 - 2.4. dậy thì và mãn kinh
 - 2.5. Thụ thai, mang thai, sỏ thai
 - 2.6. Các hormon trong thời kỳ có thai
 - 2.7. Nghiệm pháp chẩn đoán thai sớm
3. *Cơ sở sinh lý học của các biện pháp tránh thai*

*** Thực hành:**

Bài 1. Đếm số lượng hồng cầu. Đếm số lượng bạch cầu. Định lượng Hemoglobin.

Bài 2. Đo tốc độ máu lắng. Đo thời gian MC - MĐ. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu. Định công thức BCPT.

Bài 3. Phân tích cung phản xạ tủy. Duỗi cứng mắt não trên thỏ. Phá một bên tiểu não ếch và bỏ cầu.

Bài 4. Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim, vai trò của dây X lên hoạt động tim. Nút buộc Stanius. Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.

Bài 5. Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tuồng trình thí nghiệm). Cắt tuyến yên ếch. Chẩn đoán có thai bằng nghiệm pháp sinh vật học. Gây sốc hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.

Bài 6. Đo huyết áp động mạch người. Nghe tiếng tim. Đo điện tâm đồ. Đo chức năng hô hấp.

Bài 7. Nghiên cứu hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ. Chẩn đoán có thai bằng HCG vitest.

13. Phương pháp giảng

- Lý thuyết: thuyết trình cải tiến, pháp vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành các thực nghiệm hoặc phân tích mẫu kết quả xét nghiệm.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.
- Máy chiếu, powerpoint.
- Phấn, bảng.
- Kính hiển vi, buồng đếm tế bào máu, ống potain, máu, lam kính, bông cotton, kim chích, hóa chất, ống nghe, huyết áp, máy điện tim, máy đo chức năng thông khí hồi, máy siêu âm, động vật thực nghiệm ếch, bò câu, thỏ, bàn mổ, panh, kéo, thuốc, hóa chất, hệ thống đo chức năng sống...

15. Đánh giá

15.1. Đánh giá ban đầu

- Pháp vấn

15.2. Đánh giá quá trình

- Pháp vấn
- Kiểm tra viết ngắn 10'

15.2. Đánh giá kết thúc học phần

- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần
- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: thi vấn đáp.
- Tổng điểm môn: $(\text{điểm thực hành} \times \text{hệ số } 1 + \text{điểm lý thuyết} \times \text{hệ số } 2) / 3 = \text{điểm học phần}$

16. Tài liệu học tập, tham khảo

* Tài liệu học tập

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Dược Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.
2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

* Tài liệu tham khảo

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.

5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

* Phần lý thuyết

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/T LTK	Hình thức học
1	Đại cương cơ thể sống, hằng tính nội môi	1.5	PGS. Mùi	[2-5]	Thuyết trình, Pháp vấn, Thảo luận
2	Sinh lý tế bào	1.5	PGS. Mùi		
3	Sinh lý máu	3	ThS. Hồng		
4	Sinh lý chuyển hóa năng lượng	1.5	ThS. Trang		
5	Sinh lý điều nhiệt	1.5	ThS. Trang		
6	Sinh lý hệ tiết niệu	3	ThS. Nguyên		
7	Sinh lý thần kinh	3	PGS. Mùi		
8	Sinh lý tuần hoàn	3	ThS. Hồng		
9	Sinh lý hô hấp	3	ThS. Nguyên		
10	Sinh lý tiêu hóa	3	ThS. Trang		
11	Sinh lý nội tiết	3	ThS. Đông		
12	Sinh lý sinh sản	3	ThS. Đông		
Tổng		30			

* Thực hành

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TLHT/ TLTK	Hình thức học
1	Bài 1: Đếm số lượng hồng cầu. Đếm số lượng bạch cầu. Định lượng Hemoglobin.	4	PGS Mùi	[1]	- GV: giới thiệu bài học - KTV: thao tác mẫu hướng dẫn kỹ thuật. - SV: + Quan sát, Thực hiện kỹ thuật. + Viết báo cáo thực hành
2	Bài 2: Đo tốc độ máu lắng. Đo thời gian MC - MĐ. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu. Định công thức BCPT.	4	PGS Mùi		
3	Bài 3: Phân tích cung phản xạ tủy. Duỗi cứng mắt não trên thỏ. Phá một bên tiểu não ếch và bò câu.	4	ThS Nguyên		
4	Bài 4: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim, vai trò của dây X lên	4	ThS Đông		

	hoạt động tim. Nút buộc Stanius. Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.				
5	Bài 5: Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tuồng trình thí nghiệm). Cắt tuyến yên ếch. Chẩn đoán có thai bằng nghiệm pháp sinh vật học. Gây sốc hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.	4	ThS. Trang		
6	Bài 6. Đo huyết áp động mạch người. Nghe tiếng tim. Đo điện tâm đồ. Đo chức năng hô hấp.	5	ThS. Hồng		
7	Bài 7. Nghiên cứu hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ. Chẩn đoán có thai bằng HCG vitest.	5	ThS. Hồng		
	Tổng	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

	hoạt động tim. Nút buộc Stanius. Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.				
5	Bài 5: Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Trường trình thí nghiệm). Cắt tuyến yên ếch. Chẩn đoán có thai bằng nghiệm pháp sinh vật học. Gây sốc hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.	4	ThS. Trang		
6	Bài 6. Đo huyết áp động mạch người. Nghe tiếng tim. Đo điện tâm đồ. Đo chức năng hô hấp.	5	ThS. Hồng		
7	Bài 7. Nghiên cứu hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ. Chẩn đoán có thai bằng HCG vitest.	5	ThS. Hồng		
	Tổng	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chừ*

[Signature]
PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Dược sĩ chính quy

Học phần tiên quyết: Sinh lý học

Học phần học trước: Giải phẫu, Hóa sinh

Học phần song hành: Vi sinh, Ký sinh trùng

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Thị Hồng, Trần Thị Thu Hằng.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch.

- Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để học tập, nghiên cứu các học phần sau: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Học xong môn này học viên phải có những kiến thức cơ bản về sinh lý bệnh và miễn dịch cơ bản để có khả năng:

1. Trình bày được những khái niệm cơ bản, nguyên lý, quy luật chung nhất về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh tật nói chung và của một số quá trình bệnh lý điển hình, của các rối loạn cơ quan chức phận cơ thể khi bị bệnh.

2. Trình bày được các thành phần cấu tạo chính và cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch, nêu một số nguyên nhân thường gặp và cơ chế gây rối loạn chức năng miễn dịch.

3. Phân tích được một số thông số xét nghiệm thăm dò chức năng, thông qua các tình huống bệnh lý cụ thể để qua đó có thể giúp chẩn đoán bệnh, cắt nghĩa cho việc dùng thuốc điều trị các rối loạn đó.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về môn SLB và các khái niệm cơ bản	1	2	2
2	Sinh lý bệnh phản ứng viêm	1	2	2
3	Sinh lý bệnh phản ứng sốt	1		2
4	Rối loạn chuyển hóa các chất và thăng bằng kiềm toan	2	4	4
5	Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn	2	2	4
6	Sinh lý bệnh chức năng hô hấp	2	2	4
7	Sinh lý bệnh chức năng tạo máu	2	4	4
8	Sinh lý bệnh chức năng chức năng gan	2	2	4
9	Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa	2	2	4
10	Sinh lý bệnh chức năng tiết niệu	2	4	4
11	Đại cương về đáp ứng miễn dịch-Miễn dịch tự nhiên	1		2
12	Tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch	1		2
13	Hệ thống bổ thể	1		2
14	Kháng nguyên và phức hợp hòa hợp mô(MHC)	1		2
15	Miễn dịch dịch thể	1	2	2
16	Miễn dịch tế bào	1	2	2
17	Kiểm soát và điều hòa miễn dịch	1		2
18	Miễn dịch chống ung thư	1		2
19	Miễn dịch ghép	1		2
20	Miễn dịch bệnh lý	2	2	4
21	Trị liệu miễn dịch	2		4
Tổng		30	30	60

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			

3. Phân tích được một số thông số xét nghiệm thăm dò chức năng, thông qua các tình huống bệnh lý cụ thể để qua đó có thể giúp chẩn đoán bệnh, cắt nghĩa cho việc dùng thuốc điều trị các rối loạn đó.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về môn SLB và các khái niệm cơ bản	1	2	2
2	Sinh lý bệnh phản ứng viêm	1	2	2
3	Sinh lý bệnh phản ứng sốt	1		2
4	Rối loạn chuyển hóa các chất và thăng bằng kiềm toan	2	4	4
5	Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn	2	2	4
6	Sinh lý bệnh chức năng hô hấp	2	2	4
7	Sinh lý bệnh chức năng tạo máu	2	4	4
8	Sinh lý bệnh chức năng chức năng gan	2	2	4
9	Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa	2	2	4
10	Sinh lý bệnh chức năng tiết niệu	2	4	4
11	Đại cương về đáp ứng miễn dịch-Miễn dịch tự nhiên	1		2
12	Tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch	1		2
13	Hệ thống bổ thể	1		2
14	Kháng nguyên và phức hợp hòa hợp mô(MHC)	1		2
15	Miễn dịch dịch thể	1	2	2
16	Miễn dịch tế bào	1	2	2
17	Kiểm soát và điều hòa miễn dịch	1		2
18	Miễn dịch chống ung thư	1		2
19	Miễn dịch ghép	1		2
20	Miễn dịch bệnh lý	2	2	4
21	Trị liệu miễn dịch	2		4
Tổng		30	30	60

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			

Tuần 1:	- Đại cương môn học - Sinh lý bệnh phản ứng viêm	- Giảng viên phân tích các khái niệm cơ bản và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các hàng rào miễn dịch, phân loại hệ thống miễn dịch - Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng viêm và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu sâu về các phản ứng xảy ra trong viêm				- Sinh viên tìm hiểu cụ thể các hàng rào miễn dịch và các cách phân loại hệ thống miễn dịch sau khi đã được giảng viên hướng dẫn - Sinh viên tìm hiểu bản chất các phản ứng xảy ra trong viêm sau khi đã được giảng viên hướng dẫn trên lớp	
Tuần 2:	- Sinh lý bệnh chức năng gan - Hệ thống bổ thể	- Giảng viên tóm lược qua các chức năng và cơ chế hoạt động của gan - Giảng viên phân tích rối loạn chuyển hóa glucid và protid khi gan bị bệnh. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị				- Sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị bệnh trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể sau khi đã được	

Tuần 1:	- Đại cương môn học - Sinh lý bệnh phản ứng viêm	- Giảng viên phân tích các khái niệm cơ bản và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các hàng rào miễn dịch, phân loại hệ thống miễn dịch - Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng viêm và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu sâu về các phản ứng xảy ra trong viêm				- Sinh viên tìm hiểu cụ thể các hàng rào miễn dịch và các cách phân loại hệ thống miễn dịch sau khi đã được giảng viên hướng dẫn - Sinh viên tìm hiểu bản chất các phản ứng xảy ra trong viêm sau khi đã được giảng viên hướng dẫn trên lớp	
Tuần 2:	- Sinh lý bệnh chức năng gan - Hệ thống bổ thể	- Giảng viên tóm lược qua các chức năng và cơ chế hoạt động của gan - Giảng viên phân tích rối loạn chuyển hóa glucid và protid khi gan bị bệnh. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị				- Sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị bệnh trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể sau khi đã được	

		bệnh - Giảng viên phân tích cơ chế hoạt hóa bổ thể, con đường hoạt hóa cổ điển, đồng thời hướng dẫn sinh viên tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể				giảng viên hướng dẫn trên lớp	
	- Tế bào cơ quan miễn dịch	- Giảng viên phân loại tế bào miễn dịch và phân tích minh họa cho sinh viên quá trình biệt hóa của 1 dòng tế bào. Sau đó hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác				- Sau khi được giảng viên hướng dẫn chi tiết, sinh viên tự đọc hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác	
	- Sinh lý bệnh hệ tiết niệu - Rối loạn thăng bằng acid - base	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên sự thay đổi về số lượng và chất lượng nước tiểu, sau đó hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về sự thay đổi các thông số sinh				- Sau khi đã hiểu cơ chế sự thay đổi số lượng và chất lượng nước tiểu sinh viên tìm hiểu thêm sự thay đổi sinh hóa máu liên quan trên cơ sở giảng	

		bệnh - Giảng viên phân tích cơ chế hoạt hóa bổ thể, con đường hoạt hóa cổ điển, đồng thời hướng dẫn sinh viên tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể				giảng viên hướng dẫn trên lớp	
	- Tế bào cơ quan miễn dịch	- Giảng viên phân loại tế bào miễn dịch và phân tích minh họa cho sinh viên quá trình biệt hóa của 1 dòng tế bào. Sau đó hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác				- Sau khi được giảng viên hướng dẫn chi tiết, sinh viên tự đọc hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác	
	- Sinh lý bệnh hệ tiết niệu - Rối loạn thăng bằng acid - base	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên sự thay đổi về số lượng và chất lượng nước tiểu, sau đó hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về sự thay đổi các thông số sinh				- Sau khi đã hiểu cơ chế sự thay đổi số lượng và chất lượng nước tiểu sinh viên tìm hiểu thêm sự thay đổi sinh hóa máu liên quan trên cơ sở giảng	

		hóa máu liên quan - Giảng viên phân tích cho sinh viên thấy rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm. Trên cơ sở đó sinh viên sẽ tìm hiểu cơ chế của rối loạn thăng bằng acid base còn lại				viên đã hướng dẫn chi tiết - Sinh viên tìm hiểu sự rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể trên lớp	
--	--	--	--	--	--	---	--

		hóa máu liên quan - Giảng viên phân tích cho sinh viên thấy rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm. Trên cơ sở đó sinh viên sẽ tìm hiểu cơ chế của rối loạn thăng bằng acid base còn lại				viên đã hướng dẫn chi tiết - Sinh viên tìm hiểu sự rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể trên lớp	
--	--	--	--	--	--	---	--

Tuần 3:	- Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa	- Giảng viên phân tích minh họa cơ chế của rối loạn tăng nhu động ruột hoặc giảm nhu động ruột đồng thời hướng dẫn sinh viên cách đọc hiểu cơ chế của rối loạn tiêu hóa còn lại. Sau khi đã hiểu về cơ chế bệnh sinh các rối loạn tiêu hóa sinh viên tự tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng				- Sinh viên tự đọc hiểu cơ chế của rối loạn tăng hoặc giảm nhu động ruột sau khi đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể. Đồng thời tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng	
	- Sinh lý bệnh phản ứng sốt - Rối loạn chuyển hóa các chất	- Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng sốt và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu thêm về các biểu hiện xảy ra trong sốt - Giảng viên phân tích một vài rối loạn chuyển hóa thường gặp và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu				- Sinh viên tự tìm hiểu thêm các biểu hiện xảy ra trong sốt sau khi giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại sau khi đã được giảng viên hướng dẫn	

Tuần 3:	- Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa	- Giảng viên phân tích minh họa cơ chế của rối loạn tăng nhu động ruột hoặc giảm nhu động ruột đồng thời hướng dẫn sinh viên cách đọc hiểu cơ chế của rối loạn tiêu hóa còn lại. Sau khi đã hiểu về cơ chế bệnh sinh các rối loạn tiêu hóa sinh viên tự tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng				- Sinh viên tự đọc hiểu cơ chế của rối loạn tăng hoặc giảm nhu động ruột sau khi đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể. Đồng thời tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng	
	- Sinh lý bệnh phản ứng sốt - Rối loạn chuyển hóa các chất	- Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng sốt và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu thêm về các biểu hiện xảy ra trong sốt - Giảng viên phân tích một vài rối loạn chuyển hóa thường gặp và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu				- Sinh viên tự tìm hiểu thêm các biểu hiện xảy ra trong sốt sau khi giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại sau khi đã được giảng viên hướng dẫn	

Tuần 3:	- Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa	- Giảng viên phân tích minh họa cơ chế của rối loạn tăng nhu động ruột hoặc giảm nhu động ruột đồng thời hướng dẫn sinh viên cách đọc hiểu cơ chế của rối loạn tiêu hóa còn lại. Sau khi đã hiểu về cơ chế bệnh sinh các rối loạn tiêu hóa sinh viên tự tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng				- Sinh viên tự đọc hiểu cơ chế của rối loạn tăng hoặc giảm nhu động ruột sau khi đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể. Đồng thời tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng	
	- Sinh lý bệnh phản ứng sốt - Rối loạn chuyển hóa các chất	- Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng sốt và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu thêm về các biểu hiện xảy ra trong sốt - Giảng viên phân tích một vài rối loạn chuyển hóa thường gặp và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu				- Sinh viên tự tìm hiểu thêm các biểu hiện xảy ra trong sốt sau khi giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại sau khi đã được giảng viên hướng dẫn	

Tuần 3:	- Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa	- Giảng viên phân tích minh họa cơ chế của rối loạn tăng nhu động ruột hoặc giảm nhu động ruột đồng thời hướng dẫn sinh viên cách đọc hiểu cơ chế của rối loạn tiêu hóa còn lại. Sau khi đã hiểu về cơ chế bệnh sinh các rối loạn tiêu hóa sinh viên tự tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng				- Sinh viên tự đọc hiểu cơ chế của rối loạn tăng hoặc giảm nhu động ruột sau khi đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể. Đồng thời tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng	
	- Sinh lý bệnh phản ứng sốt - Rối loạn chuyển hóa các chất	- Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng sốt và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu thêm về các biểu hiện xảy ra trong sốt - Giảng viên phân tích một vài rối loạn chuyển hóa thường gặp và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu				- Sinh viên tự tìm hiểu thêm các biểu hiện xảy ra trong sốt sau khi giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại sau khi đã được giảng viên hướng dẫn	

		các rối loạn chuyển hóa còn lại				trọng điểm	
	- Sinh lý bệnh cầu tạo máu - Sinh lý bệnh hệ hô hấp	- Giảng viên phân tích sự thay đổi bệnh lý dòng hồng cầu và một vài thay đổi của dòng bạch cầu và tiểu cầu. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu - Giảng viên phân tích các thăm dò chức năng hô hấp và triệu chứng lâm sàng của một số rối loạn hô hấp thường gặp. Cuối giờ học giảng viên hướng dẫn các trọng điểm mà sinh viên cần nắm được để tìm hiểu thêm về các rối loạn hô hấp khác		So sánh rối loạn thông khí hạn chế và rối loạn thông khí tắc nghẽn		- Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các rối loạn hô hấp ít phổ biến sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp	
Tuần 4:	- Miễn dịch	- Giảng viên phân tích cho				- Sinh viên tìm hiểu kiến	

		các rối loạn chuyển hóa còn lại				trọng điểm	
	- Sinh lý bệnh cầu tạo máu - Sinh lý bệnh hệ hô hấp	- Giảng viên phân tích sự thay đổi bệnh lý dòng hồng cầu và một vài thay đổi của dòng bạch cầu và tiểu cầu. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu - Giảng viên phân tích các thăm dò chức năng hô hấp và triệu chứng lâm sàng của một số rối loạn hô hấp thường gặp. Cuối giờ học giảng viên hướng dẫn các trọng điểm mà sinh viên cần nắm được để tìm hiểu thêm về các rối loạn hô hấp khác		So sánh rối loạn thông khí hạn chế và rối loạn thông khí tắc nghẽn		- Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các rối loạn hô hấp ít phổ biến sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp	
Tuần 4:	- Miễn dịch	- Giảng viên phân tích cho				- Sinh viên tìm hiểu kiến	

<i>dịch thể</i> - <i>Miễn dịch tế bào</i> - <i>Miễn dịch ung thư</i> - <i>Miễn dịch ghép</i>	sinh viên cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch tế bào - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu cơ chế miễn dịch trong ung thư và cơ chế miễn dịch trong ghép mô				thức trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn chi tiết	
- <i>Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn</i> - <i>Điều hòa miễn dịch</i>	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên cơ chế bệnh sinh của suy tim, tăng huyết áp và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý khác của hệ tuần hoàn - Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế điều hòa miễn dịch của cơ thể				- Sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý khác của hệ tuần hoàn trên cơ sở giảng viên đã minh họa các bệnh lý điển hình - Sinh viên hệ thống lại cơ chế điều hòa miễn dịch của cơ thể mà giảng viên đã phân	

						tích trên lớp	
Tuần 5:	- Miễn dịch bệnh lý	- Giảng viên phân tích cho sinh viên 4 typ quá mẫn của miễn dịch bệnh lý và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn				- Sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn trên cơ sở giảng viên đã phân tích cụ thể cơ chế của quá mẫn	
	Trị liệu miễn dịch	- Giảng viên giới thiệu các biện pháp trị liệu miễn dịch và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu thêm về các cơ chế				- Sau khi giảng viên hướng dẫn chi tiết sinh viên tìm hiểu cụ thể hơn nội dung cơ chế liên quan	
Tuần 6:	- Thực tập: Thực nghiệm sốc chấn thương	- Minh họa khái niệm về sốc do tác nhân cụ thể là tác nhân cơ học - Làm rõ các khái niệm đã học ở học phần lý thuyết			- Sinh viên kiến tập thực nghiệm sốc chấn thương và các thí nghiệm nhằm tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của sốc chấn thương trên súc vật	Đọc trước các khái niệm Bệnh, bệnh nguyên, vòng xoắn bệnh lý và quy trình thực hiện các thí nghiệm trước khi tới lớp	
	- Thực tập: Thực nghiệm rối	Minh họa lý thuyết:			- Sinh viên thực hành thí nghiệm gây	- Sinh viên đọc trước bài lý thuyết ở	

						tích trên lớp	
Tuần 5:	- <i>Miễn dịch bệnh lý</i>	- Giảng viên phân tích cho sinh viên 4 typ quá mẫn của miễn dịch bệnh lý và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn				- Sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn trên cơ sở giảng viên đã phân tích cụ thể cơ chế của quá mẫn	
	Trị liệu miễn dịch	- Giảng viên giới thiệu các biện pháp trị liệu miễn dịch và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu thêm về các cơ chế				- Sau khi giảng viên hướng dẫn chi tiết sinh viên tìm hiểu cụ thể hơn nội dung cơ chế liên quan	
Tuần 6:	- <i>Thực tập: Thực nghiệm sốc chấn thương</i>	- Minh họa khái niệm về sốc do tác nhân cụ thể là tác nhân cơ học - Làm rõ các khái niệm đã học ở học phần lý thuyết			- Sinh viên kiến tập thực nghiệm sốc chấn thương và các thí nghiệm nhằm tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của sốc chấn thương trên súc vật	Đọc trước các khái niệm Bệnh, bệnh nguyên, vòng xoắn bệnh lý và quy trình thực hiện các thí nghiệm trước khi tới lớp	
	- <i>Thực tập: Thực nghiệm rối</i>	Minh họa lý thuyết:			- Sinh viên thực hành thí nghiệm gây	- Sinh viên đọc trước bài lý thuyết ở	

	<i>loạn chuyển hóa muối nước viêm</i>	- Rối loạn chuyển hóa muối nước - Cơ chế bệnh sinh của phản ứng viêm ở phase cấp			thay đổi áp lực thẩm thấu ở ếch - Sinh viên kiến tập các thực nghiệm còn lại dưới sự hướng dẫn của kỹ thuật viên: áp nóng gây viêm, garo đùi ếch, thay đổi áp lực keo	nhà - Sinh viên đọc trước các thực nghiệm cần thực hiện ở nhà	
Tuần 7:	<i>- Thực tập: Thực nghiệm minh họa một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp</i>	- Minh họa ảnh hưởng của một số yếu tố đến các giai đoạn của hô hấp - Trên cơ sở sinh viên đặc quan sát thí nghiệm, giảng viên sẽ cùng sinh viên phân tích cơ chế của sự thay đổi hô hấp ở các thí nghiệm			Sinh viên kiến tập các thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của kỹ thuật viên: - Thở người NH₃ đậm đặc, tiêm acid – kiềm vào tĩnh mạch rìa tai thỏ - Kẹp khí quản thỏ - Tiêm AgNO₃ vào tĩnh mạch đùi chó	- Sinh viên đọc lại các giai đoạn của hô hấp - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm cần làm	

	- <i>Thực tập: Thực nghiệm về chức năng chống độc khử độc của gan và rối loạn chức phận tiêu hóa</i>	- Minh họa chức năng chống độc khử độc của gan - Minh họa rối loạn chức năng hệ tiêu hóa			Sinh viên quan sát các thí nghiệm và ghi lại kết quả dưới dự hướng dẫn của kỹ thuật viên: - Tiêm Adreanlin và nước lọc phân vào tĩnh mạch đùi và tĩnh mạch mạc treo chó - Tiêm nước muối nóng, AgNO₃ vào ruột chó	- Sinh viên đọc phần lý thuyết liên quan tới bài học - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm	
Tuần 8:	- <i>Thực tập: Phân tích huyết đồ</i>	- Giảng viên nhắc lại các thông số của các dòng tế bào máu - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách phân tích huyết đồ (3 bước cụ thể)			Sinh viên phân tích 1 huyết đồ và giảng viên góp ý sửa đổi bổ sung	- Sinh viên đọc lại bài sinh lý bệnh cấu tạo máu - Sinh viên tự phân tích các huyết đồ còn lại trong giáo trình thực tập	
	- <i>Thực tập: Phân tích niệu đồ</i>	- Giảng viên nhắc lại sự thay đổi của số lượng nước tiểu, chất lượng nước tiểu và các chỉ số			Sinh viên phân tích 1 niệu đồ và giảng viên góp ý sửa đổi bổ sung	- Sinh viên đọc lại bài sinh lý bệnh hệ tiết niệu - Sinh viên tự phân tích các	

		sinh hóa liên quan - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách phân tích niệu đồ (3 bước cụ thể)				niệu đồ còn lại trong giáo trình thực tập	
Tuần 9:	- <i>Thực tập: Thực nghiệm số truyền máu khác loài</i>	- Minh họa bệnh cảnh sốt - Giảng viên phân tích cơ chế quá miễn typ 2 trong thực nghiệm này			- Sinh viên quan sát các thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: - Thực nghiệm tiêm truyền máu gà cho chó - Phản ứng chéo, phản ứng xác định vai trò của bổ thể	- Sinh viên đọc lại bài miễn dịch bệnh lý - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm cần tiến hành	
	- <i>Thực tập: Một số kĩ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán</i>	- Giảng viên giới thiệu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích một số kĩ thuật miễn dịch hiện nay còn sử dụng			- Sinh viên kiến tập kĩ thuật ngưng kết thụ động - Sinh viên thực hành đồ lam thạch tiêu chuẩn và đục giếng thạch	Sinh viên tìm hiểu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch tế bào sau khi giảng viên hướng dẫn cụ thể trên lớp	

		sinh hóa liên quan - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách phân tích niêu đồ (3 bước cụ thể)				niêu đồ còn lại trong giáo trình thực tập	
Tuần 9:	- <i>Thực tập: Thực nghiệm sốc truyền máu khác loài</i>	- Minh họa bệnh cảnh sốc - Giảng viên phân tích cơ chế quá mẫn typ 2 trong thực nghiệm này			- Sinh viên quan sát các thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: - Thực nghiệm tiêm truyền máu gà cho chó - Phản ứng chéo, phản ứng xác định vai trò của bổ thể	- Sinh viên đọc lại bài miễn dịch bệnh lý - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm cần tiến hành	
	- <i>Thực tập: Một số kĩ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán</i>	- Giảng viên giới thiệu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích một số kĩ thuật miễn dịch hiện nay còn sử dụng			- Sinh viên kiến tập kĩ thuật ngưng kết thụ động - Sinh viên thực hành đồ lam thạch tiêu chuẩn và đục giếng thạch	Sinh viên tìm hiểu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch tế bào sau khi giảng viên hướng dẫn cụ thể trên lớp	

		trong chẩn đoán					
		- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nguyên lý chung của kỹ thuật miễn dịch tế bào					

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả thực nghiệm, phân tích phiếu xét nghiệm

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hành các thí nghiệm, tham gia trao đổi, thảo luận
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng để thuyết trình, thảo luận, ... tự học trên mô hình, video.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Sinh lý bệnh và miễn dịch, Nhà xuất bản Y học
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Miễn dịch học, Nhà xuất bản Y học
3. Sinh lý bệnh học / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2004. - 452tr. ; 24cm
4. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần miễn dịch học: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 157tr. ; 27cm.
5. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần sinh lý bệnh: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 255tr. ; 27cm.
6. Miễn dịch học cơ bản. - H. : Y học, 1986. - 422 tr. ; 21 cm

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

8.1. *Thi thực hành*: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học thực hành mới được thi hết học phần thực hành.

+ Hình thức thi: thi viết

+ Thời lượng thi: 50 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng

8.2. Thi lý thuyết:

- **Đánh giá ban đầu.**

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Sinh lý bệnh – miễn dịch

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học Sinh lý bệnh – miễn dịch

- **Đánh giá quá trình:** : sinh viên cần tự giác thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, ghi chép đầy đủ kết quả thí nghiệm và phân tích tất cả các huyết đồ niệu đồ trong giáo trình thực hành

- **Đánh giá cuối kỳ:** Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 90 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

8.3. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: $TKHP = (LT \times 2 + TH) / 3$

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. **Học phần lý thuyết:** giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

9.2. **Học phần thực hành:** phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, súc vật phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC VẬT DƯỢC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 tiết

Lý thuyết: 30 tiết

Thực hành: 30 tiết

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Dược sĩ đại học hệ chính quy

Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.

Cán bộ phụ trách giảng dạy:

Cán bộ bộ môn: Trịnh Hiền Trung, Đào Thị Bích Ngọc, Lưu Thị Thu Huyền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Thực vật học là học phần bắt buộc cho sinh viên dược năm thứ 2. Kết thúc học phần này, sinh viên có tri thức tổng quan về sinh giới nói chung và hệ thống phân loại thực vật nói riêng và nhận biết được khoảng 130 họ có nhiều cây được sử dụng làm thuốc, trong đó có khoảng 50 họ có nhiều loài được sử dụng phổ biến trong ngành Dược ở Việt Nam.

Học phần thực hành giúp cho sinh viên xác định đúng tên khoa học, có ý nghĩa sống còn trong khởi đầu nghiên cứu và phát triển thuốc từ cây cỏ.

Môn học thực vật học, cung cấp những nền tảng cơ bản cho sinh viên học các môn chuyên ngành như Dược liệu, Dược liệu biển, Dược học cổ truyền.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được cấu trúc, chức năng và vẽ được các loại mô thực vật.

	Ngành Dương xỉ trần, Rêu, Lá thông, Thông đất, Cỏ Tháp bút, Dương xỉ, Thông (ngành Hạt trần)	5		10
3	Ngành Ngọc lan (ngành Hạt kín): Lớp Ngọc lan (nhấn mạnh các họ: Ngọc Lan, Na, Long não, Tiết dê, Hoàng liên, Rau giền, Rau răm, Sỗ, Bí, Bông, Dâu tằm, Thầu dầu, Hoa hồng, Sim, Đậu, Cam, Nhân sâm, Hoa tán, cà phê, Trúc đào, Hoa môi, Cúc.	5		20
4	Lớp Hành: nhấn mạnh các họ: Trạch tả, Loa kèn, Hành, Củ nâu, Lan, Gừng, Lúa, Cau, Ráy.	2		10
THỰC HÀNH				
1	Phương pháp làm và vẽ tiêu bản vi phẫu các cơ quan dinh dưỡng. Phương pháp vẽ tiêu bản vi phẫu		5	
2	Tế bào và Mô thực vật		5	
3	Rễ cây		4	
4	Thân cây Nhận thức các loại hình thái thân		4	
5	Lá cây Nhận thức các loại hình thái Lá		4	
6	Phân tích và vẽ đặc điểm hình thái cơ quan sinh sản của thực vật bậc cao (Hoa) Nhận thức các loại hình thái Hoa		4	
7	Phân tích và vẽ đặc điểm hình thái cơ quan sinh sản của thực vật bậc cao (quả, hạt)		4	

- Trình bày được và vẽ được các đặc điểm hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.
- Nêu được các bậc phân loại chính của thực vật và viết đúng tên khoa học của cây.
- Nêu được đặc điểm của từng họ thực vật hạt kín và vị trí phân loại của chúng.
 - Kỹ năng: Sử dụng được khóa phân loại thực vật để xác định họ thực vật.
 - Thao tác: Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, có tinh thần trách nhiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Tự học
LÝ THUYẾT				
Phần 1: Hình thái học thực vật		15		30
1	Chương 1: Tế bào thực vật	2		5
2	Chương 2: Mô thực vật	3		5
3	Chương 3: Cơ quan sinh dưỡng của thực vật - Rễ cây - Thân cây - Lá cây - Ứng dụng cơ quan sinh dưỡng của thực vật trong ngành dược.	5		10
4	Chương 4: Cơ quan sinh sản của thực vật. - Hoa - Quả - Hạt	5		10
Phần 2: Phân loại học thực vật		15		45
1	Đại cương về phân loại học thực vật	3		5
2	Giới thực vật			

	Nhận thức các loại hình thái quả, hạt			
	TỔNG	30	30	75

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ y tế (2007), *Thực vật học (sách đào tạo Dược sĩ đại học)*, NXB Y học, Hà Nội.

6.2 Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2011), *Thực vật Dược (dùng cho đào tạo dược sĩ đại học)*, NXB Giáo Dục Việt Nam
- Trường Đại học Dược Hà Nội, *Thực tập Thực vật và nhận biết cây thuốc*, in tại Trung tâm thông tin- Thư viện ĐHDHN, Hà Nội
- Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 Thực tập: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Dụng cụ dùng cho làm tiêu bản thực vật: Kính hiển vi, giấy thấm, khung nẹp,...
- Tủ sấy
- Hóa chất dùng cho tẩy nhuộm tiêu bản: Javen, xanh methylen, đỏ carmin.....
- Hệ thống đường nước, bàn ghế thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần:

+ Kiểm tra thực tập: vấn đáp + viết

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- Trọng số các điểm:

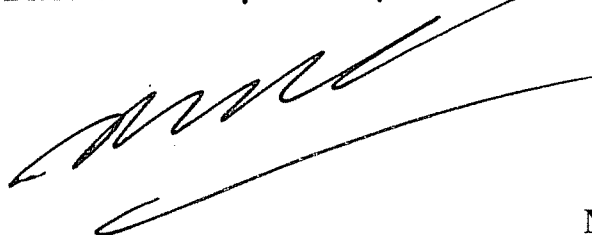
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm môn học = (Điểm thi kết thúc học phần * 2 + Điểm kiểm tra thực tập) / 3

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN





Nguyễn Văn Hùng

Ngô Thị Quỳnh Mai

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HẢI PHÒNG

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BỘ MÔN VI SINH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỐI TƯỢNG: SV DƯỢC CHÍNH QUI

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3	Lý thuyết: 2	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 30	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 52	Thực hành: 16

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Sinh viên dược chính qui

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa, Mô học

Học phần học trước:

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Vi sinh Y học

- TS. Nguyễn Hùng Cường
- ThS. Hoàng Thị Hải Yến
- ThS. Trần Thị Vượng
- Th.S. Phạm Thị Tâm
- BS. Trịnh Thị Hằng
- CN. Nguyễn Quang Huy
- CN. Vũ Thị Nữ
- CN. Nguyễn Ngọc Mỹ Trinh
- CN. Nguyễn Thị Thanh Phượng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các căn nguyên gây bệnh nhiễm khuẩn (vi khuẩn và virus). Các kiến thức này là cơ sở để sinh viên tiếp cận kiến thức y học lâm sàng.

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học cơ sở, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên được sau khi đã hoàn thành khối kiến thức cơ bản.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, vacxin và huyết thanh, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể.
- Các đặc điểm cơ bản nhất (đặc điểm sinh vật hóa học, khả năng và cơ chế gây bệnh, cách phòng và nguyên tắc điều trị các bệnh nhiễm trùng) của một số căn nguyên vi khuẩn, virus gây bệnh quan trọng.

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành y học cơ sở nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và dạy đồng thời với một số môn y học cơ sở khác.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.
- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

- Sinh viên có được các kiến thức cơ bản về các căn nguyên gây bệnh (vi khuẩn và virus).

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, vacxin và huyết thanh, bệnh nhiễm trùng, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể chống vi sinh vật.
- Các đặc điểm cơ bản (đặc điểm sinh vật hóa học, khả năng gây bệnh, cách phòng và nguyên tắc điều trị bệnh) của một số căn nguyên vi khuẩn, virus gây bệnh nguy hiểm.

Về kỹ năng

- Chỉ định và phân tích được một số xét nghiệm vi sinh chẩn đoán bệnh nhiễm trùng thường gặp.
- Thực hiện được kỹ thuật nhuộm vi khuẩn (Nhộm đơn, Gram, Ziehl-Neelsen) và nhận biết được hình thể của vi khuẩn trên tiêu bản nhuộm.
- Thực hiện được kỹ thuật kháng sinh đồ và phân tích được kết quả.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Tín chỉ 1: Vi sinh đại cương		15	20
Bài 1	Đại cương về VSV và VSV y học. Hình thể, cấu tạo và sinh lý của vi khuẩn Di truyền học vi khuẩn.	4	4
Bài 2	Đại cương virus. Sự đề kháng của cơ thể chống VSV Kháng sinh và kháng kháng sinh	4	6
Bài 3	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của VSV. Nhiễm trùng bệnh viện. Vaccin và huyết thanh.	4	6
Bài 4	<i>Rickettsia, Chlamydia, Mycoplasma</i> Phương pháp chẩn đoán VSV Khử trùng- Tiệt trùng.	3	4
Tín chỉ 2: Các chuyên đề vi khuẩn và virus		15	32
Bài 1	Các cầu khuẩn gây bệnh (tụ cầu vàng, liên cầu A, phế cầu, lậu cầu, não mô cầu)	2	6
Bài 2	Họ vi khuẩn đường ruột (thương hàn, lỵ, <i>E.coli</i>) Vi khuẩn tả	2	6
Bài 3	<i>Mycobacterium</i> (lao). <i>Clostridium</i> (uốn ván, hoại thư sinh hơi, ngộ độc thịt) Xoắn khuẩn giang mai	2	4

Bài 4	Trực khuẩn dịch hạch, bạch hầu, mủ xanh, <i>Hemophilus influenzae</i> . Trực khuẩn ho gà.	2	4
Bài 5	Các virus gây viêm gan (HBV, HCV, HAV) Virus gây hội chứng SGMD ở người.	2	4
Bài 6	<i>Myxovirus</i> (cúm, sởi). <i>Arbovirus</i> (Dengue, VNNB B)	2	4
Bài 7	<i>Enterovirus</i> . <i>Rotavirus</i> . <i>Adenovirus</i> .	1	2
Bài 8	Virus <i>Herpes</i> và thủy đậu. Virus dại, HPV	2	2
Tổng		30	52

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Quan sát hình thể vi khuẩn	4	2
Bài 2	Làm tiêu bản nhuộm vi khuẩn- Các phương pháp nhuộm soi vi khuẩn	4	2
Bài 3	Cách lấy bệnh phẩm- Cấy phân lập vi khuẩn	4	2
Bài 4	Cấy định danh vi khuẩn	4	2
Bài 5	Kháng sinh đồ	4	2
Bài 6	Ứng dụng một số phản ứng miễn dịch vào chẩn đoán vi sinh	4	4
Bài 7	Tham quan phòng xét nghiệm vi sinh và quan sát một số xét nghiệm chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh tại lab bệnh viện	4	2
Bài 8	Thi thực hành	2	
Tổng		30	16

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC**6.1. Tài liệu giảng dạy**

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2013; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi –rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2013; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi –rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;

- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;
- Jawetz Melnick&Adelbergs Medical Microbiology

Link:

http://microbiology.sbm.ac.ir/uploads/jawetz_2013__medical_microbiology.pdf

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

*** Đánh giá ban đầu:**

- Hỏi thăm

*** Đánh giá quá trình:**

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự tìm hiểu,...

*** Đánh giá kết thúc học phần:**

- Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.
- Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Thi viết
- **Điểm TKHP = (Điểm thi lý thuyết *2 + Điểm thi thực hành)/3**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bộ môn có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

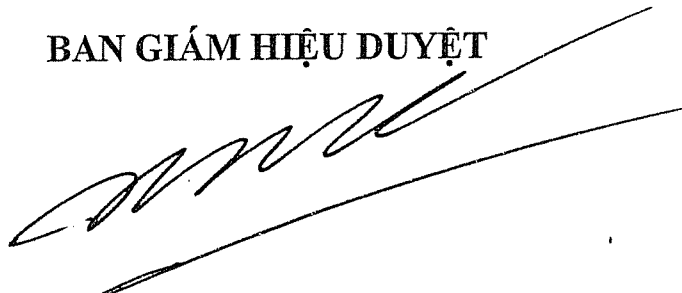
Tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP

- 01 phòng thực hành 1: gồm 20 kính hiển vi, tủ ấm
- 01 phòng thực hành 2: gồm 13 kính hiển vi, tủ sấy, tủ ấm CO₂, hốt vô trùng, nồi hấp vô trùng, thiết bị, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH.

Ngày 4 tháng 8 năm 2016

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chất*



TS. Nguyễn Hùng Cường

- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;
- Jawetz Melnick&Adelbergs Medical Microbiology

Link:

http://microbiology.sbm.ac.ir/uploads/jawetz_2013__medical_microbiology.pdf

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

* Đánh giá ban đầu:

- Hỏi thăm

* Đánh giá quá trình:

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự tìm hiểu,...

* Đánh giá kết thúc học phần:

- Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.
- Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Thi viết
- **Điểm TKHP = (Điểm thi lý thuyết *2 + Điểm thi thực hành)/3**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bộ môn có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

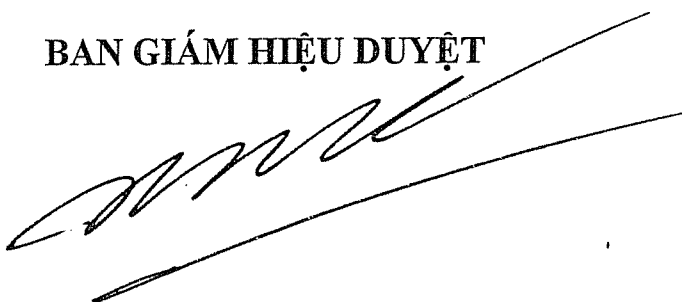
Tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP

- 01 phòng thực hành 1: gồm 20 kính hiển vi, tủ ấm
- 01 phòng thực hành 2: gồm 13 kính hiển vi, tủ sấy, tủ ấm CO₂, hôt vô trùng, nồi hấp vô trùng, thiết bị, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH.

Ngày 4 tháng 8 năm 2016

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chất*



TS. Nguyễn Hùng Cường

- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;
- Jawetz Melnick&Adelbergs Medical Microbiology

Link:

http://microbiology.sbm.ac.ir/uploads/jawetz_2013__medical_microbiology.pdf

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

* Đánh giá ban đầu:

- Hỏi thăm

* Đánh giá quá trình:

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự tìm hiểu,...

* Đánh giá kết thúc học phần:

- Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.
- Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Thi viết
- **Điểm TKHP = (Điểm thi lý thuyết *2 + Điểm thi thực hành)/3**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bộ môn có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

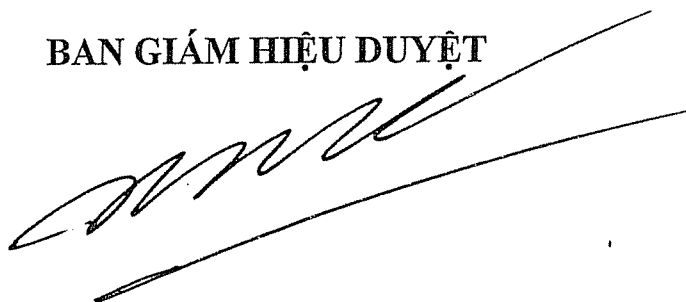
Tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP

- 01 phòng thực hành 1: gồm 20 kính hiển vi, tủ ấm
- 01 phòng thực hành 2: gồm 13 kính hiển vi, tủ sấy, tủ ấm CO₂, hốt vô trùng, nồi hấp vô trùng, thiết bị, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH.

Ngày 4 tháng 8 năm 2016

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chất*



TS. Nguyễn Hùng Cường

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Khoa Dược học

Bộ môn Bào chế và công nghệ Dược

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

BÀO CHẾ 1

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 60 giờ

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa lý, Hóa dược, dược lý

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bào chế và công nghệ dược, Khoa Dược học,
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
2	ThS. Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
3	Ds. Vũ Thị Quỳnh	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bào chế sinh dược học. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dạng thuốc, thành phần dạng thuốc, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc, tiêu chuẩn chất lượng, cách đóng gói bảo quản các dạng thuốc như: dung dịch thuốc, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cồn thuốc, cao thuốc, hỗn dịch thuốc, nhũ tương thuốc...Chương trình thực hành đề cập đến kỹ thuật bào chế các dạng thuốc với các kỹ năng thực hành cụ thể được thể hiện qua công thức và đơn thuốc. Qua đó sinh viên có thể phân tích được đặc điểm về thành phần của một công thức cụ thể, vai trò của từng dược chất, tá dược trong công thức, bào chế được các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới đạt tiêu chuẩn chất lượng, hướng dẫn cách dùng và cách bảo quản các dạng thuốc đã bào chế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: sv trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc.
- Kỹ năng: sv vận dụng được kiến thức cơ bản nêu trên vào thực hành bào chế và hướng dẫn sử dụng thuốc và ứng dụng công nghệ sản xuất vào thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
- Thái độ: sv tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về bào chế và sinh dược học	3	0	6
2	Dung dịch thuốc	6	10	12
3	Thuốc tiêm	6	0	12
4	Thuốc nhỏ mắt	4	5	8
5	Các dạng thuốc bào chế bằng phương pháp chiết xuất	3	0	6
6	Nhũ tương thuốc	4	5	6
7	Hỗn dịch thuốc	4	5	6
	Cộng	30	30	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích vai trò của tá dược, nguyên tắc tiến hành.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: Tập 1: Sách đào tạo dược sĩ đại học / Võ Xuân Minh. - Tái bản lần thứ 2. – Nhà xuất bản Y học, 2006.
2. Thực tập bào chế 1, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Khoa Dược, tài liệu lưu hành nội bộ, 2015.
3. Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế - Lần xuất bản thứ tư. – Nhà xuất bản Y học, 2009.
4. M.E. Aulton, *Pharmaceutics the science of dosage form design*, 2nd edition, 2002

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bào chế và sinh dược học : T1: Dành cho đào tạo dược sĩ đại học / Lê Quang Nghiệm. - Tái bản lần thứ nhất. – Nhà xuất bản giáo dục, 2007.
2. Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc : Sách dùng đào tạo dược sĩ đại học / Võ Xuân Minh. - Tái bản lần 1. – Nhà xuất bản Y học, 2013. - 2 tập. T.1.
3. Thực tập bào chế, Bộ môn Bào chế, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2013.
4. Leon Lachman, Herbert A.Libermann, Joseph L.Kaning, *The theory and practice of industrial pharmacy*, Third edition, 1986.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết
- Phòng thực tập kèm theo trang thiết bị máy móc:chày cối sứ, bộ rây, bộ lọc dung dịch, cân kỹ thuật điện tử, đèn cồn, máy đóng thuốc tiêm, máy đo pH, máy siêu âm

8.PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**
 - + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
 - + Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.
 - + Kiểm tra thực tập: làm thí nghiệm, vấn đáp.
- **Đánh giá sau khi học:**Thi kết thúc học phần: tự luận

-Trọng số các điểm:

Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần

Điểm trung bình học phần = (Điểm kiểm tra thực hành * 1 + Điểm thi kết thúc học phần * 2)/3

**BAN GIÁM HIỆU
DUYỆT**

TRƯỞNG KHOA

PT BỘ MÔN

PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC ĐỘNG HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

- Mã học phần
- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 ; thực hành: 0
- Số tiết học: 30 tiết Lý thuyết: 30; thực hành: 0
Số giờ tự học: 15
- Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy
- Học phần tiên quyết: sinh học, giải phẫu, mô học, sinh lý, sinh hóa.
- Học phần học trước: không có
- Học phần song hành: không có
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn dược lý, Khoa dược học
- GV phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Dược lý
2	BS Nguyễn Minh Thảo	Bộ môn Dược lý
3	Ths. BS Phạm Thúy Hằng	Bộ môn Dược lý
4	Ths. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế
5	Ths. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược động học. Qua đó sinh viên hiểu được các quá trình dược động học của thuốc trong cơ thể, các thông số dược động học cơ bản và ứng dụng các thông số dược động học đặc trưng với từng đối tượng cụ thể.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

-3.1. Kiến thức

- Trình bày được số phận của thuốc trong cơ thể (ADME), động học các quá trình và các yếu tố ảnh hưởng
- Trình bày được các thông số dược động học (DDH) đặc trưng cho mỗi quá trình và sự biến đổi các thông số DDH ở những đối tượng đặc biệt (trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai, bệnh nhân bị suy giảm chức năng gan – thận).
- Thực hành được việc hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân bị suy giảm chức năng gan – thận (không bao gồm quy trình theo dõi nồng độ và hiệu chỉnh liều cho các thuốc có phạm vi điều trị hẹp).

3.2. Kỹ năng:

- Sử dụng thuốc cho những đối tượng đặc biệt (trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai, bệnh nhân bị suy giảm chức năng gan – thận)

3.3.Thái độ:

- Hiểu đúng vai trò của người dược sĩ

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Tự học
1	- Đại cương - Vận chuyển thuốc qua màng sinh học	04	02
3	Hấp thu thuốc (sinh khả dụng)	04	01
4	Phân bố (Vd)	04	02
5	Chuyển hoá	06	02
6	Thải trừ (thời gian bán thải, Cl)	04	02
7	Những biến đổi dược động học theo tuổi, giới và tình trạng bệnh lý	04	03
8	Sự biến đổi các thông số dược động học khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận	04	03
	Tổng	30	15

5.PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY:

5.1.Phương pháp dạy

- Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- Thảo luận nhóm, presentation

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

6.1. Tài liệu giảng dạy

- “Dược động học” trường ĐH YDHP.
- Bộ môn Dược lý-Đại học Y Hà Nội, *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học, 2012
- Bộ Y tế (2012), *Dược lý học tập1*, NXB Y học.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2011)“Dược động học – những kiến thức cơ bản” nhà xuất bản Y học

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

- + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- + Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học tập làm điều kiện để đánh giá kết thúc học phần.

* Điều kiện dự thi hết học phần:

- Học phần lý thuyết: tham dự $\geq 90\%$ số tiết của học phần
- Thi kết thúc học phần: tự luận

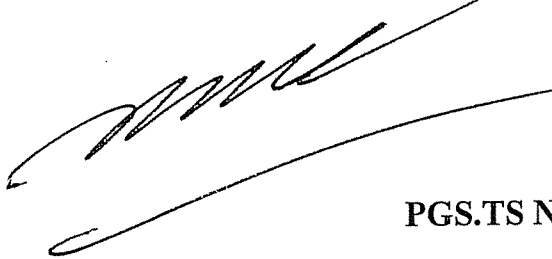
* Điểm tổng kết học phần: = LT

- o nếu sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại
- o nếu sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN



PGS.TS Nguyễn Văn Hùng

Ths. Nguyễn Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Châu*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỘC CHẤT HỌC
ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN DƯỢC CHÍNH QUY (Tín chỉ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: KDU.DKN.D.ĐCH

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian(tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Sinh viên dược chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa phân tích, hóa hữu cơ, hóa vô cơ

Học phần học trước: Hóa lý dược

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Hóa dược-Kiểm nghiệm, Khoa Dược học,
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ tham gia giảng dạy: Bùi Hải Ninh, Vũ Thị Dung, Trần Thị Lương, Phạm
Phương Dung.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Độc chất học cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, cấu tạo của một số chất độc và tác động của chúng lên cơ thể con người, nguyên tắc các phương pháp phân tích kiểm nghiệm có liên quan. Từ đó sinh viên có kiến thức cơ sở để kiểm soát, ngăn chặn được một số độc chất.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về độc chất học và độc chất môi trường
- + Trình bày được nguồn gốc, độc tính tác động trên cơ thể người của một số chất độc: Vô cơ, Hóa chất BVTN, chất độc có nguồn gốc tự nhiên, một số chất ma túy,
- + Kiểm soát và ngăn chặn được một số chất độc

- Kỹ năng:

- + Phân tích, kiểm nghiệm được một số chất độc
- + Thao tác đúng, chính xác các bước trong quy trình thực nghiệm

- Thái độ:

- + Rèn được thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm, có tính kỷ luật cao.
- + Rèn tính trung thực, đoàn kết trong tập thể
- + Rèn tính kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ thông qua quá trình thực nghiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
1.	Đại cương về độc chất học	2	6
2.	Các chất độc vô cơ	3	9
3.	Các chất độc hữu cơ tổng hợp, các chất BVTV	4	12
4.	Các chất độc có nguồn gốc tự nhiên	2	6
5.	Các chất ma túy và vấn đề lạm dụng thuốc	2	6
6.	Ngăn chặn và kiểm soát ngộ độc	2	6
	Cộng	15	45

Thực hành

Xây dựng quy trình phân tích Cr(VI) trong nước thải bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến (UV-Vis)

TT	Nội dung	Số tiết
1	Hướng dẫn lập đề cương quy trình phân tích	4
2	Báo cáo đề cương (chia nhóm báo cáo)	6
3	Tiến hành thực nghiệm theo giả thiết đề cương đưa ra được quy trình	8
4	Tiến hành thực nghiệm với mẫu do bộ môn đưa ra để thẩm định quy trình	10
5	Viết báo cáo thực tập	2
	Cộng	30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích hiện tượng, nguyên tắc tiến hành.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Độc chất học, Thái Nguyễn Hùng Thu, nhà xuất bản Y học, năm 2015
- Độc chất học : Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học / Trần Thanh Nhãn. - H. : Giáo dục, 2011. - 143 tr. ; 27 cm
- Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế. - Lần xuất bản thứ tư. - H. : Y học, 2009. - 962 tr. ; 29 cm

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng kiểm nghiệm độc chất / Trường Đại học dược - Bộ môn phân tích và độc dược. - H. : Y học, 1984. - 253 tr. ; 24 cm.
- A text book of Modern Toxicology, Enerst Hodgson and Patricia E. Levi, 2nd edition, the USA (ebook).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- **Lý thuyết:** Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

- **Thực tập:** Phòng thực tập được trang bị đủ:

- + Bàn thực tập chịu được ăn mòn
- + Hệ thống thoát thải chịu được ăn mòn
- + Hệ thống xử lý khí thải
- + Hệ thống đường nước
- + Trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho thực tập: cân phân tích, cân kỹ thuật, máy UV-Vis, máy đo pH, máy li tâm, máy cắt quay chân không, máy HPLC,...
- + Dụng cụ, hóa chất phục vụ cho thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- **Đánh giá kết thúc học phần**

+ Kiểm tra thực tập: Seminar, báo cáo tiểu luận

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Khoa Dược học

Bộ môn Bào chế và công nghệ Dược

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

BÀO CHẾ 2

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa dược, Hóa lý dược, Dược lý

Học phần học trước: Bào chế và sinh dược học 1

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bào chế và công nghệ dược, Khoa Dược học,
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
2	ThS. Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về sinh dược học bào chế. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dạng thuốc, thành phần dạng thuốc, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc, tiêu chuẩn chất lượng, cách đóng gói bảo quản các dạng thuốc như: thuốc phun mù, thuốc bột, cốm, viên nén, thuốc mỡ, thuốc đặt...Chương trình thực hành đề cập đến kỹ thuật bào chế các dạng thuốc với

các kỹ năng thực hành cụ thể được thể hiện qua công thức và đơn thuốc. Qua đó sinh viên có thể phân tích được đặc điểm về thành phần của một công thức cụ thể, vai trò của từng dược chất, tá dược trong công thức, bào chế được các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới đạt tiêu chuẩn chất lượng, hướng dẫn cách dùng và cách bảo quản các dạng thuốc đã bào chế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc.
- Vận dụng được kiến thức cơ bản nêu trên vào thực hành bào chế và hướng dẫn sử dụng thuốc và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
- Thái độ: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự đọc
1.	Thuốc phun mù	3	0	6
2.	Thuốc mỡ và hệ trị liệu qua da	6	10	12
3.	Các dạng thuốc đặt	3	0	6
4.	Thuốc bột	3	2	6
5.	Thuốc cốm	2	3	4
6.	Thuốc viên	6	10	12
7.	Thuốc nang	4	5	8
8.	Tương kỵ và tương tác trong bào chế	3	0	6
Cộng		30	30	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích vai trò của các tá dược, nguyên tắc tiến hành.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, Tập 2: Sách đào tạo dược sĩ đại học / Võ Xuân Minh. - Tái bản lần 2. – Nhà xuất bản Y học, 2006.
2. Thực tập bào chế 2, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Khoa Dược, tài liệu lưu hành nội bộ, 2015.
3. M.E. Aulton, *Pharmaceutics the science of dosage form design*, 2nd edition, 2002.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc : Sách dùng đào tạo dược sĩ đại học / Võ Xuân Minh. - Tái bản lần 1. Nhà xuất bản Y học, 2013. - Tập 2
2. Bào chế và sinh dược học : T2: Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học / Lê Quang Nghiệm. - Tái bản lần thứ nhất. – Nhà xuất bản giáo dục, 2007
3. Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế. - Lần xuất bản thứ tư. - Nhà xuất bản Y học, 2009.
4. Leon Lachman, Herbert A. Libermann, Joseph L. Kaning, *The theory and practice of industrial pharmacy*, Third edition, 1986.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết

- Phòng thực tập kèm theo trang thiết bị máy móc: chày cối sứ, bộ rây, tủ sấy, cân kỹ thuật điện tử, đèn cồn, máy dập viên, máy đóng viên nang, máy đo pH, máy đo hàm ẩm, máy đo độ rã, máy đo độ bền, máy đo độ cứng, máy thử độ hòa tan, thiết bị đun cách thủy.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

+ Kiểm tra thực tập: làm thí nghiệm, vấn đáp.

- **Đánh giá sau khi học:** Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

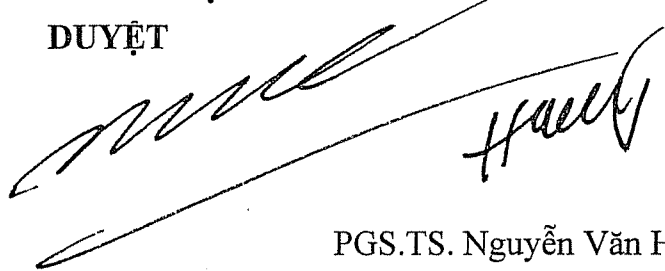
Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần

Điểm trung bình học phần = $(\text{Điểm kiểm tra thực hành} * 1 + \text{Điểm thi kết thúc học phần} * 2) / 3$

BAN GIÁM HIỆU
DUYỆT

TRƯỞNG KHOA

PT BỘ MÔN



PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chừ*

- Phòng thực tập kèm theo trang thiết bị máy móc: chày cối sứ, bộ rây, tủ sấy, cân kỹ thuật điện tử, đèn cồn, máy dập viên, máy đóng viên nang, máy đo pH, máy đo hàm ẩm, máy đo độ rã, máy đo độ bền, máy đo độ cứng, máy thử độ hòa tan, thiết bị đun cách thủy.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

+ Kiểm tra thực tập: làm thí nghiệm, vấn đáp.

- **Đánh giá sau khi học:** Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

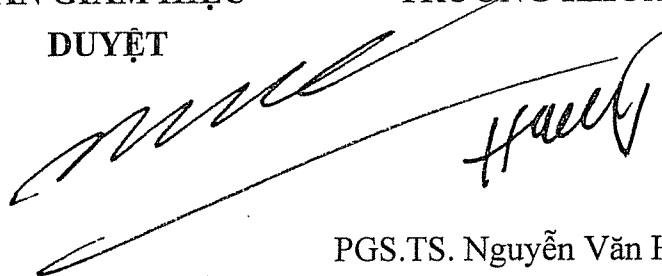
Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần

Điểm trung bình học phần = $(\text{Điểm kiểm tra thực hành} * 1 + \text{Điểm thi kết thúc học phần} * 2) / 3$

BAN GIÁM HIỆU
DUYỆT

TRƯỞNG KHOA

PT BỘ MÔN



PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chương*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN 1

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 tiết

Lý thuyết: 30 tiết

Thực hành: 30 tiết

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên

Dược sĩ đại học hệ chính quy

Học phần tiên quyết:

Dược liệu

Học phần học trước:

Thực vật, Dược liệu 1, Dược
liệu 2

Học phần song hành:

Dược học cổ truyền 2

Bộ môn phụ trách giảng dạy:

Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.

Cán bộ phụ trách giảng dạy: Trịnh Hiền Trung, Đào Thị Bích Ngọc, Lưu Thị Thu
Huyền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận y học cổ truyền, phân tích xây dựng một số phương thuốc Y học cổ truyền, cách chế biến một số vị thuốc, loại thuốc Y học cổ truyền.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc theo lý luận Y học cổ truyền
- Phân tích và xây dựng được một số phương thuốc Y học cổ truyền

- Kỹ năng: Thực hành thành thạo các kỹ thuật chế biến và bào chế được một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền

- Thái độ: Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, có trách nhiệm, kỷ luật

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết	Số tiết	Số tiết
-----	---------	---------	---------	---------

		lý thuyết	thực hành	tự học
LÝ THUYẾT				
1	Đại cương y học cổ truyền – Học thuyết âm dương – Học thuyết ngũ hành – Học thuyết tạng tượng – Học thuyết kinh lạc – Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo y học cổ truyền – Bát cương, bát pháp – Phép tắc trị bệnh theo y học cổ truyền	8		10
2	Thuốc cổ truyền + Thuốc giải biểu + Thuốc khử hàn + Thuốc thanh nhiệt + Thuốc hoá đàm chỉ ho bình suyễn + Thuốc tắt phong, an thần khai khiếu + Thuốc phân khí + Thuốc phân huyết + Thuốc trừ thấp + Thuốc bổ dưỡng + Thuốc tiêu đạo + Thuốc tả hạ + Thuốc trục thủy + Thuốc cố sáp + Thuốc trừ giun sán + Thuốc dùng ngoài	7		20
3	Chế biến thuốc cổ truyền + Mục đích + Các phương pháp chế biến	8		10

	+ Phụ liệu dùng trong chế biến thuốc cổ truyền			
4	Bào chế thuốc cổ truyền: Cao, Hooàn, Tán, Thuốc thang	7		20
THỰC HÀNH				
1	Nhận biết và hướng dẫn sử dụng thuốc YHCT		3	
2	Thuốc giải biểu, thuốc khử hàn		3	
3	Thuốc hóa đàm chỉ ho, bình xuyên; thuốc tắt phong, an thần, khai khiếu		3	
4	Thuốc phân khí; thuốc phân huyết.		3	
5	Thuốc trừ thấp; thuốc bổ dưỡng.		3	
6	Thuốc tiêu đạo; thuốc tả hạ, thuốc trục thủy, cố sáp; thuốc trừ giun sán.		3	
7	Chế biến thuốc cổ truyền:		6	
	- Thảo quyết minh			
	- Hà thủ ô			
	- Hương phụ			
	- Thục địa			
	- Trần bì			
	- Táo nhân			
8	Đi thực tế		6	15
TỔNG		30	30	75

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học, đi thực tập tại cơ sở, viết báo cáo thực tập.

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ y tế (2006), *Dược học cổ truyền (sách dùng cho đào tạo dược sỹ đại học)*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ môn Dược học cổ truyền- Trường Đại học Dược Hà Nội (2014), *Thực hành chế biến, bào chế thuốc cổ truyền (Tài liệu dùng cho sinh viên trong Đại học)*, in tại Trung tâm thông tin – Thư viện ĐHDHN.

6.2 Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Dược cổ truyền - Trường Đại học Dược Hà Nội (2006), *Kỹ thuật chế biến và bào chế thuốc cổ truyền*, Chế bản và in tại trung tâm thông tin – Thư viện Đại học Dược Hà Nội.
- Bộ môn Dược học cổ truyền- Trường Đại học Dược Hà Nội (2002), *Dược học cổ truyền*, NXB Y học
- Dược điển Việt Nam IV, NXB Y học, 20.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 Thực tập: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Dụng cụ dùng cho chế biến thuốc cổ truyền: dao cầu, dao thái, nồi đun,
- Dụng cụ dùng cho phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy
- Tủ sấy dược liệu
- Vị thuốc cổ truyền dùng cho sinh viên nhận thức
- Hệ thống đường nước, bàn ghế thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần

- Kiểm tra thực tập: thi vấn đáp: nhận thức các vị thuốc cổ truyền, lý thuyết kỹ thuật bào chế thuốc cổ truyền.
- Thi kết thúc học phần: tự luận

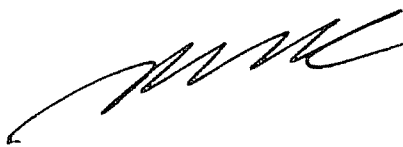
- Trọng số các điểm:

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm môn học = (Điểm thi kết thúc học phần *2+Điểm kiểm tra thực tập)/3

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN





HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Nguyễn Văn Hùng

Ngô Thị Quỳnh Mai

6

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA DƯỢC HỌC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BỘ MÔN DƯỢC LÂM SÀNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÂM SÀNG CƠ BẢN (LT)
(TÍN CHỈ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa sinh lâm sàng, Dược lý, Bệnh học

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	ThS.DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	ThS.DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Trưởng Khoa Dược
5	ThS.BS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Dược lâm sàng cơ bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến các hoạt động của dược sỹ lâm sàng. Từ đó sinh viên có kiến thức cơ sở để đánh giá được việc kê đơn hợp lý theo cá thể và hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức, kỹ năng: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên:

- Đánh giá được việc kê đơn hợp lý theo cá thể trên cơ sở những khác biệt về sinh lý và bệnh lý.
- Hướng dẫn được cho bệnh nhân về sử dụng thuốc an toàn, hợp lý

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
1.	Đại cương về dược lâm sàng	2	4
2.	Sử dụng thuốc cho trẻ em, người già, phụ nữ có thai	2	4
3.	Hiệu chỉnh liều	4	8
4.	Sai sót trong sử dụng thuốc (MEs)	2	4
5.	Giám sát điều trị thuốc (TDM)	2	4
6.	Thông tin thuốc	3	6
7.	Chuyên đề kháng sinh	3	6
8.	Chuyên đề sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau	2	4
9.	Chuyên đề sử dụng corticoid	2	4
10.	Chuyên đề sử dụng vitamin và khoáng chất (thuốc chống đông)	2	4
11.	Chuyên đề sử dụng dịch truyền bù nước, điện giải, dinh dưỡng	2	4
12.	Chuyên đề sử dụng thuốc hạ đường huyết	2	4
	Cộng	30	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: Phân tích case lâm sàng

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên phân tích case lâm sàng, trao đổi và biện giải kết quả.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Hoàng Thị Kim Huyền (2006), Dược lâm sàng (sách dùng đào tạo Dược sỹ đại học), NXB Y học
- Sách thực tập Dược lâm sàng do Trường Đại học Dược Hà Nội biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Tiên Dũng (2000), Dược lâm sàng đại cương, NXB Y học.
- Hoàng Thị Minh Châu (2001), Dược lâm sàng và điều trị, NXB Y học.
- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng - Những nguyên lý sử dụng thuốc trong điều trị tập 1, NXB Y học.
- Lê Ngọc Trọng (2014), Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định, NXB Y học.
- Bộ Y tế (2006), Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định, NXB Y học.
- Barbara G. Wells et al (2014), Pharmacotherapy 9th, McGraw-Hill.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên
- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần:

+ Thi kết thúc học phần: thi lý thuyết

- Trọng số các điểm:

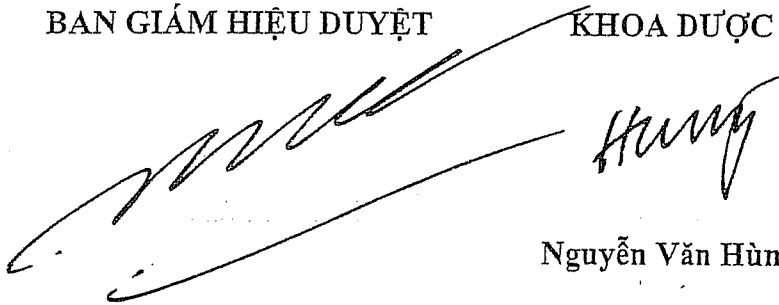
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = điểm lý thuyết

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC

PT BỘ MÔN



Nguyễn Văn Hùng



Nguyễn Thị Mai Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

BỘ MÔN DƯỢC LÂM SÀNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÂM SÀNG CƠ BẢN (TH)
(TÍN CHỈ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 0

Thực hành: 2

Phân bố thời gian (tiết): 60

Lý thuyết: 0

Thực hành: 60

Số giờ tự học: 30 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa sinh lâm sàng, Dược lý, Bệnh học, Dược lâm sàng cơ bản (lý thuyết)

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	ThS.DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	ThS.DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Trưởng Khoa Dược
5	ThS.BS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm
6	ThS. BS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	Giảng viên kiêm nhiệm
7	ThS.BS. Nguyễn Văn Thành	Giảng viên kiêm nhiệm
8	ThS.BS. Nguyễn Thùy Linh	Giảng viên kiêm nhiệm
9	ThS.BS. Phạm Thị Vân Anh	Giảng viên kiêm nhiệm
10	ThS.BS. Bùi Bích Ngọc	Giảng viên kiêm nhiệm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Dược lâm sàng cơ bản (thực hành) cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến các hoạt động của dược sĩ lâm sàng. Từ đó sinh viên có kiến thức cơ sở về dược lâm sàng để có khả năng lựa chọn thuốc an toàn, hiệu quả theo đối tượng bệnh nhân.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức, kỹ năng: Yêu cầu sinh viên sau khi học xong phải có kiến thức và hình thành kỹ năng liên quan đến việc lựa chọn thuốc an toàn, hiệu quả theo đối tượng bệnh nhân

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cần thận, trung thực và kiên trì

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		TH	Tự học
1	Hiệu chỉnh liều	8	4
2	Sai sót trong sử dụng thuốc (MEs)	4	2
3	Thông tin thuốc	8	4
4	Tương tác thuốc	4	2
5	Phát hiện và đánh giá ADR	4	2
6	Phân tích đơn thuốc	30	15
7	Ôn tập, giải đáp thắc mắc	2	1
	Cộng	60	30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: Phân tích case lâm sàng

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên phân tích case lâm sàng, trao đổi và biện giải kết quả.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Hoàng Thị Kim Huyền (2006), Dược lâm sàng (sách dùng đào tạo Dược sỹ đại học), NXB Y học
- Sách thực tập Dược lâm sàng do Trường Đại học Dược Hà Nội biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Tiến Dũng (2000), Dược lâm sàng đại cương, NXB Y học.
- Hoàng Thị Minh Châu (2001), Dược lâm sàng và điều trị, NXB Y học.
- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng - Những nguyên lý sử dụng thuốc trong điều trị tập 1, NXB Y học.
- Lê Ngọc Trọng (2014), Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định, NXB Y học.
- Bộ Y tế (2006), Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định, NXB Y học.
- Barbara G. Wells et al (2014), Pharmacotherapy 9th, McGraw-Hill.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên
- Đánh giá trong quá trình học tập:
 - + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp, thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
 - + Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.
- Đánh giá kết thúc học phần:
 - + Thi kết thúc học phần: thi thực hành (phân tích case lâm sàng, vấn đáp)

- Trọng số các điểm:

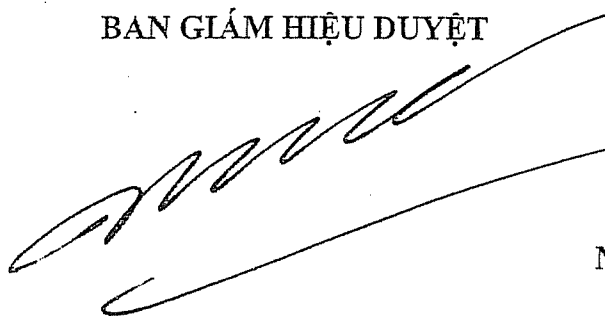
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần.

+ Điểm thi kết thúc học phần = điểm thi thực hành

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC

PT BỘ MÔN



Nguyễn Văn Hùng



Nguyễn Thị Mai Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU 1

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 1

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45 tiết

Lý thuyết: 15 tiết

Thực hành: 30 tiết

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên (dự kiến):

Dược sĩ đại học hệ chính quy

Học phần tiên quyết:

Thực vật dược

Học phần học trước:

Thực vật dược

Học phần song hành:

Dược liệu biển

Bộ môn phụ trách giảng dạy:

Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.

Cán bộ phụ trách giảng dạy: Ngô Thị Quỳnh Mai, Phạm Thị Anh, Trịnh Hiền

Trung, Đào Thị Bích Ngọc, Lưu Thị Thu Huyền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần mô tả nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng và công dụng của các vị dược liệu. Trình bày được khái niệm chung (hoặc định nghĩa), cấu trúc hoá học, phương pháp định tính, định lượng các nhóm hợp chất tự nhiên có trong dược liệu. Chiết xuất được một số chất chính thường dùng làm thuốc. Phương pháp kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hoá học đã được học ở trên theo tiêu chuẩn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Nhận biết trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng và công dụng của 200 vị dược liệu.
- Trình bày được khái niệm chung (hoặc định nghĩa), cấu trúc hoá học, phương pháp định tính, định lượng các nhóm hợp chất tự nhiên có trong dược liệu:

carbonhydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tanin, Chiết xuất được một số chất chính thường dùng làm thuốc.

- Kỹ năng: Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hoá học đã được học ở trên theo tiêu chuẩn ĐĐVN.

- Thái độ: rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, có tinh thần trách nhiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Số giờ tự học
LÝ THUYẾT				
1	Đại cương về dược liệu	1		
2	Dược liệu chứa cacbohydrat: tinh bột, gôm, chất nhày, pectin.	2		5
3	Dược liệu chứa glycosid	12		5
3.1	Đại cương về glycosid			5
3.2	Dược liệu chứa glycosid trợ tim			5
3.3	Dược liệu chứa saponin			5
3.4	Dược liệu chứa anthraglycosid			5
3.5	Dược liệu chứa flavonoid			5
3.6	Dược liệu chứa coumarin			5
3.7	Dược liệu chứa tanin			5
THỰC HÀNH				
1	Giới thiệu mục đích, mục tiêu, nội dung, phương pháp, yêu cầu của môn thực hành dược liệu		2	
2	Kiểm nghiệm dược liệu chứa Carbonhydrat Nhận thức Dược liệu		3	
3	Kiểm nghiệm vi học thân rễ Cam thảo Nhận thức Dược liệu		5	
4	Kiểm nghiệm vi học Ích mẫu thảo		5	

	Nhận thức Dược liệu			
5	Kiểm nghiệm vi học bột Hoa hoè Nhận thức Dược liệu		5	
6	Kiểm nghiệm vi học bột rễ Hà thủ ô đỏ Nhận thức Dược liệu		5	
7	Kiểm nghiệm vi học bột hoa kim ngân Nhận thức Dược liệu		5	
TỔNG		15	30	45

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học....

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ môn Dược liệu, Đại học Dược Hà Nội (1999), *Bài giảng Dược liệu tập 1*.

6.2 Tài liệu tham khảo

- Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
- Nguyễn Viết Thân (2004), *Những cây thuốc vị thuốc thường dùng*, NXB Y học, Hà Nội
- Dược điển Việt Nam IV

	Nhận thức Dược liệu			
5	Kiểm nghiệm vi học bột Hoa hòe Nhận thức Dược liệu		5	
6	Kiểm nghiệm vi học bột rễ Hà thủ ô đỏ Nhận thức Dược liệu		5	
7	Kiểm nghiệm vi học bột hoa kim ngân Nhận thức Dược liệu		5	
TỔNG		15	30	45

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học....

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ môn Dược liệu, Đại học Dược Hà Nội (1999), *Bài giảng Dược liệu tập 1*.

6.2 Tài liệu tham khảo

- Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
- Nguyễn Viết Thân (2004), *Những cây thuốc vị thuốc thường dùng*, NXB Y học, Hà Nội
- Dược điển Việt Nam IV

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 *Lý thuyết*: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 *Thực tập*: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Dụng cụ dùng cho làm tiêu bản thực vật: Kính hiển vi, giấy thấm, khung nẹp,...
- Tủ sấy
- Dụng cụ dùng cho chuẩn bị bột dược liệu: Thuyền tái, cối xay, rây nhiều kích thước
- Hóa chất dùng cho tẩy nhuộm tiêu bản: Javen, xanh methylen, đỏ carmin.....
- Hệ thống đường nước, bàn ghế thực tập
- Dược liệu dùng cho nhận thức

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu**: hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập**:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- **Đánh giá kết thúc học phần**

+ Kiểm tra thực tập: vấn đáp: Kiểm nghiệm bột dược liệu, nhận thức dược liệu

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm**:

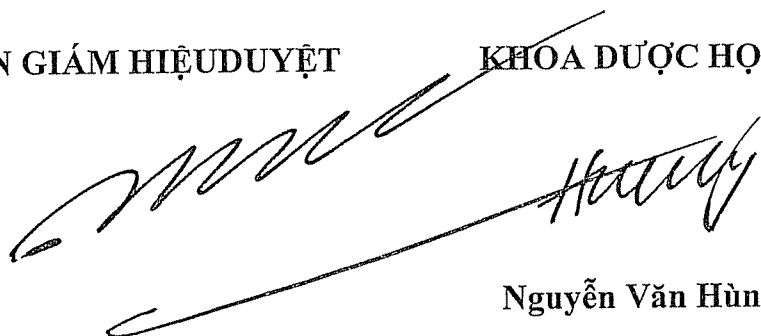
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm môn học = (Điểm thi kết thúc học phần + Điểm kiểm tra thực tập)/2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN



Nguyễn Văn Hùng



Ngô Thị Quỳnh Mai

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chừ*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 45 tiết	Lý thuyết: 15 tiết	Thực hành: 30 tiết
Số giờ tự học: 45 tiết		
Đối tượng sinh viên (dự kiến):	Dược sĩ đại học hệ chính quy	
Học phần tiên quyết:	Thực vật dược	
Học phần học trước:	Thực vật dược	
Học phần song hành:	Dược liệu 1, Dược liệu biến	
Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.	

Cán bộ phụ trách giảng dạy: Trịnh Hiền Trung, Đào Thị Bích Ngọc, Lưu Thị Thu Huyền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần mô tả nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng và công dụng của các vị dược liệu. Trình bày được khái niệm chung (hoặc định nghĩa), cấu trúc hoá học, phương pháp định tính, định lượng các nhóm hợp chất tự nhiên có trong dược liệu và 8 động vật làm thuốc. Chiết xuất được một số chất chính thường dùng làm thuốc. Phương pháp kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hoá học đã được học ở trên theo tiêu chuẩn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Nhận biết trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng và công dụng của 200 vị dược liệu.
- Trình bày được khái niệm chung (hoặc định nghĩa), cấu trúc hoá học, phương pháp định tính, định lượng các nhóm hợp chất tự nhiên có trong dược liệu:

Alkaloid, tinh dầu và chất nhựa, lipid và 8 động vật làm thuốc; Chiết xuất được một số chất chính thường dùng làm thuốc.

- Kỹ thuật: Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hoá học đã được học ở trên theo tiêu chuẩn ĐĐVN.

- Thao tác: Rèn luyện tính cẩn thận tỉ mỉ, trung thực, có tinh thần trách nhiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Số giờ tự học
LÝ THUYẾT				
1	Dược liệu chứa alcaloid	8		15
2	Dược liệu chứa tinh dầu	4		10
3	Dược liệu chứa chất nhựa	1		5
4	Dược liệu chứa chất béo	1		5
5	Động vật làm thuốc	1		10
THỰC HÀNH				
1	Định tính glycoside tim trong lá trúc đào Nhận thức Dược liệu		5	
2	Định tính alcaloid trong lá chè và trong hạt mã tiền Nhận thức Dược liệu		5	
3	Kiểm nghiệm hóa học Saponin trong quả bồ kết Nhận thức Dược liệu		4	
4	Kiểm nghiệm tinh dầu và tannin Nhận thức Dược liệu		4	
5	Kiểm nghiệm flavonoid trong nụ hoa hòe Nhận thức Dược liệu		4	
6	định tính các hợp chất anthoxyan/Đỗ đen Nhận thức Dược liệu		4	
7	Kiểm nghiệm anthranoid trong thân rễ		4	

	Đại hoàng			
	Nhận thức Dược liệu			
	TỔNG	15	30	45

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học....

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ môn Dược liệu, Đại học Dược Hà Nội (1999), *Bài giảng Dược liệu tập 1, tập 2*.

6.2 Tài liệu tham khảo

- Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
- Dược điển Việt Nam IV
- Vườn quốc gia Cát Bà (2015), *Các loài động - thực vật quý hiếm tại khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
- Phạm Văn Điền (2014), *Tài nguyên đa dạng sinh học vườn quốc gia Cát Bà*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 *Lý thuyết*: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 *Thực tập*: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Bàn thực tập, hệ thống thoát nước chịu được ăn mòn
- Hệ thống xử lý khí thải
- Hệ thống đường nước
- Trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho thực tập: cân phân tích, cân kỹ thuật, bể điều nhiệt, bộ chưng cất tinh dầu, máy cất quay chân không,...
- Dụng cụ, hóa chất phục vụ cho thực tập
- Dược liệu dùng cho sinh viên nhận thức

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- *Đánh giá ban đầu*: hỏi sinh viên

- *Đánh giá trong quá trình học tập*:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- *Đánh giá kết thúc học phần*:

+ Kiểm tra thực tập: vấn đáp: Nhận thức dược liệu, kiểm nghiệm các nhóm chất có trong dược liệu

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- *Trọng số các điểm*:

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm môn học = (Điểm thi kết thúc học phần + Điểm kiểm tra thực tập)/2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN

Nguyễn Văn Hùng

Ngô Thị Quỳnh Mai

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ 1, 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 5
Lý thuyết: 4 (DL1:2; DL2:2)
Thực hành: 1
- Phân bố thời gian(tiết): 90
Lý thuyết: 60
Thực hành: 30
Số giờ tự học: 90
- Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy
- Học phần tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu, Sinh hóa, Sinh lý, Vi sinh, Ký sinh trùng
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lý, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS.Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Dược lý
2	ThS. BS Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Dược lý
3	Ths. BS Phạm Thúy Hằng	Bộ môn Dược lý
4	DS. Trần Thị Vân Anh	Bộ môn Dược lâm sàng
5	BS Nguyễn Minh Thảo	Bộ môn Dược lý
6	Ths. DS Nguyễn Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
7	DS. Nguyễn Thị Hạnh	Bộ môn Dược lâm sàng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dược lý: Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dược lý đại cương, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn của thuốc...Chương trình thực hành đề cập đến một số thực nghiệm trên động vật, phân tích thuốc và toa thuốc. Qua đó sinh viên hiểu được cơ chế tác dụng của thuốc để áp dụng trong quá trình tư vấn, phối hợp với bác sĩ trong quá trình sử dụng thuốc, theo dõi điều trị...Từ đó góp phần nâng cao sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN: sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng:

3.1. Kiến thức

- Trình bày được động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng của các nhóm thuốc và một số thuốc đại diện mỗi nhóm.

- Làm được một số thực nghiệm để đánh giá tác dụng của thuốc giảm đau, ảnh hưởng trên cơ tim, cơ trơn, huyết áp, kích thích và ức chế trên TKTU

3.2. Kỹ năng:

- Phân tích được cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế tác dụng của thuốc.

- Biết tra cứu về những tác dụng dược lý, tác không mong muốn của một số thuốc thông thường.

3.3.Thái độ:

- Hiểu đúng vai trò của người dược sĩ.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Dược lý 1

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	Tự học
1	Dược lý đại cương	04	05
2	Tương tác thuốc Phản ứng có hại của thuốc	05	04
3	Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật	04	04
4	Thuốc tê Thuốc giảm đau gây ngủ	04	04
5	Thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm không steroid Một số thuốc có nguồn gốc hormon: corticoid...	05	05
6	- Thuốc kháng sinh - Thuốc điều trị lao - Thuốc chống nấm	04	04
7	Vitamin Dịch truyền	04	04
	TỔNG	30	30

1.2. Dược lý 2

4.2.1.Lý thuyết

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	Tự học
1	- Thuốc tác động trên hệ tim mạch: thuốc lợi tiểu, thuốc điều trị THA, điều trị suy tim...	04	05
2	Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp: giãn phế quản,	04	04

	giảm ho, long đờm.		
3	Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa: Thuốc kháng acid, giảm tiết acid, điều chỉnh nhu động đường tiêu hóa Thuốc kháng histamin H1, H2	04	04
4	Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu Thuốc chữa thiếu máu Thuốc điều trị giun sán	05	05
5	Đại cương về thuốc điều trị ung thư	04	04
6	Thuốc điều chỉnh rối loạn chuyển hóa: rối loạn lipid máu, đái tháo đường.	04	04
7	Dược lý tâm thần: thuốc ngủ, thuốc an thần Thuốc điều trị parkinson, động kinh	05	04
	TỔNG	30	30

4.2.2. Thực hành

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	Tự học
1	-Phổ biến nội dung các bài thực tập và quy chế học tập -Quy chế kê đơn. Sử dụng thuốc an toàn hợp lý. -Thực nghiệm: Định khu tác dụng của Strychnin Tác dụng của rượu trên thân nhiệt	05	05
2	-Phân tích toa thuốc -Thực nghiệm: Tác dụng của Acetylcholin, Atropin, Adrenalin trên huyết áp chó -Phân tích đơn thuốc của bác sĩ	05	05
3	-Phân tích toa thuốc -Thực nghiệm: Tác dụng của Nicotin và Spartein trên huyết áp chó -Phân tích đơn thuốc của bác sĩ	05	05
4	-Phân tích toa thuốc -Thực nghiệm: Tác dụng đối lập của Ether và Strychnin Tác dụng của Morphin và Cafein trên hô hấp	05	05

	-Phân tích đơn thuốc của bác sĩ		
5	-Phân tích toa thuốc -Thực nghiệm: Tác dụng của Digital trên tim ếch tại chỗ Tác dụng của Cloralhydrat và Cafein trên thần kinh trung ương -Phân tích đơn thuốc của bác sĩ	05	05
6	-Phân tích toa thuốc -Thực nghiệm: Tác dụng của Magiesulfat trên nhu động ruột Tác dụng của Magiesulfat và Canxiclorua trên trương lực cơ -Phân tích đơn thuốc của bác sĩ	05	05
	Tổng	30	30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: thực tập tại phòng thực nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên được làm hoặc quan sát thực nghiệm, giải thích hiện tượng và rút ra kết luận, ứng dụng lâm sàng
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Dược lý học cơ bản – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Bài giảng thực tập Dược lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Dược lý - Đại học Y Hà Nội (2012), *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học.
- Bộ Y tế (2012), *Dược lý học tập 1, 2*, NXB Y học.
- Bertram G. Katzung and el (2009), *Basic and Clinical Pharmacology 12th Edn*, the McGraw - Hill Companies.
- Laurence Bruton and el (2008), *Goodman & Gilman's Manual of Pharmacology and Therapeutics*, the McGraw-Hill Companies.
- Martindale: the complete drug, 37th edition – pharmaceutical press

6.3. Vật liệu giảng dạy.

- giáo trình, overhead, powerpoin.
- phấn, bút dạ.

- thuốc, hoá chất, bơm tiêm, bông, cồn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.
- Thực hành: phòng thực hành và trang thiết bị cho việc giảng dạy thực nghiệm

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

- + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- + Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học tập làm điều kiện để đánh giá kết thúc học phần.

* Học phần 1

Điều kiện dự thi hết học phần :

- Học phần lý thuyết: tham dự $\geq 90\%$ số tiết của học phần
- Thi kết thúc học phần: tự luận

Điểm tổng kết học phần: = LT

- o nếu sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại
- o nếu sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

* Học phần 2

Điều kiện dự thi hết học phần:

- Học phần thực tập: tham dự đầy đủ các buổi thực hành.
- Thi kết thúc học phần thực tập: vấn đáp
- Học phần lý thuyết: tham dự $\geq 90\%$ số tiết của học phần, và có kết quả kiểm tra thực hành lần 1 hoặc lần 2 ≥ 5 điểm
- Thi kết thúc học phần lý thuyết: tự luận

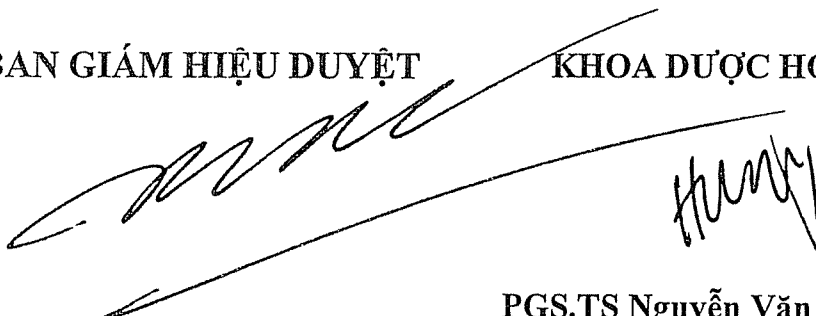
*Điểm tổng kết học phần: = $(LT \times 2 + TH) / 3$

- o nếu sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại
- o nếu sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

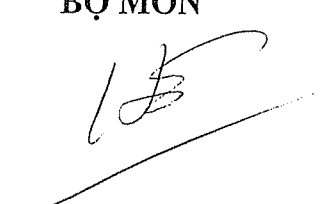
BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN



PGS.TS Nguyễn Văn Hùng



Ths. Nguyễn Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Châu*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA DƯỢC I
ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN DƯỢC CHÍNH QUY (Tín chỉ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: KDU.DKN.D.HD1

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 1

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45

Lý thuyết: 15

Thực hành: 30

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Sinh viên được chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa hữu cơ

Học phần học trước: Hóa phân tích, Hóa lý dược

Học phần song hành: Dược lý

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Hóa dược-Kiểm nghiệm, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ tham gia giảng dạy: Bùi Hải Ninh, Cao Đức Tuấn, Vũ Thùy Dung,
Trần Thị Lương, Phạm Phương Dung.

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Hóa dược 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về công thức cấu tạo, lý tính, hóa tính, quy trình điều chế, của các nhóm hoạt chất và các hoạt chất đại diện. Từ đó sinh viên có kiến thức cơ sở để giải thích liên quan cấu trúc-tác dụng và ứng dụng trong kiểm nghiệm của các thuốc.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

+ Trình bày được công thức cấu tạo, cơ chế tác dụng, các tính chất lý hoá của các nhóm thuốc và các hoạt chất đại diện, ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản.

+ Trình bày được mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có), những chỉ định, điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng từng nhóm thuốc và các thuốc cụ thể.

+ Vận dụng được các kiến thức đã học (vô cơ, vật lý, hoá hữu cơ, hoá phân tích, hoá lý) để định tính, thử tinh khiết và định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc.

+ Thông qua thực tập, trình bày được các tính chất vật lý, hoá học của hoạt chất dùng làm thuốc.

- **Kỹ năng:**

+ Thao tác đúng, chính xác các bước trong quy trình thực hành kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc.

- **Thái độ:**

+ Rèn được thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm, có tính kỷ luật cao.

+ Rèn tính trung thực, đoàn kết trong tập thể

+ Rèn tính kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ thông qua quá trình thực nghiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Thuốc gây mê và thuốc gây tê	1		5
2	Thuốc gây ngủ và an thần	1		5
3	Thuốc điều trị rối loạn tâm thần	1		5
4	Thuốc chống động kinh	1		3
5	Thuốc điều trị bệnh Parkinson			3
6	Thuốc giảm đau và thuốc giảm đau hạ sốt chống viêm	2		5
7	Thuốc gây nôn và thuốc chống nôn			5
8	Thuốc điều trị ho và thuốc long đờm	1		5
9	Thuốc kích thích thần kinh trung ương			3

10	Thuốc tác dụng lên thần kinh giao cảm và phó giao cảm	2		6
11	Thuốc tim mạch	3		5
12	Thuốc lợi tiểu			5
13	Vitamin và một số chất dinh dưỡng	1		5
14	Histamin và các thuốc kháng histamin H1	2		5
15	Thử giới hạn tạp chất Kiểm nghiệm Natri clorid		7	
16	Kiểm nghiệm bột Natri hydrocarbonat		6	
17	Kiểm nghiệm Paracetamol		5	
18	Kiểm nghiệm Aspirin		6	
19	Kiểm nghiệm Vitamin C		6	
	Cộng	15	30	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: Thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích hiện tượng, nguyên tắc tiến hành.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học / Trần Đức Hậu. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa bổ sung. - H. : Y học, 2014. - 2 tập. Tập 1: 296tr.
- Thực hành Hóa dược 1, Bộ môn biên soạn (lưu hành nội bộ)

- Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế. - Lần xuất bản thứ tư. - H. : Y học, 2009. - 962 tr. ; 29 cm

6.2. Tài liệu tham khảo

- Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học : Sách đào tạo dược sĩ sau đại học / Nguyễn Hải Nam. - H. : Y học, 2011. - 219 tr. ; 27 cm
- Kỹ thuật hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học. - H. : Y học, 2014. - 223tr. ; 27cm. Tập 1 : Các quá trình hóa học cơ bản của kỹ thuật hóa dược và phương pháp sản xuất một số hóa dược vô cơ. - 223tr.
- Kỹ thuật hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học. - H. : Y học, 2014. - 27cm. Tập 2 : Kỹ thuật sản xuất các hóa dược hữu cơ. - 327tr.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- **Lý thuyết:** Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

- **Thực tập:** Phòng thực tập được trang bị đủ:

- + Bàn thực tập chịu được ăn mòn
- + Hệ thống thoát thải chịu được ăn mòn
- + Hệ thống xử lý khí thải
- + Hệ thống đường nước
- + Trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho thực tập: cân phân tích, cân kỹ thuật, máy UV-Vis, máy đo pH, máy li tâm, máy cắt quay chân không, máy HPLC,...
- + Dụng cụ, hóa chất phục vụ cho thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- **Đánh giá kết thúc học phần**

+ Kiểm tra thực tập: làm thực nghiệm, vấn đáp.

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

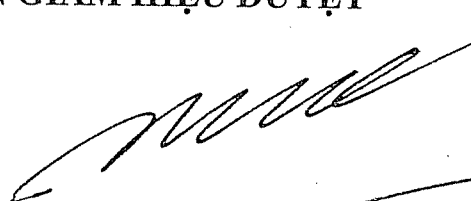
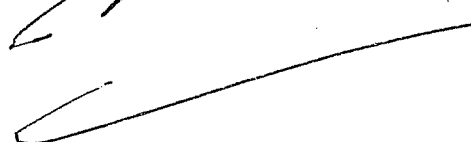
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

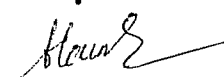
+ Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi thực hành + Điểm thi lý thuyết) / 2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN



Hùng
Nguyễn Văn Hùng


Bùi Hải Ninh

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chiến*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA DƯỢC II
ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN DƯỢC CHÍNH QUY (Tín chỉ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: KDU.DKN.D.HD2

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian(tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Sinh viên dược chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa hữu cơ

Học phần học trước: Hóa dược 1, Hóa phân tích, Hóa lý dược

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Hóa dược-Kiểm nghiệm, Khoa Dược học,
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ tham gia giảng dạy: Bùi Hải Ninh, Cao Đức Tuấn, Vũ Thùy Dung, Trần
Thị Lương, Phạm Phương Dung.

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Hóa dược 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về công thức cấu tạo, lý tính, hóa tính, quy trình điều chế, của các nhóm hoạt chất và các hoạt chất đại diện. Từ đó sinh viên có kiến thức cơ sở để giải thích liên quan cấu trúc-tác dụng và ứng dụng trong kiểm nghiệm của các thuốc.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:
 - + Trình bày được công thức cấu tạo, cơ chế tác dụng, các tính chất lý hoá của các nhóm thuốc và các hoạt chất đại diện, ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản.
 - + Trình bày được mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có), những chỉ định, điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng từng nhóm thuốc và các thuốc cụ thể.
 - + Vận dụng được các kiến thức đã học (vô cơ, vật lý, hoá hữu cơ, hoá phân tích, hoá lý) để định tính, thử tinh khiết và định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc.
 - + Thông qua thực tập, trình bày được các tính chất vật lý, hoá học của hoạt chất dùng làm thuốc.
- Kỹ năng:
 - Thao tác đúng, chính xác các bước trong quy trình thực hành kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc.
- Thái độ:
 - + Rèn được thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm, có tính kỷ luật cao.
 - + Rèn tính trung thực, đoàn kết trong tập thể
 - + Rèn tính kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ thông qua quá trình thực nghiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự đọc
1.	Thuốc ảnh hưởng đến chức năng dạ dày – ruột	1		3
2.	Hormon và các chất tương tự	3		6

3.	Thuốc sát trùng, tẩy uế			3
4.	Sulfamid kháng khuẩn			3
5.	Kháng sinh	5		7
6.	Thuốc điều trị lao và phong	1		4
7.	Các thuốc điều trị nấm	1		4
8.	Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng	1		4
9.	Các thuốc chống virus	1		4
10.	Các thuốc điều trị ung thư	1		4
11.	Thuốc cản quang			3
12.	Kiểm nghiệm Cafein Định tính Theophylin, Theobromin		6	
13.	Kiểm nghiệm Glucose		6	
14.	Kiểm nghiệm Cloramphenicol Định tính các sulfonamid		6	
15.	Kiểm nghiệm Ampicilin		6	
16.	Kiểm nghiệm Procain hydroclorid		6	
Cộng		15	30	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích hiện tượng, nguyên tắc tiến hành.

3.	Thuốc sát trùng, tẩy uế			3
4.	Sulfamid kháng khuẩn			3
5.	Kháng sinh	5		7
6.	Thuốc điều trị lao và phong	1		4
7.	Các thuốc điều trị nấm	1		4
8.	Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng	1		4
9.	Các thuốc chống virus	1		4
10.	Các thuốc điều trị ung thư	1		4
11.	Thuốc cản quang			3
12.	Kiểm nghiệm Cafein Định tính Theophylin, Theobromin		6	
13.	Kiểm nghiệm Glucose		6	
14.	Kiểm nghiệm Cloramphenicol Định tính các sulfonamid		6	
15.	Kiểm nghiệm Ampicilin		6	
16.	Kiểm nghiệm Procain hydroclorid		6	
Cộng		15	30	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích hiện tượng, nguyên tắc tiến hành.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học / Trần Đức Hậu. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa bổ sung. - H. : Y học, 2014. - 2 tập. Tập 2: 271tr
- Thực hành Hóa Dược 2 Bộ môn biên (lưu hành nội bộ)
- Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế. - Lần xuất bản thứ tư. - H. : Y học, 2009. - 962 tr. ; 29 cm

6.2. Tài liệu tham khảo

- Kỹ thuật hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học. - H. : Y học, 2014. - 223tr. ; 27cm. Tập 1 : Các quá trình hóa học cơ bản của kỹ thuật hóa dược và phương pháp sản xuất một số hóa dược vô cơ. - 223tr.
- Kỹ thuật hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học. - H. : Y học, 2014. - 27cm. Tập 2 : Kỹ thuật sản xuất các hóa dược hữu cơ. - 327tr.
- Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học : Sách đào tạo dược sĩ sau đại học / Nguyễn Hải Nam. - H. : Y học, 2011. - 219 tr. ; 27 cm

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- **Lý thuyết:** Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

- **Thực tập:** Phòng thực tập được trang bị đủ:

- + Bàn thực tập chịu được ăn mòn
- + Hệ thống thoát thải chịu được ăn mòn
- + Hệ thống xử lý khí thải
- + Hệ thống đường nước

+ Trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho thực tập: cân phân tích, cân kỹ thuật, máy UV-Vis, máy đo pH, máy li tâm, máy cắt quay chân không, máy HPLC,...

+ Dụng cụ, hóa chất phục vụ cho thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- **Đánh giá kết thúc học phần**

+ Kiểm tra thực tập: làm thực nghiệm, vấn đáp.

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

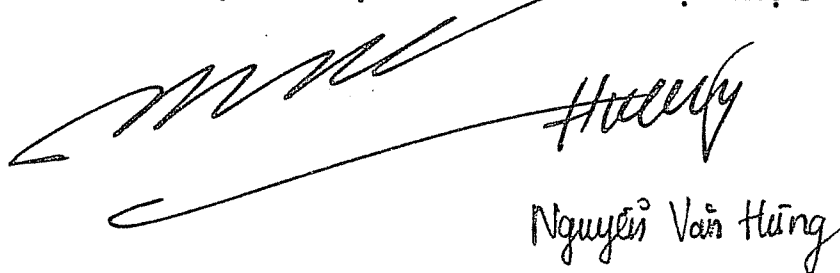
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi thực hành + Điểm thi lý thuyết) / 2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN



BlaimS
Bùi Hải Ninh

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM NGHIỆM
ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN DƯỢC CHÍNH QUY (Tín chỉ)

1- THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: KDU.DKN.D.KNG

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 1

Thực hành: 1

Phân bố thời gian(tiết): 45

Lý thuyết: 15

Thực hành: 30

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Sinh viên dược chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa phân tích, Hóa Dược,

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Bào chế

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Hóa dược-Kiểm nghiệm, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ tham gia giảng dạy: Bùi Hải Ninh, Vũ Thùy Dung, Trần Thị Lương, Phạm Phương Dung.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Kiểm nghiệm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ sở về hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc và vị trí của kiểm nghiệm; giúp sinh viên nắm được nguyên lý của một số phương pháp phân tích thường dùng. Từ đó sinh viên có kỹ năng cơ bản trong thực hành kiểm nghiệm.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

- + Trình bày được hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc và vị trí công tác kiểm nghiệm.
- + Vận dụng nguyên lý cơ bản của các phương pháp Hóa học, Hóa lý, Vi sinh trong quá trình kiểm nghiệm.

- Kỹ năng:

- + Sử dụng và tra cứu được Dược điển Việt Nam IV.
- + Thao tác đúng, chính xác các bước trong quy trình kiểm nghiệm.
- + Thực hành kiểm nghiệm được các dạng bào chế chính.

- Thái độ:

- + Rèn được thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm, có tính kỷ luật cao.
- + Rèn tính trung thực, đoàn kết trong tập thể
- + Rèn tính kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ thông qua quá trình thực nghiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1.	Đại cương	3		9
2.	Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa học	3		9
3.	Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc	3		9
4.	Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp sinh học	2		6
5.	Kiểm nghiệm các dạng bào chế	2		6
6.	Ổn định và tuổi thọ của thuốc	2		6
7.	Hướng dẫn cách tra cứu dược điển và pha các dung dịch thuốc thử, chỉ thị, dung dịch chuẩn độ		5	
8.	Thuốc tiêm: Kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin B ₆		5	
9.	Viên nén: Kiểm nghiệm Viên nén Paracetamol 500mg		5	
10.	Thuốc bột: Kiểm nghiệm thuốc bột Oresol		5	
11.	Thuốc nhỏ mắt: Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt Cloramphenicol 0,4%		5	
12.	Viên nén: Kiểm nghiệm viên nén vitamin C		5	
	Cộng	15	30	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích hiện tượng, nguyên tắc tiến hành.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Kiểm nghiệm dược phẩm : Sách dùng đào tạo dược sỹ đại học / Trần Tử An. - H. : Y học, 2011. - 190 tr. ; 27 cm
- Thực hành Kiểm nghiệm, Bộ môn biên soạn dựa vào tài liệu thực tập Kiểm nghiệm, trường đại học Dược Hà Nội.
- Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế. - Lần xuất bản thứ tư. - H. : Y học, 2009. - 962 tr. ; 29 cm

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng kiểm nghiệm độc chất / Trường Đại học dược - Bộ môn phân tích và độc dược. - H. : Y học, 1984. - 253 tr. ; 24 cm

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- **Lý thuyết:** Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

- **Thực tập:** Phòng thực tập được trang bị đủ:

- + Bàn thực tập chịu được ăn mòn
- + Hệ thống thoát thải chịu được ăn mòn
- + Hệ thống xử lý khí thải
- + Hệ thống đường nước
- + Trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho thực tập: cân phân tích, cân kỹ thuật, máy UV-Vis, máy đo pH, máy li tâm, máy cắt quay chân không, máy HPLC,...
- + Dụng cụ, hóa chất phục vụ cho thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- **Đánh giá kết thúc học phần**

+ Kiểm tra thực tập: làm thực nghiệm, vấn đáp.

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi thực hành + Điểm thi lý thuyết) / 2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN

Nguyễn Văn Hùng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP CHẾ DƯỢC
(TÍN CHỈ)**

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

Phân bố thời gian(tiết): 30

Lý thuyết: 30

Thực hành: 0

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Dược lý, Hóa dược, Bào chế

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học

Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Pháp chế hành nghề Dược cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về các quy định của nhà nước về hành nghề Dược. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng, so sánh vào trong từng trường hợp cụ thể của hoạt động hành nghề Dược

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- SV trình bày được các qui định pháp lý cơ bản trong công tác hành nghề dược.
- SV vận dụng được các qui định pháp lý cơ bản trong công tác hành nghề dược trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, phân phối, tồn trữ và sử dụng thuốc.

3.2. Về kĩ năng

Nắm bắt nhanh chóng những vấn đề lý luận và thực tiễn của chính sách y tế về dược, đặc biệt các chính sách có liên quan đến hoạt hành nghề dược

3.3. Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của các quy phạm pháp luật nói chung và quy định của pháp luật trong lĩnh vực dược nói riêng;
- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động nghề dược;
- Thể hiện được tinh thần tự giác học tập, nghiên cứu, cập nhật các quy phạm pháp luật về dược.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Luật dược và các văn bản quản lý có liên quan đến lĩnh vực hành nghề Dược tại Việt Nam	3		6
2	Phân loại thuốc- danh pháp thuốc	2		4
3	Quy định về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm	3		5

	soát đặc biệt			
4	Quy định kê đơn trong điều trị ngoại trú	2		4
5	Quy định quản lý mỹ phẩm	2		5
6	Quy định về nhãn thuốc- mỹ phẩm	3		4
7	Quy định về đăng ký thuốc	3		6
8	Quy định hành nghề dược tư nhân	3		5
9	Thông tin thuốc- quy chế thông tin quảng cáo thuốc	2		4
10	Quy định thanh tra dược	2		4
Cộng		30	0	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng (2011), Pháp chế Dược (Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học), NXB giáo dục Việt Nam

6.2. Tài liệu học

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng (2011), Pháp chế Dược (Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học), NXB giáo dục Việt Nam
- Thông tư 22/2011/TT-BYT Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện
- Thông tư 23/2011/TT-BYT Hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Thi kết thúc học phần: tự luận

8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm thi kết thúc học phần = Điểm thi lý thuyết

BGH

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN


Nguyễn Văn Hùng


Phạm Văn Trường

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ DƯỢC
(TÍN CHỈ)**

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Phân bố thời gian(tiết): 60

Lý thuyết: 30

Thực hành: 30

Số giờ tự học: 75 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Dược lý, Hóa dược

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học

Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Quản lý kinh tế Dược cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, marketing, quản trị học trong lĩnh vực Dược.

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- SV trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế và những yếu tố đặc thù riêng của công tác quản lý kinh tế dược
- SV trình bày được các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược
- SV có khả năng vận dụng được các kiến thức về quản lý kinh tế áp dụng trong các hoạt động kinh doanh của ngành dược

3.2. Về kĩ năng

Nắm bắt được các vấn đề liên quan trong lĩnh vực quản và kinh tế dược, hệ thống tổ chức quản lý dược ở nước ta và trên thế giới và các tiêu chuẩn, mô hình, công cụ được sử dụng trong quản lý dược.

3.3. Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của quản lý kinh tế trong ngành dược;
- Thể hiện được các phương pháp luận cơ bản vào khả năng tự học tập, nghiên cứu và tiếp cận với xu hướng quản lý kinh tế dược hiện đại.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Doanh nghiệp và luật doanh nghiệp	6		10
2	Tài chính doanh nghiệp	3		9

3	Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dược	6		10
4	Qui định về thuế doanh nghiệp	2		9
5	Qui định về hợp đồng kinh tế	2		7
6	Quản lý cung ứng thuốc	2		10
7	Marketing và marketing dược	5		10
8	Quản trị học trong lĩnh vực dược	4		10
9	Vốn - Tài sản		6	
10	Chi phí - Lợi nhuận		6	
11	Phân tích giá thành		6	
12	Phân tích kỹ năng quản trị		6	
13	Hoạch định chiến lược		6	
Cộng		30	30	75

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: Thuyết trình, cho sinh viên đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên làm việc theo nhóm, đóng vai
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng (2007), Quản lý và kinh tế Dược (Sách đào tạo dược sĩ đại học), NXB Y học
- Nguyễn Thị Thái Hằng (2003), Kinh tế Dược, Đại học Dược Hà Nội

6.2. Tài liệu học

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng (2007), Quản lý và kinh tế Dược (Sách đào tạo dược sĩ đại học), NXB Y học
- Nguyễn Thị Thái Hằng (2003), Kinh tế Dược, Đại học Dược Hà Nội

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu:

- Lý thuyết: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

- Thực hành: Kiểm tra phần chuẩn bị bài thực tập trước khi vào lớp

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Lý thuyết: Thi viết tự luận
- Thực hành: Thi viết

8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm môn học = (Điểm thi lý thuyết*2 + Điểm thi thực tập*1)/3

BGH

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN

Hung

Nguyễn Văn Hưng

[Signature]

Phạm Văn Trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA DƯỢC HỌC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ MÔN DƯỢC LÂM SÀNG

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC KHOA 1
(TÍN CHỈ)**

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 0

Lâm sàng: 2

Phân bố thời gian (tiết): 90

Lý thuyết: 0

Lâm sàng: 90

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Dược lâm sàng cơ bản

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý kinh tế Dược, Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	ThS.DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	ThS.DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	ThS. DS. Phạm Văn Trường	Bộ môn Quản lý kinh tế dược
5	ThS. DS. Ngô Thị Thu Hằng	Bộ môn Quản lý kinh tế dược
6	DS. Lưu Quang Huy	Bộ môn Quản lý kinh tế dược

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần thực hành được khoa 1 tạo điều kiện cho sinh viên quan sát việc được sĩ áp dụng kiến thức chuyên môn ở nhiều lĩnh vực trong ngành Dược. Từ đó giúp sinh viên tích lũy kiến thức thực tiễn trong thực hành.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức, kỹ năng: yêu cầu sinh viên áp dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học vào các hoạt động được tại nhà thuốc, khoa dược và các khoa lâm sàng tại bệnh viện

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cần thận, trung thực và kiên trì
- Tôn trọng và hết lòng với người bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		TH	Tự học
1.	Giới thiệu tổng quát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ khoa dược bệnh viện	5	2.5
2.	Việc sắp xếp, phân loại và bảo quản thuốc tại kho của khoa dược bệnh viện	6	3
3.	Thông tin giới thiệu thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc. Hội đồng thuốc và điều trị	10	5
4.	Cung ứng và cấp phát thuốc trong bệnh viện - Cách tổ chức cung ứng (lập dự trữ, đấu thầu, kí hợp đồng mua) - Cách tổ chức, cấp phát thuốc đến tay người bệnh (ngoại trú, nội trú, bảo hiểm y tế)	11	6.5
5.	Nghiệp vụ dược bệnh viện	10	5

	- Các văn bản pháp lý hiện hành và việc triển khai thực hiện trong khoa dược và các khoa phòng chuyên môn - Các qui trình thao tác chuẩn trong khoa dược bệnh viện - Phần mềm quản lí khoa Dược		
6.	Dược lâm sàng Triển khai công việc theo thông tư 31/2012- BYT	10	5
7.	Giới thiệu về nhà thuốc bệnh viện	5	2
8.	Các qui trình thao tác chuẩn của nhà thuốc GPP	5	3
9.	Quan sát thực hành các hoạt động của nhà thuốc	7	3
10.	Kiểm tra, tổng kết	23	12
	Cộng	90	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thực hành: Thuyết trình, cầm tay chỉ việc

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên quan sát tại khoa Dược bệnh viện và nhà thuốc bệnh viện, tham gia trao đổi.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Checklist.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Checklist.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia thực tập bệnh viện (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: seminar.

- Đánh giá kết thúc học phần:

Thi kết thúc học phần: thi thực hành (báo cáo tiểu luận)

- Trọng số các điểm:

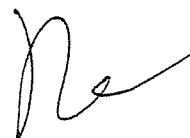
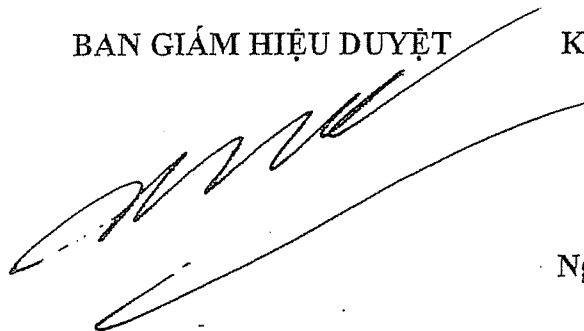
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = điểm thi thực hành

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC

PT BỘ MÔN



Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Thị Mai Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia thực tập bệnh viện (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: seminar.

- Đánh giá kết thúc học phần:

Thi kết thúc học phần: thi thực hành (báo cáo tiểu luận)

- Trọng số các điểm:

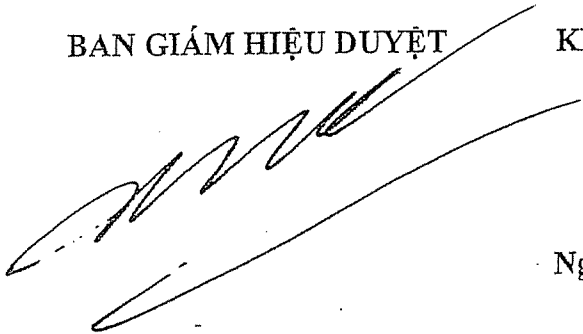
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = điểm thi thực hành

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC

PT BỘ MÔN



Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Thị Mai Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

3.3.Thái độ:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ 3

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian(tiết): 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0
Số giờ tự học: 30
- Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy
- Học phần tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu, Sinh hóa, Sinh lý, Vi sinh, Ký sinh trùng
- Học phần học trước: Dược lý 1, 2
- Học phần song hành: Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lý, Khoa Dược học
- GV phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS.Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Dược lý
2	Ths. BS Phạm Thúy Hằng	Bộ môn Dược lý
3	BS Nguyễn Minh Thảo	Bộ môn Dược lý
4	Ths. BS Nguyễn Thị Thúy Hiếu	Bộ môn YHGD
5	PGS Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi
6	Ths. Nguyễn Thị Vân Anh	Bộ môn Truyền nhiễm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Dược lý lâm sàng:

Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức về sử dụng các thuốc trong điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, chuyển hóa...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN: sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng:

-3.1. Kiến thức

- Trình bày được các bước trong nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng và các chú ý về đạo đức trong nghiên cứu và thực hành lâm sàng.
- Trình bày được các phác đồ trong điều trị điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, chuyển hóa...

3.2. Kỹ năng:

- Áp dụng nguyên tắc và phương pháp dược lý trên lâm sàng với các nhóm thuốc chủ yếu.

3.3. Thái độ:

- Hiểu đúng vai trò của người dược sĩ trong thực hành lâm sàng

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	Tự học
1	- Nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng và đạo đức trong nghiên cứu lâm sàng - Phân công tự soạn bài	04	05
2	Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp	04	05
3	Sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn hô hấp, tiêu hóa	05	04
4	Sử dụng thuốc trong điều trị đái tháo đường (typ1, typ2)	04	04
5	Sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn lipid máu	04	04
6	Sử dụng thuốc trong nhi khoa	04	04
7	- Sử dụng thuốc ở người cao tuổi - Sử dụng thuốc ở phụ nữ có thai và cho con bú.	05	04
Tổng		30	30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, thuyết trình, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bộ môn Dược lý-Đại học Y Hà Nội, *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học, 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2012), *Dược lý học tập 1, 2*, NXB Y học.
- Bertram G. Katzung and el (2009), *Basic and Clinical Pharmacology 12th Edn*, the McGraw - Hill Companies.
- Laurence Bruton and el (2008), *Goodman & Gilman's Manual of Pharmacology and Therapeutics*, the McGraw-Hill Companies.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

- + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- + Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học tập làm điều kiện để đánh giá kết thúc học phần.

*Điều kiện dự thi hết học phần :

- Tham dự $\geq 90\%$ số tiết của học phần
- Thi kết thúc học phần: tự luận

*Điểm tổng kết học phần: điểm lý thuyết

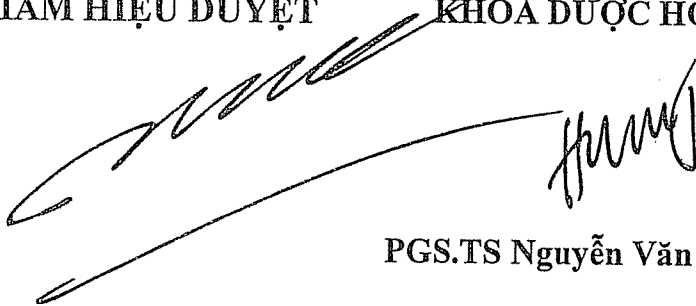
o nếu sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại

o nếu sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN



PGS.TS Nguyễn Văn Hùng



Ths. Nguyễn Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học tập làm điều kiện để đánh giá kết thúc học phần.

*Điều kiện dự thi hết học phần :

- Tham dự $\geq 90\%$ số tiết của học phần
- Thi kết thúc học phần: tự luận

*Điểm tổng kết học phần: điểm lý thuyết

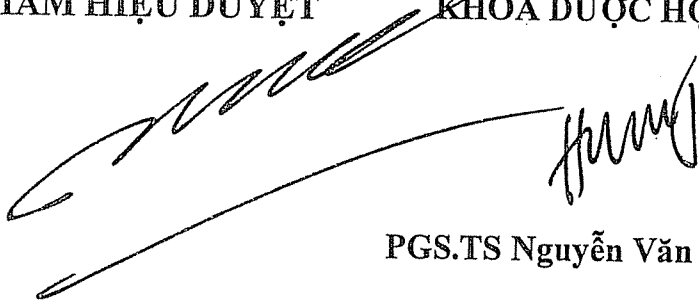
o nếu sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại

o nếu sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

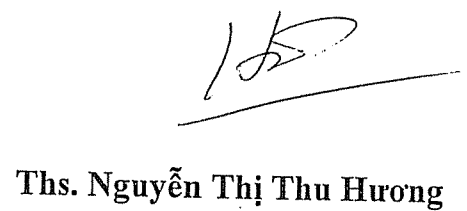
BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN



PGS.TS Nguyễn Văn Hùng



Ths. Nguyễn Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA DƯỢC HỌC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ MÔN DƯỢC LÂM SÀNG

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC DƯỢC
(TÍN CHỈ)**

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Dược lâm sàng, Bệnh học

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	ThS.DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	ThS.DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	ThS.BS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Chăm sóc dược giúp sinh viên hình thành các kỹ năng liên quan đến việc hướng dẫn sử dụng thuốc, theo dõi hiệu quả, độ an toàn, phát hiện nguyên nhân thất bại điều trị liên quan đến thuốc và đề xuất biện pháp xử trí.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức, kỹ năng: Yêu cầu sinh viên sau khi học:

- Biết cách thu thập thông tin khi thực hiện chăm sóc được.
- Có được kỹ năng tư vấn khi thực hiện chăm sóc được cho bệnh nhân
- Xây dựng được nội dung tư vấn cho bệnh nhân điều trị một số bệnh mạn tính: hen, đái tháo đường, tăng huyết áp

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì
- Tôn trọng và hết lòng với người bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
1.	Đại cương về chăm sóc được	2	4
2.	Giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân trong chăm sóc được	3	6
3.	Theo dõi điều trị khi dùng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận	2	4
4.	Kiểm soát tương tác thuốc trong điều trị	2	4
5.	Chăm sóc được cho bệnh nhân hen phế quản	2	4
6.	Chăm sóc được cho bệnh nhân đái tháo đường	2	4
7.	Tư vấn chăm sóc được cho bệnh nhân trong điều trị HIV	2	4
	Cộng	15	30

4.2. Thực tập

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		TH	Tự học
1	Theo dõi điều trị khi dùng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận	12	6
2	Chăm sóc dược cho bệnh nhân hen phế quản	4	2
3	Chăm sóc dược cho bệnh nhân đái tháo đường	6	3
4	Tư vấn chăm sóc dược cho bệnh nhân trong điều trị HIV	4	2
5	Tư vấn chăm sóc dược cho bệnh nhân tăng huyết áp	4	2
	Cộng	30	15

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực
- Thực hành: Tư vấn chăm sóc một trường hợp bệnh nhân cụ thể

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: tư vấn chăm sóc một trường hợp bệnh nhân cụ thể, trao đổi.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Hoàng Thị Kim Huyền (2011), Chăm sóc Dược, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

- Cipolle R.J et al, Pharmaceutical Care Practice, McGraw-Hill (1998).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**
 - + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
 - + Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.
- **Đánh giá kết thúc học phần:**
 - + Kiểm tra thực tập: phân tích case lâm sàng, vấn đáp.
 - + Thi kết thúc học phần: tự luận
- **Trọng số các điểm:**
 - + Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
 - + Điểm môn học = (Điểm thi kết thúc học phần *1+Điểm kiểm tra thực tập*1)/2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC

PT BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Thị Mai Loan
Nguyễn Thị Mai Loan

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Khoa Dược học
Bộ môn Bào chế và công nghệ Dược

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 60 giờ

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Bào chế và sinh dược học 1 &2

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bào chế và công nghệ dược, Khoa Dược học,
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
2	ThS. Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
3	Ds. Vũ Thị Quỳnh	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
4	Ts. Bạch Thị Như Quỳnh	Khoa Kỹ thuật y học

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Kỹ thuật sản xuất dược phẩm. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức về các quy trình kỹ thuật sản xuất các dạng bào chế ở quy mô công nghiệp. Chương trình thực hành đề

cập đến quy trình sản xuất một dạng bào chế ở quy mô công nghiệp đi từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm thuốc đầu ra, đảm bảo 1 quy trình đạt chuẩn GMP.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: sv nắm được một số qui trình cơ bản trong công nghiệp: nghiền, rây, sấy, khuấy trộn, tiệt trùng, lọc, tạo hạt.
- Kỹ năng: nắm được kỹ thuật sản xuất các dạng thuốc: viên nén, viên nang, thuốc tiêm, kỹ thuật bao và ứng dụng công nghệ sản xuất vào thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
- Thái độ: sv tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Sơ lược về sự ra đời và phát triển công nghệ dược phẩm, quá trình nghiên cứu bào chế sản xuất thuốc ra thị trường	2	0	4
2	Kỹ thuật sản xuất thuốc viên nén	4	0	8
3	Kỹ thuật sản xuất thuốc viên nang	4	0	8
4	Kỹ thuật sản xuất thuốc viên tròn	4	10	8
5	Kỹ thuật bao viên	4	5	8
6	Kỹ thuật sản xuất thuốc tiêm	4	0	8
7	Nghiên cứu độ ổn định của thuốc	4	0	8
8	Kỹ thuật sản xuất thuốc bằng công nghệ sinh học	4	15	8
	Tổng	30	30	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích vai trò của tá dược, nguyên tắc tiến hành.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Công nghệ bào chế dược phẩm: Dành cho đào tạo dược sĩ đại học / Hoàng Minh Châu. - Tái bản lần thứ hai, Nhà xuất bản giáo dục, 2013.
2. Kỹ thuật sản xuất dược phẩm: sách đào tạo dược sĩ đại học: Kỹ thuật sản xuất thuốc bằng phương pháp tổng hợp hóa dược và chiết xuất dược liệu. Tập 1 / Ch.b: Từ Minh Koong, Nhà xuất bản Y học, 2007.
3. Kỹ thuật sản xuất dược phẩm: T3 công nghệ sản xuất các dạng thuốc: Sách dành cho đào tạo dược sĩ đại học / Từ Minh Koong, Nhà xuất bản Y học, 2007.
4. Kỹ thuật sản xuất dược phẩm: Sách dành cho đào tạo dược sĩ đại học: T2: Kỹ thuật sản xuất thuốc bằng phương pháp sinh tổng hợp / Từ Minh Koong, Nhà xuất bản Y học, 2007.
5. Thực tập Công nghệ sản xuất dược phẩm, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Khoa Dược, tài liệu lưu hành nội bộ, 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Cơ sở công nghệ sinh học và sản xuất dược phẩm, Nhà xuất bản y học, 2004.
2. Herbert A. Lieberman, Leon Lachman, and Joseph B. Schwartz, *Pharmaceutical Dosage Forms: Tablets Volume 1*, Second Edition, 1989.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết
- Phòng thực tập kèm theo trang thiết bị máy móc: bộ rây, tủ sấy, cân kỹ thuật điện tử, máy dập viên, máy đóng viên nang, máy đo pH, máy đo hàm ẩm, máy đo độ rã, máy đo độ bền, máy đo độ cứng, máy thử độ hòa tan, máy bao viên, máy tạo pellet, máy tạo viên hoàn mềm, máy bao viên hoàn cứng, máy lên men, tủ cấy an toàn sinh học, tủ ẩm 4⁰C, tủ nuôi cấy CO₂.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**
- + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

+ Kiểm tra thực tập: làm thí nghiệm, vấn đáp.

- **Đánh giá sau khi học:** Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

+ Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần

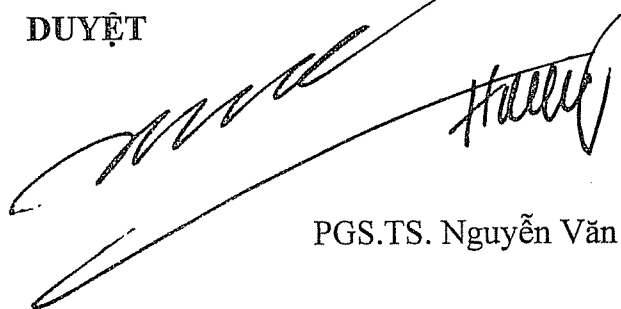
+ Điểm trung bình học phần = (Điểm kiểm tra thực hành * 1 + Điểm thi kết thúc học phần * 2) / 3

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG KHOA

PT BỘ MÔN

DUYỆT



PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
2	Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
3	Ts. Trịnh Hiền Trung	Bộ môn Dược liệu

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp các kiến thức cập nhật về các dạng bào chế mới, đặc biệt như viên nén giải phóng kéo dài, giải phóng nhanh, bao tan trong ruột, thuốc tác dụng tại đích, hệ tri liệu qua da cùng công nghệ bào chế nano.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: sv trình bày được các kiến thức cơ bản về một số viên nén đặc biệt, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt đặc biệt, thuốc tác dụng tại đích, hệ trị liệu qua da.
- Kỹ năng: sv vận dụng được các kiến thức nêu trên vào việc hướng dẫn sử dụng thuốc và trong công tác tìm hiểu nghiên cứu kĩ thuật bào chế dạng thuốc đặc biệt. và ứng dụng công nghệ sản xuất vào thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

- Thái độ: sv tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG CHI TIẾT

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Viên nén giải phóng kéo dài	8	30	12
2	Hệ trị liệu qua da	4	0	8
3	Viên nén giải phóng nhanh	3	0	8
4	Đại cương thuốc tác dụng tại đích	1	0	2
5	Liposome	4	0	8
6	Hệ keo lipid	2	0	6
7	Công nghệ nano trong bào chế thuốc	8	0	16
Tổng		30	30	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Nhà xuất bản y học, *Một số chuyên đề về bào chế hiện đại*, 2005
2. Trường Đại học Dược Hà Nội, *Kỹ thuật nano và liposome ứng dụng trong dược phẩm, mỹ phẩm*, 2013
3. Herbert A. Lieberman, Leon Lachman, and Joseph B. Schwartz, *Pharmaceutical Dosage Forms: Tablets Volume 1*, Second Edition, 1989
4. John Wiley & Sons, Inc (2012), *Transdermal and Topical drug delivery principles and practice*

5. Thực tập Một số dạng bào chế đặc biệt, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Khoa Dược, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2015

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Một số vấn đề cơ bản và hiện đại về công nghệ bào chế các dạng thuốc, Nhà xuất bản y học, 2010

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết
- Phòng thực tập kèm theo trang thiết bị máy móc: bộ rây, tủ sấy, cân kỹ thuật điện tử, máy dập viên, máy đo pH, máy đo hàm ẩm, máy đo độ rã, máy đo độ bền, máy đo độ cứng, máy thử độ hòa tan, máy bao viên, máy tạo pellet, máy đo độ ổn định thuốc, máy đông khô.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**
 - + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
 - + Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.
 - + Kiểm tra thực tập: làm thí nghiệm, vấn đáp.
- **Đánh giá sau khi học:** Thi kết thúc học phần: tự luận
- **Trọng số các điểm:**
 - + Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần
 - + Điểm trung bình học phần = $(\text{Điểm kiểm tra thực hành} * 1 + \text{Điểm thi kết thúc học phần} * 2) / 3$

BAN GIÁM HIỆU
DUYỆT

TRƯỜNG KHOA

PT BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

NHT

Dược CD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 45	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết): 30		

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Dược sỹ chính quy

Học phần tiên quyết: Sinh lý, Sinh lý bệnh-Miễn dịch

Học phần học trước: Điều dưỡng cơ bản

Học phần song hành: Da liễu, Tai mũi họng

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng

Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Thị Hồng,

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cơ chế chung của phản ứng dị ứng; về cơ chế, biểu hiện, chẩn đoán đặc hiệu và điều trị các bệnh dị ứng thường gặp và các bệnh tự miễn chính.

Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về dị ứng và miễn dịch lâm sàng cơ bản để học tập, nghiên cứu các học phần liên quan: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Kiến thức:

- Trình bày được cơ chế chung của phản ứng dị ứng.
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị các bệnh dị ứng thường gặp.
- Trình bày được cơ sở khoa học, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của một số biện pháp trị liệu miễn dịch trong một số bệnh dị ứng và bệnh tự miễn.

Kỹ năng:

- Thực hành được test chẩn đoán bệnh dị ứng.
- Áp dụng các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị các cấp cứu phản ứng dị ứng (sốc phản vệ, cơn hen phế quản cấp, dị ứng thuốc...)

Thái độ: Có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỉ mỉ trong quá trình học tập.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về dị ứng học, dị nguyên, phương pháp điều trị đặc hiệu các bệnh dị ứng Thực hành test lấy da	2	4	4
2	Các phương pháp chẩn đoán dị ứng đặc hiệu	1	2	2
3	Bệnh dị ứng nghề nghiệp	1	2	2
4	Viêm mũi dị ứng, Mày đay	1	4	2
5	Hen phế quản	2	4	4
6	Luput ban đỏ hệ thống	2	4	4
7	Bệnh tự miễn	2		4
8	Dị ứng thuốc	2	2	4
9	Sốc phản vệ	2	2	4
10	Thực hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu		2	
11	Bệnh án dị ứng		2	
12	Viêm khớp dạng thấp		2	
Tổng		15	30	30

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Tuần 1:	- Đại cương dị ứng học, dị nguyên - Chẩn đoán đặc hiệu - Viêm mũi dị ứng	- Giảng viên phân tích cho sinh viên về nguồn gốc môn học, các khái niệm cơ bản và các phương pháp chẩn đoán đặc hiệu các bệnh dị ứng - Giới thiệu các trọng điểm				Sinh viên đọc trước bài ở nhà, tự nghiên cứu bài Viêm mũi dị ứng sau khi giảng viên hướng dẫn nội dung cần chú ý	

		bài Viêm mũi dị ứng để sinh viên tự tìm hiểu					
	- Các phương pháp chẩn đoán dị ứng đặc hiệu - Bệnh dị ứng nghề nghiệp	- Giảng viên giới thiệu các phương pháp chẩn đoán đặc hiệu các bệnh dị ứng, chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc, tiến hành - Giới thiệu một số bệnh nghề nghiệp thường gặp trong thực tế, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu chi tiết				- Sinh viên nghiên cứu và tìm hiểu thêm về các bệnh dị ứng nghề nghiệp khác có thể gặp trên thực tế trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn	
	- Hen phế quản - Bệnh tự miễn - Luput ban đỏ hệ thống	- Giảng viên phân tích chi tiết về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, thăm dò chức năng trong bệnh cảnh Hen phế quản - Hướng dẫn sinh viên các điểm trọng tâm cần lưu ý ở bệnh nhân				- Sinh viên cần lưu ý các tiêu chuẩn chẩn đoán Luput ban đỏ hệ thống - Sinh viên tự tìm hiểu thêm về một số bệnh tự miễn sau khi đã được giảng viên	

		mắc bệnh tự miễn và luput ban đỏ hệ thống				hướng dẫn trọng tâm	
	<i>Dị ứng thuốc</i> <i>- Sốc phản vệ</i>	- Giảng viên phân tích các triệu chứng nhận biết bệnh nhân dị ứng thuốc đặc trưng và hiếm gặp - Giảng viên phân tích sự thay đổi của các hệ cơ quan tương ứng triệu chứng lâm sàng khi bệnh nhân có sốc phản vệ					
Tuần 2:	<i>- Thực hành lâm sàng</i>	- Giảng viên hướng dẫn quy trình tiến hành test lấy da			- Thực hành test lấy da: sau khi được giảng viên nhắc lại phần lý thuyết, chỉ định, chống chỉ định, tiến hành thì sinh viên trực tiếp thực hành test chéo theo hình thức cặp đôi và đọc kết quả	Sinh viên tìm hiểu thêm các phác đồ điều trị số phản vệ cập nhật qua các năm theo khuyến cáo của WHO và Bộ y tế	

					dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên - Bệnh án dị ứng		
	- <i>Thực hành lâm sàng</i>	- Sau khi sinh viên trình bày tóm tắt bệnh án, giảng viên bổ sung góp ý và cùng sinh viên đưa ra chẩn đoán, hướng điều trị - Giảng viên hướng dẫn quy trình tiến hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu và cách đọc kết quả			- Lâm sàng hen phế quản - Lâm sàng viêm khớp dạng thấp - Lâm sàng luput ban đỏ hệ thống - Lâm sàng dị ứng thuốc - Thực hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu	Sinh viên tiếp tục khám và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị cho các bệnh nhân khác trong khoa phòng	
	- <i>Thực hành lâm sàng</i>	- Sau khi sinh viên trình bày tóm tắt bệnh án, giảng viên bổ sung góp ý và cùng sinh viên đưa ra chẩn đoán, hướng điều trị			- Lâm sàng sốc phản vệ - Lâm sàng viêm mũi dị ứng	Sinh viên tiếp tục khám và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị cho các bệnh nhân khác trong khoa phòng	

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm

- Thực hành: giảng lâm sàng tại bệnh viện, nghiên cứu các tình huống lâm sàng, thực hành các test chẩn đoán bệnh dị ứng

6.2. Phương pháp học và tự học

- Lý thuyết: nghe giảng, xem minh họa, thảo luận
- Thực hành: sinh viên thực hành các test chẩn đoán, tham gia trao đổi, thảo luận các tình huống lâm sàng, đóng vai
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng để thuyết trình, thảo luận...

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. https://emedicine.medscape.com/allergy_immunology
1. Bài giảng dị ứng - Miễn dịch lâm sàng. - H. : Y học, 2011. - 174tr.
2. Dị ứng thuốc. - H. : Y học, 2011. - 397tr. ; 27cm
3. Hen phế quản. - H. : Y học, 2011. - 392tr. ; 27cm. Tập 2 : Phần thực hành, 2011. - 392tr.
4. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 1 / Phạm Văn Thúc. - H. : Y học, 2011. - 199tr. ; 27cm
5. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 2 / Phạm Văn Thúc. - H. : Y học, 2011. - 498tr. ; 27cm
6. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về dị ứng - miễn dịch lâm sàng : Ban hành kèm theo Quyết định số 3942/QĐ-BYT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - H. : Y học, 2015. - 143tr. ; 27cm

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

8.1. Thi thực hành lâm sàng: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng mới được thi hết học phần thực hành lâm sàng.

+ Hình thức thi: vấn đáp

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng.

8.2. Thi lý thuyết:

- *Đánh giá ban đầu.*

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Dị ứng - MDLS

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học Dị ứng - MDLS

- *Đánh giá quá trình*: sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- *Đánh giá cuối kỳ*: Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 90 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

8.3. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: $TKHP = (LT + TH)/2$

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. *Học phần lý thuyết*: giảng đường có máy chiếu, phân bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

9.2. *Học phần thực hành lâm sàng*: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Phạm Huy Quyết

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC DỊCH TỄ
(TÍN CHỈ)**

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

Phân bố thời gian(tiết): 30

Lý thuyết: 30

Thực hành: 0

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Dược lý, Quản lý Kinh tế Dược

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học, trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Dịch tễ Dược cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Dược, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức đại cương về dịch tễ học.
- Áp dụng được những kiến thức dịch tễ học trong thiết kế các nghiên cứu về sử dụng thuốc trong cộng đồng, hướng cộng đồng tới việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

3.2. Về kĩ năng

Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu dịch tễ dược học vào thực tiễn.

3.3. Về thái độ

Nhận biết được tầm quan trọng về tổng quan vai trò của dịch tễ dược học trong quản lý và nghiên cứu

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Khái niệm và phương pháp nghiên cứu của dịch tễ dược học	2		3
2	Các thiết kế nghiên cứu	8		9
3	Xác định cỡ mẫu trong nghiên cứu dịch tễ	4		6
4	Kỹ thuật chọn mẫu trong nghiên	4		6

	cứu dịch tễ			
5	Thiết kế, cỡ mẫu và chọn mẫu trong nghiên cứu sử dụng thuốc	4		6
6	Thiết kế bộ câu hỏi trong nghiên cứu sử dụng thuốc ở cộng đồng	4		6
7	Lập kế hoạch nghiên cứu sức khỏe và sử dụng thuốc ở cộng đồng.	4		6
Cộng		30		45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- thực tập: hướng dẫn xây dựng đề cương.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập, sinh viên làm việc nhóm để xây dựng đề cương.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Nguyễn Thanh Bình (2007), Dịch tễ dược học (sách đào tạo dược sĩ đại học), NXB Y học

6.2. Tài liệu học

- Nguyễn Thanh Bình (2007), Dịch tễ dược học (sách đào tạo dược sĩ đại học), NXB Y học

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Lý thuyết: thi viết tự luận
- Thực hành: thi viết tự luận

8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm môn học = $(\text{Điểm thi lý thuyết} \times 2 + \text{Điểm thi thực tập} \times 1) / 3$

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN

Hưng
Nguyễn Văn Hưng

Phạm Văn Trường
Phạm Văn Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC CỔ TRUYỀN 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 2	Thực hành: 0
Phân bố thời gian (tiết): 30 tiết	Lý thuyết: 30 tiết	Thực hành: 0 tiết
Số giờ tự học: 45 tiết		
Đối tượng sinh viên (dự kiến):	Dược sĩ đại học hệ chính quy	
Học phần tiên quyết:	Dược học cổ truyền	
Học phần học trước:	Thực vật dược, Dược liệu 1, Dược liệu 2, Dược liệu biển	

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.

Cán bộ phụ trách giảng dạy: Trịnh Hiền Trung, Đào Thị Bích Ngọc, Lưu Thị Thu Huyền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên những sơ sở khoa học của tác dụng dược lý liên quan tới vị thuốc. Phương thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc y học cổ truyền. Các phương pháp bào chế hiện đại ứng dụng cho sản xuất thuốc y học cổ truyền.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Nắm được tác dụng dược lý liên quan đến công dụng của vị thuốc, phương thuốc (một số nghiên cứu liên quan: các mô hình dược lý đánh giá tác dụng của thuốc, nghiên cứu có liên quan đến một số vị thuốc điển hình).
- Các phương pháp bào chế hiện đại ứng dụng cho thuốc y học cổ truyền.

- Thái độ: Rèn luyện tính trung thực, có tinh thần trách nhiệm

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Tự học
LÝ THUYẾT				
1	Giới thiệu về hiện trạng sử dụng thuốc Y học cổ truyền	10		10
2	Các cơ sở khoa học cho việc sử dụng thuốc y học cổ truyền: – Chẩn trị theo y học phương đông – Tác dụng dược lý liên quan đến công dụng của vị thuốc, phương thuốc (một số nghiên cứu liên quan: các mô hình dược lý đánh giá tác dụng của thuốc, nghiên cứu có liên quan đến một số vị thuốc điển hình)	15		20
3	Các phương pháp bào chế hiện đại ứng dụng cho thuốc y học cổ truyền và một số ví dụ	15		15
TỔNG		30	0	45

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ y tế (2006), *Dược học cổ truyền (sách dùng cho đào tạo dược sỹ đại học)*, NXB Y học, Hà Nội.

6.2 Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Dược cổ truyền - Trường Đại học Dược Hà Nội (2006), *Kỹ thuật chế biến và bào chế thuốc cổ truyền*, Chế bản và in tại trung tâm thông tin – Thư viện Đại học Dược Hà Nội.
- Bộ môn Dược học cổ truyền- Trường Đại học Dược Hà Nội (2002), *Dược học cổ truyền*, NXB Y học
- Dược điển Việt Nam IV, NXB Y học, 20.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 Thực tập: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Dụng cụ dùng cho chế biến thuốc cổ truyền: dao cầu, dao thái, nồi đun,
- Dụng cụ dùng cho phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy
- Tủ sấy dược liệu
- Vị thuốc cổ truyền dùng cho sinh viên nhận thức
- Hệ thống đường nước, bàn ghế thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- Trọng số các điểm:

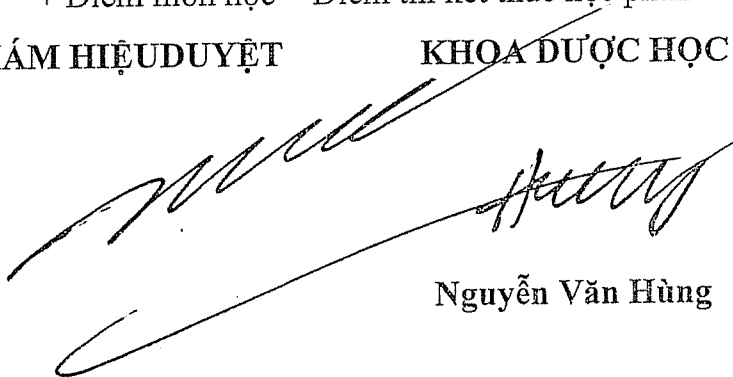
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm môn học = Điểm thi kết thúc học phần

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA ĐƯỢC HỌC

BỘ MÔN



Nguyễn Văn Hùng



Ngô Thị Quỳnh Mai

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU BIỂN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 tiết

Lý thuyết: 30 tiết

Thực hành: 30 tiết

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên

Dược sĩ đại học hệ chính quy

Học phần tiên quyết:

Thực vật dược

Học phần học trước:

Thực vật dược

Học phần song hành:

Dược liệu 1, Dược liệu 2

Bộ môn phụ trách giảng dạy:

Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.

Cán bộ phụ trách giảng dạy: Trịnh Hiền Trung, Đào Thị Bích Ngọc, Lưu Thị Thu Huyền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần mô tả các nhóm dược liệu từ biển (động vật, thực vật, vi sinh vật, hệ thống phân loại và hệ thống học thực vật biển. Độc tố từ các nhóm sinh vật biển khác.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: Sau khi học xong môn phân loại thực vật biển, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về nguyên tắc phân loại để có khả năng:

- Nắm được các nhóm dược liệu từ biển (động vật, thực vật, vi sinh vật, hệ thống phân loại và hệ thống học thực vật biển).
- Độc tố từ các nhóm sinh vật biển khác.
- Nắm được độc tố biển và các sản phẩm chủ yếu từ sinh vật biển Việt Nam hiện có trên thị trường.

- Kỹ năng: Vận dụng và liên hệ được những kiến thức về dược liệu biển vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học

- Thái độ: Rèn luyện tính tỉ mỉ, trung thực, có tinh thần trách nhiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Số giờ tự học
<i>PHẦN I: CÁC NHÓM DUỘC LIỆU ĐỘNG VẬT BIỂN</i>		12	6	30
1	Nhóm Hải miên			10
2	Nhóm San hô			5
3	Nhóm Da gai			5
4	Nhóm Động vật thân mềm biển			5
5	Nhóm Giáp xác			5
<i>PHẦN II: CÁC NHÓM DUỘC LIỆU THỰC VẬT VÀ VI SINH VẬT BIỂN</i>		8	6	20
1	Nhóm Thực vật biển			10
2	Nhóm Vi sinh vật biển			10
<i>PHẦN III: ĐỘC TỔ VÀ CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU HIỆN NAY</i>		10	6	25
1	Độc tố biển			5
2	Các sản phẩm từ sinh vật biển Việt Nam			5
3	Các nhóm sinh vật biển khác			5
4	Thu mẫu tại thực địa		12	10

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học, sinh viên thực tế tại cơ sở, viết báo cáo thu hoạch....

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy: Tài liệu do giảng viên bộ môn và các chuyên gia biên soạn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 Thực tập: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Dụng cụ dùng cho làm tiêu bản thực vật: Kính hiển vi, giấy thấm, Tủ sấy....
- Hóa chất dùng cho tẩy nhuộm tiêu bản: Javen, xanh methylen, đỏ carmin.....
- Hệ thống đường nước, bàn ghế thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

- Đánh giá trong quá trình học tập:

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần

+ Kiểm tra thực tập: Làm tiêu bản, nộp bài báo cáo khoa học.

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- Trọng số các điểm:

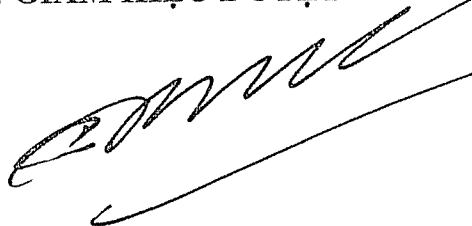
+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

Điểm môn học = (Điểm thi kết thúc học phần *2+Điểm kiểm tra thực tập)/3.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA ĐƯỢC HỌC

BỘ MÔN


HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*


Nguyễn Văn Hùng


Ngô Thị Quỳnh Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MARKETING DƯỢC VÀ THỊ TRƯỜNG DƯỢC PHẨM
(TÍN CHỈ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

Phân bố thời gian(tiết): 30

Lý thuyết: 30

Thực hành: 0

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Dược lý, Quản lý Kinh tế Dược, Bào chế

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học

Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Marketing Dược cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về Marketing và ứng dụng các chiến lược của Marketing trong đặc thù của ngành Dược

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức đại cương về Marketing.
- Áp dụng được những kiến thức về Marketing vào ngành Dược.

3.2. Về kỹ năng

Sau khi học xong, sinh viên có thể có được những kỹ năng cơ bản của người làm Marketing đối với một sản phẩm kinh doanh, ở đây là lĩnh vực dược phẩm

3.3. Về thái độ

Sinh viên sẽ hình thành được nhận thức và sự yêu thích đối với Marketing nói chung và marketing dược nói riêng. Từ đó, phát triển ý thức thực hành và ứng dụng thường xuyên các kiến thức và kỹ năng Marketing được học trong hoạt động kinh doanh dược phẩm.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	thực hành	Tự học
1	Bản chất của Marketing	2		6
2	Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing	2		6
3	Môi trường Marketing	2		6
4	Phân đoạn thị trường, thị trường mục tiêu	3		6
5	Hành vi của khách hàng	3		6

6	Các quyết định về sản phẩm	3		6
7	Các quyết định về giá cả	3		6
8	Các quyết định về phân phối	3		6
9	Các quyết định về xúc tiến	3		6
10	Marketing được	6		6
Cộng		30		60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài

liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Trần Minh Đạo (2002), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Giáo dục

6.2. Tài liệu học

- Trần Minh Đạo (2002), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Giáo dục

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng

phần.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Thi kết thúc học phần: tự luận

8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm thi kết thúc học phần = Điểm thi lý thuyết

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN


Nguyễn Văn Hùng.


Phạm Văn Trường

6	Các quyết định về sản phẩm	3		6
7	Các quyết định về giá cả	3		6
8	Các quyết định về phân phối	3		6
9	Các quyết định về xúc tiến	3		6
10	Marketing được	6		6
Cộng		30		60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài

liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Trần Minh Đạo (2002), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Giáo dục

6.2. Tài liệu học

- Trần Minh Đạo (2002), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Giáo dục

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng

phần.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Thi kết thúc học phần: tự luận

8.4. Trọng số các điểm

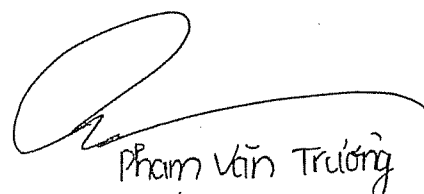
- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm thi kết thúc học phần = Điểm thi lý thuyết

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN



Nguyễn Văn Hùng.



Phạm Văn Trường

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Khoa Dược học

Bộ môn Bào chế và công nghệ Dược

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MỸ PHẨM VÀ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

Số giờ tự học: 60 giờ

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Bào chế và sinh dược học 1 &2

Học phần học trước: không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bào chế và công nghệ dược, Khoa Dược học,

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
2	ThS. Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
3	Ds. Vũ Thị Quỳnh	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về thực phẩm chức năng và mỹ phẩm, giúp sinh viên phân biệt giữa thực phẩm chức năng và thuốc. Đồng thời cung cấp các kiến thức về các thông tư hướng dẫn quản lý sử dụng thực phẩm chức năng và mỹ phẩm tại Việt Nam. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về những nguồn nguyên liệu chủ yếu sử dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng và mỹ phẩm.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: sv trình bày được khái niệm, phân loại thực phẩm chức năng và mỹ phẩm, phân biệt được thực phẩm chức năng và thuốc, nêu được các nguồn nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.

- Kỹ năng: sv hướng dẫn sử dụng mỹ phẩm và thực phẩm chức năng hợp lý, an toàn, nắm được các thông tư hướng dẫn về quản lý, sử dụng thực phẩm chức năng và mỹ phẩm, ứng dụng công nghệ sản xuất vào thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
- Thái độ: sv tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG CHI TIẾT

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Giới thiệu về thực phẩm chức năng và phân loại các nguồn nguyên liệu trong sản xuất thực phẩm chức năng	5	0	10
2	Nhóm chất bổ sung nguồn gốc hóa dược và một số dạng bào chế thường gặp	5	0	10
3	Nhóm chất bổ sung nguồn gốc thực vật, sinh học và một số dạng bào chế thường gặp	5	0	10
4	Phân tích được thành phần chính và kỹ thuật bào chế một số chế phẩm mỹ phẩm thông dụng	15	0	30
	Tổng	30	0	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Dương Thanh Liêm- *Thực phẩm chức năng – sức khỏe bền vững* – NXB Khoa học kỹ thuật, 2010
2. Thông tư số 43/2014/TT-BYT quy định về quản lý thực phẩm chức năng, Bộ y tế
3. A.O Barel, *Handbook of cosmetic science and technology*, Informa, 2009

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Pamela Manson – Dietary supplement – Third edition – London 2007
2. Bộ môn Bào chế trường Đại học Dược Hà Nội, *Kỹ thuật nano và liposome ứng dụng trong dược phẩm, mỹ phẩm*, 2013
3. *Paucher's perfume, cosmetics and soaps*, Hilda Butler, 10th Edition, 1993
4. L.D. Rhein et al, *Surfactants in personal care product and decorative cosmetic*, CRC Press, 2007

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết

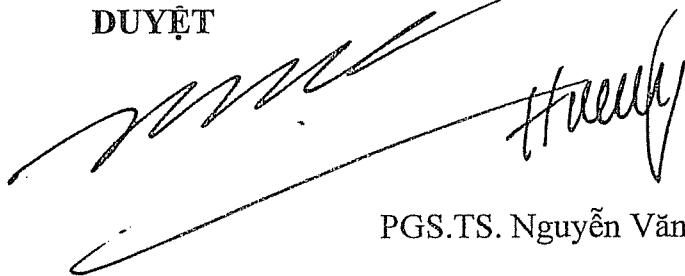
8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**
 - + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
 - + Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.
- **Đánh giá sau khi học:** Thi kết thúc học phần: tự luận
- **Trọng số các điểm:**
 - + Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần
 - + Điểm trung bình học phần = Điểm thi kết thúc học phần

BAN GIÁM HIỆU
DUYỆT

TRƯỞNG KHOA

PT BỘ MÔN




PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA DƯỢC HỌC

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BỘ MÔN BẢO CHẾ VÀ CÔNG NGHỆ DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THUỐC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa lý, Hóa dược, dược lý, Bảo chế, Dược liệu

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bảo chế và công nghệ dược, Khoa Dược học,

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bảo chế và Công nghệ dược
2	Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bảo chế và Công nghệ dược
3	PGS. Ts. Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Dược lý
4	DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
5	ThS. Ngô Thị Quỳnh Mai	Bộ môn Dược liệu
6	ThS. Bùi Hải Ninh	Bộ môn Hóa dược kiểm nghiệm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quá trình nghiên cứu phát triển thuốc.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: sv trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình nghiên cứu và phát triển thuốc mới trên thị trường.
- Kỹ năng: sv vận dụng được kiến thức cơ bản nêu trên vào thực hành nghiên cứu phát triển thuốc và ứng dụng vào thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
- Thái độ: sv tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	TH	Tự học
1	Đại cương về nghiên cứu và phát triển thuốc	4	0	6
2	Tìm kiếm chất dẫn đường từ hợp chất tự nhiên và các cây thuốc cổ truyền	4	0	12
3	Tìm kiếm các chất dẫn đường từ sàng lọc các ngân hàng hóa chất tổng hợp và thuốc hiện tại	4	0	12
4	Quy trình nghiên cứu tiền lâm sàng	4	0	8
5	Nghiên cứu tổng hợp quy mô công nghiệp và dạng bào chế	5	0	8
6	Quy trình nghiên cứu lâm sàng	4	0	8
7	Quy trình đăng ký thuốc mới, đăng ký bảo hộ độc quyền phát minh sáng chế	5	0	6
	Cộng	30	0	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Nhà xuất bản Y học, Nghiên cứu phát triển thuốc mới, 2015
2. Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế - Lần xuất bản thứ tư. – Nhà xuất bản Y học, 2009.
3. M.E. Aulton, *Pharmaceutics the science of dosage form design*, 2nd edition, 2002

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Nhà xuất bản Y học, Hoá Dược 1, 2015
2. Nhà xuất bản Y học, Hoá Dược 2, 2015
3. Leon Lachman, Herbert A. Libermann, Joseph L. Kaning, *The theory and practice of industrial pharmacy*, Third edition, 1986.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- **Đánh giá sau khi học:** Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần

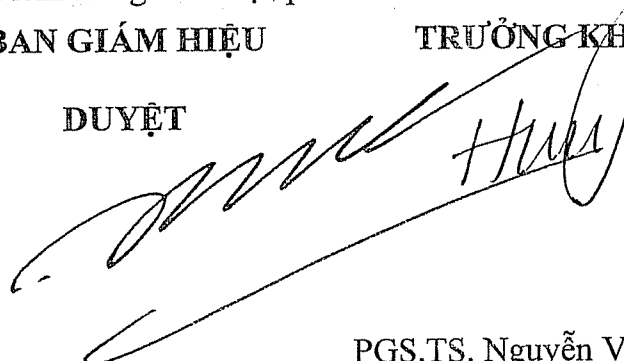
Điểm trung bình học phần = Điểm thi kết thúc học phần

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG KHOA

PT BỘ MÔN

DUYỆT



PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MARKETING DƯỢC VÀ THỊ TRƯỜNG DƯỢC PHẨM
(TÍN CHỈ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

Phân bố thời gian(tiết): 90

Lý thuyết: 30

Thực hành: 0

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Dược lý, Quản lý Kinh tế Dược, Bào chế

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học

Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Marketing Dược cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về Marketing và ứng dụng các chiến lược của Marketing trong đặc thù của ngành Dược

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức đại cương về Marketing.
- Áp dụng được những kiến thức về Marketing vào ngành Dược.

3.2. Về kỹ năng

Sau khi học xong, sinh viên có thể có được những kỹ năng cơ bản của người làm Marketing đối với một sản phẩm kinh doanh, ở đây là lĩnh vực dược phẩm

3.3. Về thái độ

Sinh viên sẽ hình thành được nhận thức và sự yêu thích đối với Marketing nói chung và marketing dược nói riêng. Từ đó, phát triển ý thức thực hành và ứng dụng thường xuyên các kiến thức và kỹ năng Marketing được học trong hoạt động kinh doanh dược phẩm.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		lý thuyết	thực hành	Tự học
1	Bản chất của Marketting	2		6
2	Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketting	2		6
3	Môi trường Marketting	2		6
4	Phân đoạn thị trường, thị trường mục tiêu	3		6
5	Hành vi của khách hàng	3		6

6	Các quyết định về sản phẩm	3		6
7	Các quyết định về giá cả	3		6
8	Các quyết định về phân phối	3		6
9	Các quyết định về xúc tiến	3		6
10	Marketing được	6		6
Cộng		30		60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài

liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Marketing căn bản- Đại học kinh tế quốc dân

6.2. Tài liệu học

- Marketing căn bản- Đại học kinh tế quốc dân

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng

phần.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Thi kết thúc học phần: tự luận

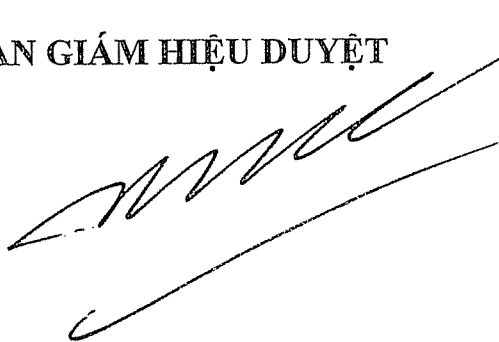
8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm thi kết thúc học phần = Điểm thi lý thuyết

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

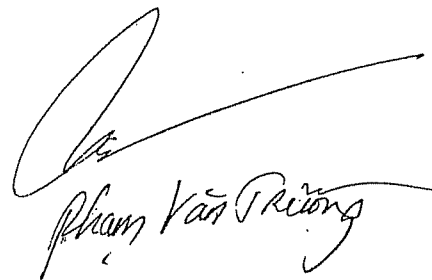
KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ**

1. Mã số: Pháp luật và chính sách y tế

2. Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành:

3. Số tiết học: 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 2; Thực hành: 0)

5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ Bộ môn Pháp luật và Chính sách y tế thuộc
Bộ môn Y học xã hội

6. Đối tượng: DƯỢC

7. Giảng viên giảng dạy:

- TS. Nguyễn Hải Ninh
- ThS. Nguyễn Thị Lan Anh
- BSCKII. Nguyễn Bá Dung

8. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được những kiến thức chung về nhà nước và pháp luật.
2. Trình bày được kiến thức cơ bản của pháp luật chuyên ngành
3. Trình bày được kiến thức cơ bản về pháp luật chính sách y tế.
4. Trình bày được quá trình hình thành, vai trò, ý nghĩa của luật BVSKND
5. Trình bày được nội dung chính của luật khám chữa bệnh và luật bảo hiểm y tế trong công tác y tế hiện nay.
6. Trình bày được khái niệm một số chính sách về y tế của Đảng và Nhà nước.
7. Vận dụng được những KT môn học vào thực tế công việc và cuộc sống.

9. Nội dung:

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	3		4

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
2	Nhà nước nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Bộ máy Nhà nước và Hệ thống chính trị	1		2
3	Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật, QPPL và VBQPPL	2		4
4	Quan hệ PL, thực hiện PL, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	2		4
5	Luật Hiến Pháp – Luật Dân sự, Tổ tụng dân sự	3		7
6	Luật Hành chính – Luật Lao động	3		7
7	Luật Hình sự - Pháp luật phòng chống tham nhũng	3		7
8	Pháp Luật Kinh tế - Luật Hôn nhân gia đình	3		4
9	Khái niệm về luật pháp chính sách trong y tế, vai trò, ý nghĩa về nội dung các luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân	3		7
10	Nội dung của luật khám chữa bệnh và luật BH y tế	4		7
11	Một số chính sách về y tế của nhà nước Việt Nam	3		7
TỔNG SỐ:		30		60

10. Phương pháp dạy - học:

10.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: thuyết trình , thảo luận nhóm, bài tập tình huống
- Bài tập tình huống: Đưa ra các giả thuyết nhận định và phân tích tình huống, thảo luận nhóm, đưa ra bài học

10.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học

- Khi làm các bài tập tình huống: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, đọc tài liệu và phân tích, nhận định từ đó rút ra hướng giải quyết vấn đề.
- Sinh viên tự học: sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

11. Lượng giá:

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Hỏi thăm sinh viên về tình hình học tập, thi. Sinh viên cần học trước các học phần: NLCB1,2 để việc học tập tại bộ môn hiệu quả hơn.
- Kiểm tra đánh giá trong quá trình học: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn

Đưa ra các tình huống liên quan các nội dung được học và tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn chia nhóm giải quyết

- Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

+ Lý thuyết: thi trắc nghiệm

+ Tỷ trọng điểm: LT

12. Tài liệu học tập:

12.1. Tài liệu giảng dạy

1. Tài liệu do Pháp luật và chính sách y tế Bộ môn biên soạn,

12.2. Tài liệu tham khảo

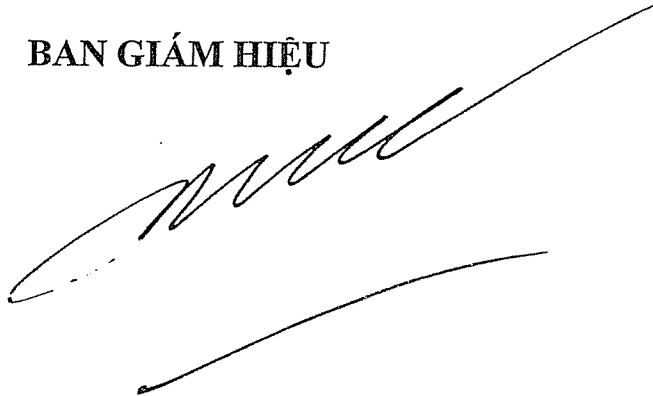
1. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam các năm 1946; 1959; 1980; 1992; 2013.
2. Bộ Luật Dân sự 2005
3. Bộ Luật Lao động 2012
4. Bộ Luật Hình sự 1999; Bổ sung sửa đổi năm 2009
5. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 2000; 2014.
6. Luật doanh nghiệp 2005
7. Luật xử lý Vi phạm hành chính 2012.
8. Giáo trình Pháp luật đại cương (Dành cho các trường ĐH- CĐ không chuyên ngành Luật)– Nhà XB ĐH Quốc Gia Hà Nội, năm 2013.
9. Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân; Nhà XB Pháp lý 1989
10. Luật khám chữa bệnh 2009
11. Luật bảo hiểm y tế 2011
12. Chính sách y tế
13. Luật Dược 2005

14. Luật phòng chống tham nhũng

12. Cơ sở vật chất:

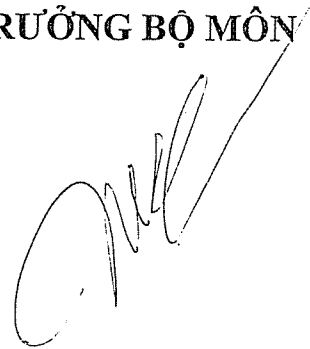
- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Hải Ninh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC XÃ HỘI HỌC (TÍN CHỈ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

Phân bố thời gian(tiết): 45

Lý thuyết: 30

Thực hành: 0

Số giờ tự học: 15 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Dược lý, Quản lý Kinh tế Dược, Bào chế, Pháp chế hành nghề Dược

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học

Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Dược xã hội học cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức căn bản về các chính sách về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và lĩnh vực Dược của Nhà nước, các ví dụ về xây dựng mô hình quản lý Dược ở các nước trên thế giới.

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- Trình bày được xu hướng phát triển hiện nay của ngành dược trên thế giới
- Trình bày được các quan niệm, đường lối chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước về ngành y tế, các chương trình y tế trọng điểm
- Trình bày được những nội dung cơ bản trong chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam

3.2. Về kỹ năng

Nắm bắt được các xu hướng, quan niệm, đường lối của Đảng và Nhà nước về dược và thực hiện được kỹ năng xây dựng và triển khai kế hoạch về dược trong các cơ sở y tế cộng đồng và các hoạt động chuyên môn về dược.

3.3. Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành dược.
- Thể hiện được tinh thần tự giác học tập, nghiên cứu

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Lịch sử ngành dược việt nam	2		2
2	Tổ chức ngành dược Việt Nam	2		4
3	Quan điểm nhiệm vụ ngành	2		2
4	Chiến lược chăm sóc sức khỏe toàn dân	3		3
5	Các chương trình y tế quốc gia	3		3
6	Chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam	6		4
7	Chương trình thuốc thiết yếu của WHO và Việt Nam	3		4
8	Bảo hiểm y tế	6		4
9	Công tác dược bệnh viện	3		4
Cộng		30		30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Bài giảng dược xã hội học- Đại học Dược Hà Nội

- Hoàng Đình Cầu (1982), Y học xã hội, NXB Y học

6.2. Tài liệu học

- Bài giảng dược xã hội học- Đại học Dược Hà Nội

- Hoàng Đình Cầu (1982), Y học xã hội, NXB Y học

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Thi kết thúc học phần: tự luận

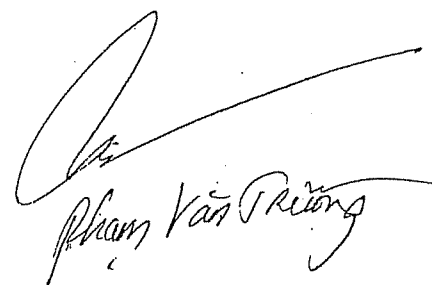
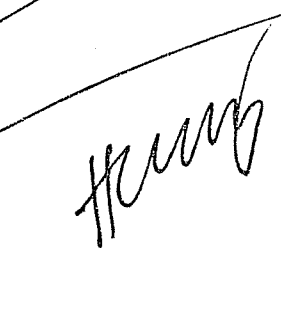
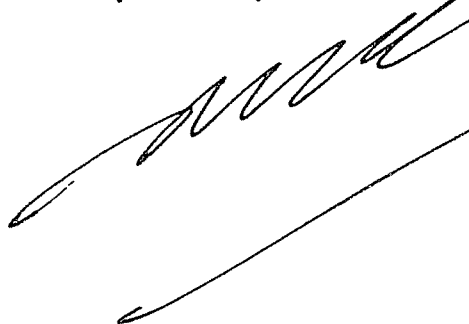
8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm thi kết thúc học phần = Điểm thi lý thuyết

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA ĐƯỢC HỌC

BỘ MÔN



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ
(TÍN CHỈ)**

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): 135 Lý thuyết: 45 Thực hành: 0

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa sinh lâm sàng, Dược lâm sàng, Bệnh học

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	ThS.DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	ThS.DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Trưởng Khoa Dược
5	ThS.BS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm
6	ThS. BS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	Giảng viên kiêm nhiệm
7	ThS.BS. Nguyễn Văn Thành	Giảng viên kiêm nhiệm
8	ThS.BS. Nguyễn Thùy Linh	Giảng viên kiêm nhiệm
9	ThS.BS. Phạm Thị Vân Anh	Giảng viên kiêm nhiệm
10	ThS.BS. Bùi Bích Ngọc	Giảng viên kiêm nhiệm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Sử dụng thuốc trong điều trị cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nhóm thuốc, phác đồ điều trị các bệnh thường gặp. Từ đó sinh viên có cơ sở để hình thành được kỹ năng thực hành được lâm sàng trong tư vấn và giám sát các công việc liên quan đến thuốc.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức: yêu cầu sinh viên sau khi học phải phân tích, áp dụng được cách sử dụng thuốc để điều trị từng bệnh

Về kỹ năng: sinh viên hình thành kỹ năng tư vấn và giám sát việc sử dụng thuốc trong thực hành lâm sàng

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì
- Tôn trọng và hết lòng với người bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
1.	Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp	3	6
2.	Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh suy tim	3	6
3.	Sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường	3	6
4.	Sử dụng thuốc điều trị bệnh rối loạn mỡ máu	3	6
5.	Sử dụng thuốc điều trị bệnh loét dạ dày, tá tràng	3	6
6.	Sử dụng thuốc điều trị các bệnh về mắt	7	14
7.	Sử dụng thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng	7	14
8.	Sử dụng thuốc điều trị các bệnh da liễu	3	6
9.	Sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh cơ, xương, khớp	3	6
10.	Sử dụng thuốc điều trị một số bệnh nhiễm khuẩn	7	14
11.	Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh dị ứng- miễn dịch thường gặp	3	6
	Cộng	45	90

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 2 : Sử dụng thuốc trong điều trị, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn điều trị và sử dụng thuốc : Dành cho bác sỹ và dược sỹ tuyến cơ sở (2000), NXB Y học
- Tài liệu tập huấn sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị: Tài liệu dùng cho đào tạo liên tục bác sỹ, dược sỹ bệnh viện (2005), NXB Hà Nội
- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng - Những nguyên lý sử dụng thuốc trong điều trị tập 1, NXB Y học.
- Drug therapy 2000 : Milo Gibaldi Ph.D. - New york : McGraw – Hill
- Barbara G. Wells et al (2014), Pharmacotherapy hand book 9th, McGraw-Hill.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước.

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

- + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

- + Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- **Đánh giá sau khi học:**

- + Thi kết thúc học phần: tự luận

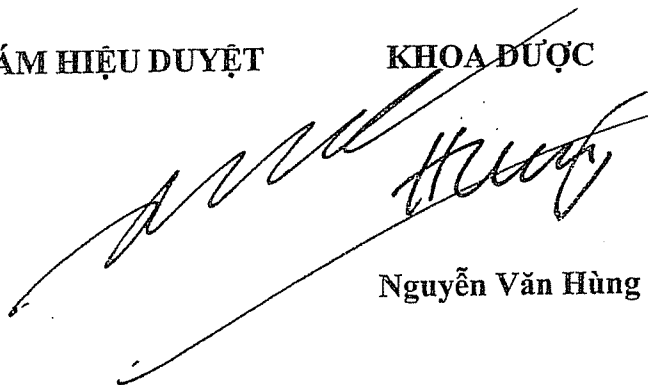
- Trọng số các điểm:

- + Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần
- + Điểm thi kết thúc học phần= Điểm thi kết thúc học phần

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA ĐƯỢC

PT BỘ MÔN



Nguyễn Văn Hùng



Nguyễn Thị Mai Loan

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC KHOA 2
(TÍN CHỈ)**

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 5

Lý thuyết: 0

Thực hành: 5

Phân bố thời gian(tiết): 225

Lý thuyết: 0

Thực hành: 225

Số giờ tự học: 75 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học

Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn học thực hành dược khoa 2 tạo điều kiện cho sinh viên quan sát việc dược sỹ áp dụng kiến thức chuyên môn ở nhiều lĩnh vực trong ngành Dược. Từ đó giúp sinh viên tích lũy kiến thức thực tiễn trong thực hành.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Về kiến thức

Quan sát dược sỹ áp dụng kiến thức chuyên môn ở nhiều lĩnh vực thực hành, làm quen với môi trường nghề nghiệp

3.2. Về kỹ năng

Áp dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học vào các hoạt động dược tại nhà thuốc khoa dược và các khoa lâm sàng tại bệnh viện

3.3. Về thái độ

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc dược giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì
- Tôn trọng và hết lòng với người bệnh

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	Tên bài	Số tiết	
		Thực hành	Tự học
Tại khoa Dược bệnh viện			
1	Giới thiệu tổng quát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ khoa dược bệnh viện	4	4
2	Việc sắp xếp, phân loại và bảo quản thuốc tại kho của khoa dược bệnh viện	8	4

3	Thông tin giới thiệu thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc. Hội đồng thuốc và điều trị	16	8
4	Cung ứng và cấp phát thuốc trong bệnh viện - Cách tổ chức cung ứng (lập dự trữ, đấu thầu, kí hợp đồng mua) - Cách tổ chức, cấp phát thuốc đến tay người bệnh (ngoại trú, nội trú, bảo hiểm y tế)	16	8
5	Nghiệp vụ dược bệnh viện - Các văn bản pháp lý hiện hành và việc triển khai thực hiện trong khoa dược và các khoa phòng chuyên môn - Các qui trình thao tác chuẩn trong khoa dược bệnh viện - Phần mềm quản lí khoa Dược	16	8
6	Dược lâm sàng Triển khai công việc theo thông tư 31/2012- BYT	80	20
7	Pha chế thuốc trong bệnh viện	4	2
Tại nhà thuốc bệnh viện			
1	Giới thiệu về nhà thuốc bệnh viện	4	2
2	Các qui trình thao tác chuẩn của nhà thuốc GPP	8	4
3	Quan sát thực hành các hoạt động của nhà thuốc	60	15
Kiểm tra, tổng kết		9	
	Cộng	225	75

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình
- Cầm, tay chỉ việc

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên quan sát tại khoa Dược bệnh viện và nhà thuốc bệnh viện, tham gia trao đổi.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

Checklist

6.2. Tài liệu học

Checklist

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Bệnh viện thực hành của nhà trường
- Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng

phần.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia thực tập bệnh viện (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: seminar.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Kiểm tra thực tập: phiếu đánh giá kết quả thực tế.
- Thi kết thúc học phần: báo cáo tiểu luận

8.4. Trọng số các điểm

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm môn học = (Điểm phiếu đánh giá kết quả thực tế + Điểm tiểu luận)/2

= 8,75

LGH

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN

Hung

Nguyễn Văn Hưng

Phạm Văn Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC KHOA 3
(TÍN CHỈ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 5 Lý thuyết: 0 Thực hành: 5

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 0 Thực hành: 225

Số giờ tự học: 75 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học chính quy

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Dược lâm sàng cơ bản

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý kinh tế Dược, Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	ThS.DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	ThS.DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	ThS. DS. Phạm Văn Trường	Bộ môn Quản lý kinh tế dược
5	ThS. DS. Ngô Thị Thu Hằng	Bộ môn Quản lý kinh tế dược
6	DS. Lưu Quang Huy	Bộ môn Quản lý kinh tế dược

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần thực hành dược khoa 3 tạo điều kiện cho sinh viên quan sát việc dược sĩ áp dụng kiến thức chuyên môn ở nhiều lĩnh vực trong ngành Dược. Từ đó giúp sinh viên tích lũy kiến thức thực tiễn trong thực hành.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức, kỹ năng: yêu cầu sinh viên áp dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học tại các môi trường nghề nghiệp khác nhau

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì
- Tôn trọng và hết lòng với người bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		TH	Tự học
I. Thực hành tại bệnh viện			
1.	Giới thiệu tổng quát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ khoa dược bệnh viện	5	1
2.	Việc sắp xếp, phân loại và bảo quản thuốc tại kho của khoa dược bệnh viện	5	2
3.	Thông tin giới thiệu thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc. Hội đồng thuốc và điều trị	20	5
4.	Cung ứng và cấp phát thuốc trong bệnh viện - Cách tổ chức cung ứng (lập dự trữ, đấu thầu, kí hợp đồng mua) - Cách tổ chức, cấp phát thuốc đến tay người bệnh (ngoại trú, nội trú, bảo hiểm y tế)	15	4
5.	Nghị vụ dược bệnh viện - Các văn bản pháp lý hiện hành và việc triển khai thực hiện trong khoa dược và các khoa phòng chuyên môn - Các qui trình thao tác chuẩn trong khoa dược bệnh viện - Phần mềm quản lí khoa Dược	10	3
6.	Dược lâm sàng	40	20

	Triển khai công việc theo thông tư 31/2012- BYT		
7.	Giới thiệu về nhà thuốc bệnh viện	10	5
8.	Các qui trình thao tác chuẩn của nhà thuốc GPP	10	5
9.	Quan sát thực hành các hoạt động của nhà thuốc	20	10
II. Thực hành tại cơ sở sản xuất hoặc vườn dược liệu			
10	Sinh viên chia làm 2 nhóm đi thực tế tại Công ty TNHH NIPRO Pharma Việt Nam hoặc vườn Quốc gia Cát Bà	40	20
III. Kiểm tra, tổng kết		40	
	Cộng	225	75

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thực hành: Thuyết trình, cầm tay chỉ việc

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên quan sát tại khoa Dược bệnh viện và nhà thuốc bệnh viện, tham gia trao đổi.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Checklist.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Checklist

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường của bệnh viện có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên
- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia thực tập bệnh viện (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: seminar.

- Đánh giá kết thúc học phần:

Thi kết thúc học phần: thi thực hành (báo cáo tiểu luận)

- Trọng số các điểm:

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = điểm thi thực hành

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

KHOA DƯỢC

Nguyễn Văn Hùng

PT BỘ MÔN

Nguyễn Thị Mai Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*